

Họ Nguyễn & Cuộc Nam Tiến, 1558-1945

Vũ Ngự Chiêu

© 2014, by Chieu Ngu Vu. All Rights Reserved.

Sử gia chân chính là người nỗ lực tái tạo lịch sử trong khoảng thời không cá biệt với sự khách quan tối đa và phương pháp khoa học nhân văn nghiêm chỉnh. Lịch sử một quốc gia và dân tộc có những thời khoảng không thể sửa đổi theo quan điểm cá nhân về tôn giáo, chính trị hay ý thức hệ.

Houston, 30/1/2014

Những chữ viết tắt:

ANCL : Lê Tắc, An Nam Chí Lược, bản dịch Chen Ching Ho [Trần Kính Hòa] et al. (dựa trên truyền bản Lạc Thiện Đường, Ginko Kishida [Ngạn Ngâm Hương] sưu tập và hiệu đính năm 1884) (Huế: Đại học Huế, 1961)

An Nam Chí Lược của Lê Tắc—hoàn tất khoảng năm 1306-1336?, cuối đời Nguyên, gồm 20 quyển, nhưng chỉ còn truyền bản 19 quyển, do Ngạn Ngâm Hương [Kishi Ginko] hiệu đính năm 1884—cung cấp nhiều chi tiết về bang giao Việt-Hoa dưới thời Tống và Nguyên. [Tựa của Kishi Ginko [Ngạn Ngâm Hương]; Lê Tắc, *An Nam chí lược [An Abridged Account of Annam] (1336?)*; Quyển thủ, *Trans. into romanized Vietnamese by Chen Ching-ho / Bản dịch Trần Kính Hòa*. (Huế: Đại học Huế, 1961), tr. 14-5].

ANCL không nhắc đến nhà Hồng Bàng hay Hùng Vương. Chỉ ghi “truyện cổ tích” **An Dương Vương** thôn tính các Lạc hầu, Lạc tướng vào thế kỷ thứ ba Trước Tây Lịch [TTL]. Một huyện lệnh ở Long Xuyên (Nam Hải) nhà Tần là **Zhao Tuo** [Triệu Đà] **diệt An Dương Vương**, thu tóm đất đai vào lãnh thổ nước **Nam Việt [Nan Yue]**, rồi chia làm **hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân**].

Trong thiên “Cổ tích,” khi nói về “Việt vương thành,” Lê Tắc viết:

Theo **Giao châu ngoại vực ký**, “Ngày xưa, khi chưa chia làm quận huyện, việc cày cấy Lạc điền tùy theo thủy triều lên xuống; người khai khẩn ruộng đó gọi là Lạc dân, cai trị dân đó là Lạc vương, giúp vương là Lạc tướng, đều có ấn bằng đồng và giải sắc xanh làm huy hiệu.” [Tích, vi hữu quận huyện thời, Lạc điền tùy triều

thủy thượng hạ, khẩn kỳ điền giả vi Lạc dân, thống kỳ dân giả vi Lạc vương, phó vương giả vi Lạc tướng, giai đồng án thanh thọ]; ANCL, (Hán) 1961:24-5, (Việt) 1961:39).

Trong mục "Việt vương thành," Lê Tắc dẫn Lưu An (Hoài Nam Vương) [135 TTL]:

Việt ở ngoài địa phương Trung Quốc, dân họ đều cắt tóc vẽ mình, không thể dùng pháp độ của nước mặc mũ áo mà cai trị.... Việt không có thành quách, làng xóm, chỉ ở trong khe suối, hang đá và vườn tre, từ xưa tập luyện thủy chiến; đất đai ở sâu xa, tối tăm mà nhiều khe suối rất hiểm, sông núi cách trở gay go, cây cối rậm rạp, lui tới khó khăn không kể xiết. Mới trông qua như tuồng là dễ, mà muốn tới thì khó khăn. (ANCL, 1961:107)

Trung Vương: CMTB II:10, (Hà Nội:1998), 1:114: Tháng 2 Canh Tý “dấy quân, đánh hãm chỗ châu trị,” . . . “lấy lại và dẹp yên được 65 thành.” ĐVSKTB, III:4a, The (1997), tr. 73: “bình định đất Ngũ Lĩnh,” ĐVSKTB, III:4, The (1997), tr. 73: Canh Tý [40], tháng 2 [3-31/3/0040]: “khởi binh, đánh hãm lỵ sở của châu.”

BAVH: Bulletin des Amis de Vieux Hué. (*Huế, Việt Nam*)

BEFEO: Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient (Hà Nội, Việt Nam)

CMCB: Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục [CM], Chính Biên [CB], [1884] bản dịch viện Sử học, 2 tập (Hà Nội: NXB Giáo Dục, 1998).

CMTB: Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục [CM], Tiền Biên [TB], [1884] q. II:9b-15b, bản dịch Trương Bửu Lâm et al., (Sài Gòn: 1967), 2:176-201; bản dịch viện Sử học, 2 tập (Hà Nội: NXB Giáo Dục, 1998);

Dur Địa Chí: của Nguyễn Trãi, trong Úc Trai Di Tập (1868); bản dịch Viện Sử Học, trong *Nguyễn Trãi Toàn Tập [NTTT]*, in lần thứ hai có tặng bổ và hiệu đính, (Hà Nội: KHXH, 1976), tr. 211-46, 543-662.

ĐNCBLT: Đại Nam Chính Biên [CB] Liệt Truyện, 5 tập (1993); Tiền Biên [TB] (1995)

ĐNNTC: Đại Nam Nhất Thống Chí, bản dịch Phạm Trọng Điềm và Đào Duy Anh, 5 tập (NXB Thuận Hóa, 1997),

ĐNTL: Đại Nam Thực Lục, bản dịch Viện Sử học, 38 tập (Hà Nội: 1962-1978)

ĐVSKTB: Ngô Thì Sĩ et al., Đại Việt Sử Ký Tiền Biên, Quốc sử quán Tây Sơn (1798-1800), 17 tập (7

NK, 10 BK), bản dịch Dương Thị The et al. (Hà Nội: 1997)

ĐVSK, NKTT: Ngô Sĩ Liên et al., Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Ngoại Kỳ [1697-1698], bản dịch Nhượng Tổng (Hà Nội: Tân Việt, [1944?]) [sẽ dẫn Nhượng Tổng (1944)]; bản dịch Cao Huy Giu [Quốc Tử Giám tàng bản], (Hà Nội: 1967), [sẽ dẫn Giu (1967)]; bản dịch Ngô Đức Thọ et al. [Nội Các Quan Bản], (Hà Nội: 2009) [sẽ dẫn Thọ (2009)];

ĐVSKTT: Ngô Sĩ Liên et al., Đại Việt Sử Ký Toàn Thư [1697-1698], bản dịch Cao Huy Giu [Quốc Tử Giám tàng bản], 4 tập (Hà Nội: 1967); bản dịch Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu & Ngô Thế Long [Nội Các Quan Bản], 3 tập (Hà Nội: 2009).

Thông sử [ĐVTS]: Lê Quý Đôn, Đại Việt Thông Sử, bản dịch Ngô Thế Long, trong *Lê Quý Đôn Toàn Tập* (Hà Nội: 1978), tập III.

HL: Hợp Lưu (Fountain Valley, CA)

JAS: Journal of Asian Studies (Ann Harbor, MI, USA)

LSTL: Nguyễn Trãi, “Lam Sơn Thực Lục,” trong *Ức Trai Di Tập*; bản dịch Viện Sử Học, trong *Nguyễn Trãi Toàn Tập [NTTT]*, in lần thứ hai, (Hà Nội: KHXH, 1976), tr. 43-74, 479-82.

LTHCLC: Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, (Sài Gòn: 1972), bản dịch Viện Sử học, 3 tập (Hà Nội: 1992)

NCLS: Tập san Nghiên Cứu Lịch Sử (Hà Nội)

Ngô Thì Nhậm: *Tuyển Tập Thơ Văn Ngô Thì Nhậm*, Mai Quốc Liên et al. dịch, 2 tập (Hà Nội: KHXH, 1978).

NTTT: *Nguyễn Trãi Toàn Tập*, tái bản có bổ sung (Hà Nội: KHXH, 1976),

PBTL: Lê Quý Đôn, *Phủ Biên Tạp Lục*, bản dịch Lê Xuân Giáo (Sài Gòn: 1972)

TKCS: *Thủy Kinh Chú Sớ*, Lịch Đạo Nguyên (466 [472]-527), et al., bản dịch Nguyễn Bá Mão (Hà Nội: 2004).

Thủy Kinh Chú của Lịch hay Lê Đạo Nguyên (466 [472]-527) (q. 36, tờ 24a) chép lại thông tin trên từ Lâm Ấp Ký, và thêm chi tiết người ta gọi con sông ở gần đó là Văn Lang cứu.

VĐLN: Lê Quý Đôn, *Vân [Văn] Đài Luận Ngữ*, bản dịch Phạm Vũ và Lê Hiền (Sài Gòn: 1973?).

VSTA: Ngô Thì Sĩ, *Việt Sử Tiêu Án* (Sài Gòn: 1960, 1967).

Léonard Arousseau, “La première conquête chinoise des pays ananmites;” *Bulletin de l’Ecole Francaise d’Extrême-Orient [BEFEO]*, XXIII (1923), tr. 213n3, 239-40: nhà Thục tồn tại ba [3] năm; Maspéro: bán thần thoại; *Bulletin critique, T’Oung Pao*, XXIII, 1924, tr. 373-79;

Đinh Văn Nhật, “Đi tìm quê hương cũ của An Dương Vương Thục Phán.” NCLS, số 166 (2/1/1976), tr. 65-83, 87.

Henri Maspéro, “Etudes d’histoire d’Annam [Nghiên cứu lịch sử An Nam], IV. Le Royaume de Van Lang [Vương quốc Văn Lang];” *BEFEO*, Vol. XVIII (1918), no. 3:7 [1-10].

Nguyễn Linh. “Bàn về nước Thục của Thục Phán.” NCLS, 124 (7/1969), tr. 33-51.

Nguyễn Linh. “Về sự tồn tại của nước Văn Lang;” NCLS, 112 (7/1968), tr. 19-32;

Nha Học Chính Đông Pháp, *Sử Ký- Địa Dư Giáo Khoa Thư, Lớp Sơ Đẳng*, do Trần Trọng Kim, Thanh tra các trường Sơ đẳng Bắc Kỳ, và Đỗ Đình Phúc, Sơ đẳng giáo học thượng hạng, biên soạn, Việt Nam Tiểu Học Tùng Thư, in lần thứ nhất (Hà Nội: 1927), tr. 8.

Trần Trọng Kim còn là tác giả *Việt Nam Sử Lược*, ấn bản 1919. Sách này nhiều lầm lỗi, nhất là giai đoạn Pháp xâm chiếm Đại Nam. Những bộ quốc sử Việt bằng chữ Hán-Việt [Nho] đều đã được dịch qua chữ Việt mới: Ngô Sĩ Liên et al., *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Ngoại Kỳ [ĐVSK, NKTT]*, I:3a; bản dịch Cao Huy Giu, 4 tập (Hà Nội: 1967), bản dịch Mạc Bảo Thần-Nhượng Tống (1944, 1964?); bản dịch Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu & Ngô Thế Long, 4 tập (Hà Nội: 2009), 1:153; và, Bản Kỳ Thực Lục [BKTL], q. XIII:17a, Hoàng Văn Lâu (2009), 2:589; Ngô Thì Sĩ et al., *Đại Việt Sử Ký Tiền Biên*, Quốc sử quán Tây Sơn (1798-1800), 17 tập (7 NK, 10 BK), NK I:1a-11a; bản dịch Dương Thị The et al. (Hà Nội: 1997), tr. 39-46; *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục [CM]*, *Tiền Biên [TB]*, I:3a, bản dịch Trương Bửu Lâm et al., (Sài Gòn: 1965), 2:16-7; bản dịch viện Sử học, 2 tập (Hà Nội: NXB Giáo Dục, 1998), 1:74. Sử Nguyễn thường dùng tiếng “Hán nhân” để chỉ người Việt. Ngoài ba bộ quốc sử trên, sử quan có thể bị ảnh hưởng Nguyễn Trãi, *Dư Địa Chí*, số 1, trong *Ức Trai Di Tập* (1868); bản dịch Viện Sử Học, trong *Nguyễn Trãi Toàn Tập [NTTT]*, in lần thứ hai có tặng bìa và hiệu đính, (Hà Nội: KHXH, 1976), tr. 211 [211-46], 543 chú 3-5 [543-662]. Xem thêm Quốc sử quán nhà

Nguyễn, *Đại Nam Nhất Thống Chí [ĐNNTC]*, q. XIII: Tỉnh Hà Nội, bản dịch Phạm Trọng Điềm và Đào Duy Anh, 5 tập (NXB Thuận Hóa, 1997), tập 3, tr. 223.

I. Trịnh-Nguyễn Phân Tranh (1613-1775)

Lê Trang Tông (1533-1548)

1. Trịnh Kiểm (1545-1570),

Lê Trung Tông (1548-1556)

*** Lê Anh Tông (1556-1573)

2. Trịnh Tùng (1570-1523),

Lê Thê Tông (1573-1599)

Lê Kính Tông (1599-1619)

Lê Thần Tông (1619-1643 & 1649-1662)

3. Trịnh Tráng (1623-1657) và

Trịnh Tráng (7-8/1623-[28/5]/1657)

Lê Chân Tông (1643-1649) [con Thần Tông]

Lê Huyền Tông (1662-1671) [con Thần Tông]

Lê Gia Tông (1671-1675) [con Thần Tông]

4. Trịnh Tạc (1657-1682)

Trịnh Tráng (1623-1657) và Trịnh Tạc (1657-1682) đánh nhau với các chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên (1613-1635), chúa Thượng Nguyễn Phước Lan hay Khoát (1635-1648) và chúa Hiền Nguyễn Phước Tần (1648-1687) ở Đàng Trong bảy [?] lần lớn nhỏ.

Lê Hy Tông (1675-1705) [con Thần Tông] Mẹ là Trịnh Thị Ngọc Trúc (cũng có sách viết là Trịnh Thị Ngọc Tấn), con gái Trịnh Tráng. (ĐVSK, BKTĐ, XIX, Giu (1967), 3:335; **Lê triều ngọc phả** nói đó là hai người khác nhau. Mẹ Hy Tông không phải là Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc).

Lê Dụ Tông (1705-1729), TTH: Con trưởng Lê Hy Tông (1675-1705)

Lê Đế Duy Phường (1729-1735), Mẹ họ Trịnh, con Trịnh Cương (không rõ tên).

Lê Thuần Tông (1732-1735) con trưởng Dụ Tông (1705-1729), mẹ họ Nguyễn (không rõ tên).

Lê Ý Tông (1735-1740), TTH: con thứ 11 của Dụ Tông (1705-1729), em ruột Thuần Tông (1732-1735). Thân mẫu không rõ.

Lê Hiền Tông (1740-1786), con trưởng Thuần Tông (1732-1735), cháu đích tôn Dụ Tông (1705-1729).

Lê Duy Kỳ (Chiêu Thống, 1786-1789) cháu đích tôn Hiền Tông (1740-1786)

Tại miền Nam, từ năm 1600 Nguyễn Hoàng (1558-1613) tự lập một cõi riêng. Đến năm 1613, Nguyễn Phước Nguyễn (1613-1635) [chúa Sãi] bắt đầu chống Trịnh. Việc này gây nên nhiều cuộc binh đao qua lại ở vùng sông Gianh, Bồ Chính (Quảng Bình) và Nghệ An (phía Nam sông Lam). Mãi tới năm 1673 hai miền Bắc-Nam mới tạm nghỉ binh, lấy sông Gianh làm giới tuyến hơn một thế kỷ. (ĐVSK, BKTB, XIX:34ab, Lâu & Long (2009), tr 349; CMCB, XXXIII:35 (Hà Nội: 1998), II:330;

Trịnh Tráng (1623-1657) và Trịnh Tạc (1657-1682) đánh nhau với các chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyễn (1613-1635), chúa Thượng Nguyễn Phước Lan hay Khoát (1635-1648) và chúa Hiền Nguyễn Phước Tần (1648-1687) ở Đàng Trong bảy (?) lần lớn nhỏ. Thoạt tiên, quân Trịnh có vẻ thắng thế. Sau khi Đào Duy Từ xây xong lũy Đồng Hới, Trịnh yếu thế dần.

Lần thứ nhất: Mùa Xuân Đinh Mão [17/3-15/4/1627] Thanh Đô vương Trịnh Tráng (1623-1657) mang vua Thần Tông đi đánh Nguyễn Phước Nguyễn (1613-1635). (ĐVSK, BKTB, XVIII:23b-25b, Lâu & Long (2009), tr 275-77; CMCB, XXXI:22-24 (Hà Nội: 1998), II:245-247; ĐNTLTB, I, 2, 1962:53-54.

Lần thứ hai: Tháng 10 Kỷ Tị [1629] Trịnh Tráng bàn việc mang quân đánh miền nam. Sai sứ mang sắc phong chúa Sãi làm Thái phó Quốc công, đưa binh ra bắc đánh họ Mạc. Đào Duy Từ đưa kế trả lại mệnh lệnh. ĐNTLTB, I, 2, 1962:55-54, 57-59.

Tháng 3 Canh Ngọ [1630]: Xây lũy Trường Dục thuộc Phong Lộc, Quảng Bình. ĐNTLTB, I, 2, 1962:56-57.

ĐVSK, BKTB, XIX:31a-34b, Lâu & Long (2009), tr 346-50; CMCB, XXXIII:34-35 (Hà Nội: 1998), II:329-30;

Lần thứ ba: Tháng 11 Quý Dậu [1-30/12/1633], Trịnh Tráng đánh Nhật Lệ, không thành công. (ĐVSK, BKTB, XVIII:33b, Lâu & Long (2009), tr 286; CMCB, XXXI:28-29 (Hà Nội: 1998), II:250-251;

ĐNTLTB, ghi là Tháng 12 Quý Dậu [31/12/1633-28/1/1634], con Nguyễn Phước Nguyễn là **Anh** định làm phản nhưng không thành. (I, 2, 1962:65-6; 3, 1962:68-69).

19/11/1635, chúa Sãi chết. (ĐNTLTB, I, 2, 1962:66; 3, 1962:68).

Lần thứ tư: 16/9-14/10/1640, quân Nguyễn chiếm bắc Bó Chính. (ĐNTLTB, I, 3, 1962:71-72).

Tháng 2-3 Quý Mùi [20/3-7/4/1643, 18/4-17/5/1643], (ĐVSK, BKTB, XVIII:36ab, Lâu & Long (2009), tr 288-89 [Trịnh Tráng mang theo Thần Tông (1619-) đi đánh Nguyễn Phước Lan hay Khoát (1635-1648)]; CMCB, XXXI:31-2 (Hà Nội: 1998), II:253-254;

Lần thứ năm: Tháng 1-2 Mậu Tý [25/1-22/2/1648, 23/2-23/3/1648], (ĐNTLTB, I, 3, 1962:75-79).

(ĐVSK, BKTB, XVIII:40b, Lâu & Long (2009), tr [không chép]; CMCB, XXXII:5-7 (Hà Nội: 1998), II:259-261;

Nguyễn Phước Lan hay Khoát mất ngày 19/3/1648 [Tân Mão [26]/2 Mậu Tý] khi đánh Bắc. (ĐNTLTB, I, 3: Thần Tông Hoàng đế (19/11/1635-19/3/1648), 1962:79 [68-79]); CMCB, XXXII:7 (Hà Nội: 1998), II:261. Có tin bị đầu độc chết ở Phá Tam Giang.

Tháng 11 Kỷ Sửu [4/12/1649-1/1/1650: Nguyễn Phước Tần (1648-1687) sai sứ ra Thăng Long. Trịnh Tráng hậu đãi, rồi cho về vì tình nghĩa hai đời thông gia. (ĐNTLTB, I, 4, 1962:81)

[Tháng 10 Tân Mão [1651]: Quế vương nhà Minh, từ Nam Ninh, phong Trịnh Tráng làm **Phó vương**; CMCB, XXXII:8 (Hà Nội: 1998), II:261-62;

Lần thứ sáu: Tháng 16/4 Ất Mùi [21/6/1655]- Tháng 12 Mậu Tuất [1659], Nguyễn Phước Tần (1648-1687) đánh phá bắc Bó Chính. (ĐNTLTB, I, 4, 1962:86-102)

(ĐVSK, BKTB, XVIII:44b-55b, Lâu & Long (2009), tr 296-306; CMCB, XXXII:9-21 (Hà Nội: 1998), II:263-74;

Lần thứ bảy: Tháng 8 Canh Tý [5/9-3/10/1660], Thuận Trị 16] Trịnh Căn (1657-1682) vào đánh Nguyễn Phước Tần (1648-1687); tháng 3/1661 [Tháng 2 Tân Sửu, 1-29/3/1661] Trịnh Căn rút về kinh đô. (ĐVSK, BKTB, XVIII:57a-62b, Lâu & Long (2009), tr 307-13; CMCB, XXXII:23-29 (Hà Nội: 1998), II:276-81;

Lần thứ tám: Tháng 10 nhuận Tân Sửu [tháng 12 Tân Sửu, 22/1-18/2/ 1662]- Tháng 2 Nhâm Dần [22/10-20/12/1661-20/3-28/4/1662], Trịnh Tạc dẫn Thần Tông vào Phù Lộ, bắc Bó Chính; (ĐNTLTB, I, 4, 1962:107-108)

Tháng 3 Nhâm Dần [29/4/1662] về tới kinh sư; ĐVSK, BKTB, XVIII:63b-64b, Lâu & Long (2009), tr 314; CMCB, XXXII:37-35 (Hà Nội: 1998), II:290-92;

Lần thứ chín: Tháng 4 Nhâm Tý [27/4-26/5/1672]- Tháng 1 Quý Sửu [17/2-17/3/1673]; Gia Tông thứ I, Khang Hy [Kangxi] thứ 11: **Trịnh Tạc cùng vua Lê thân chinh, tấn công Lũy Trấn Ninh.** (ĐVSK, BKTB, XIX:31a-34b, Lâu & Long (2009), tr 346-50; CMCB, XXXIII:34-35 (Hà Nội: 1998), II:329-30;

(ĐNTLTB, I, 5, 1962:114-121): [Tháng 6 Nhâm Tý [25/6-23/7/1672]- Tháng 1 Quý Sửu [17/2-17/3/1673];

Ngày 3/ 4 Ất Mão [27/4/1675], Lê Gia Tông mất. Ở ngôi 4 năm, hưởng dương 15 tuổi. (ĐVSK, BKTB, XIX:34ab, Lâu & Long (2009), tr 356; CMCB, XXXIII:39 (Hà Nội: 1998), II:334.

Tháng 12 Ất Mão [15/1-13/2/1676], em là Duy Cáp [Hiệp] lên ngôi, tức Lê Chân Tông (1676-?). (ĐVSK, BKTB, XIX:42b, Lâu & Long (2009), tr 356. Khi Thân Tông chết, cung nhân Trịnh Ngọc Trúc mới có thai 4 tháng. Thân Tông nhờ Trịnh Tạc chăm lo. Theo CMCB mẹ Duy Cáp là Trịnh Ngọc Tấn hay Trúc, người xã Đông Khối, Gia Định, Bắc Ninh, (Dẫn *Ngọc phá triều Lê*) không phải con gái Trịnh Tráng, Trịnh Thị Ngọc Trúc, hoàng hậu của Thân Tông; CMCB, XXXIII:40 (Hà Nội: 1998), II:334; ĐVSK, BKTB, XIX:42b, Lâu & Long (2009), tr 357n1.

II. Chúa Nguyễn, 1558-1777:

A. Thái tổ Gia Dụ Hoàng đế. 1. Chúa Tiên hay **Nguyễn Hoàng** ([28/7]/1825- 20/7/1613)

1. Nguyễn Hoàng (1525[1558]- 20/7/1613): Chúa Tiên, truy tặng **Thái tổ Gia Dụ** Hoàng đế. (ĐNTLTB, I, 1: Gia Dụ Hoàng đế, 1962:27-45)

Sinh ngày Bính Dần [?], tháng 8 [?], Ất Dậu [1525], ĐNTLTB, I, 1, 1962:27 [27-45]; [không có ngày Bính Dần trong tháng 8; Bính Dần tháng 7 = 9/7 = 28/7/1525]. Tháng 8 [?], Ất Dậu chỉ có ngày Bính Thân [9/8 = 27/8/1525], Bính Thìn [29/8 = 16/9/1525], Bính Ngọ [19/8 = 6/9/1525]. Mất ngày **20/7/1613** [Canh dần [3]/6 Quý Sửu]; *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên* [ĐNTLTB], I, 1: Gia Dụ Hoàng đế, 1962:30 [27-45].

Con thứ hai **Nguyễn Cam** [Kim], và Nguyễn Thị, con gái Nguyễn Minh Biện. I, 1, 1962:27 [27-45]. Năm 2 tuổi được anh vợ Nguyễn Cam là Thái phó **Nguyễn Ứ** Dĩ nuôi. Mất ngày **20/7/1613**.

1545: **Trịnh Kiểm** giết hại Lạng Quốc Công Uông, anh cùng cha khác mẹ của Hoàng. Nhờ Nguyễn Bình Khiêm cố vấn, **Nguyễn Hoàng** nhờ chị là Ngọc Bảo, vợ Kiểm, xin cho

đi trấn thủ Thuận Hóa (1558-1613). ĐNLTB, I, 1: Gia Du Hoàng đế, 1962:30-1 [27-45]; Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên [ĐNLTB], q I, “Công chúa Liệt truyện,” bản dịch Cao Tự Khanh (Hà Nội: KHXH, 1995), tr 112. Năm 1570, được Trịnh Kiểm cho coi thêm Quảng Nam. Con Ngọc Bảo là **Trịnh Tùng (1570-1623)**. Năm 1570, Trịnh Tùng cướp ngôi anh khác mẹ là Trịnh Cối, đổi họ Mạc khỏi Hà Nội, kéo dài và củng cố hệ thống chính quyền Vua Lê [Trung hưng] (1533-1789), Chúa Trịnh (1545-1787).

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, **Đại Nam Nhất Thống Chí [ĐNNTC]**; bản dịch Phạm Trọng Điềm và Đào Duy Anh, Viện Sử Học, 5 tập, (NXB Thuận Hóa, 1997),

q. II, *Quảng Trị*, (1997), (1:98-102)

Tập 2:

q. III: *Quảng Bình*, (1997), (2:5-84)

q. IV: *Đạo Hà Tĩnh*, (1997), (2:85-116)

q. V: *Nghệ An*, (1997), (2:117-222)

q. VI: *Thanh Hóa*, (1997), (2:223-330)

I. Thuận Hóa:

[Lý Nhân Tông: Đổi tên Địa Lý thành Lâm Bình [Tân Bình]; Ma Linh làm Minh Linh, Bó Chính giữ nguyên tên Bó Chính. Trần Anh Tông lấy châu Ô và châu Lý làm Thuận Châu và Hóa Châu. Trần Duệ Tông đổi Lâm Bình [Địa Lý] thành Tân Bình. Nhà Lê đổi làm **lộ** Tân Bình và Thuận Hóa, thuộc **đạo** Hải Tây.

Đời Lê Thánh Tông Thuận Hóa gồm 2 phủ, 7 [8?] huyện, 4 châu.

Phủ **Triệu Phong** (6 huyện Đan Điền, Kim Trà, Tư Vinh, Hải Lăng, Vũ Xương, Điện Bàn, 2 châu Thuận Bình, Xa Bôi)

Phủ **Tân Bình** (2 huyện Khang Lộc, Lệ Thủy, 2 châu Minh Linh, Bó Chính). (CMCB XXI:16, 18, 23-24; (Hà Nội: 1998), 1:1073, 1075, 1081-1082 [1073-1091])

Gia Long đặt ra 3 **doanh “trực lệ”**: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức [1821: Thừa Thiên]. (CMCB XXI:16, 18, 23-24; (Hà Nội: 1998), I:1073, 1075, 1081-1082 [1073-1091])

[ĐNNTC, q. 3: *Quảng Bình* (1997), 2:34 [sông Nhật Lệ], 35 [sông Gianh, ranh giới hai huyện Bình Chính và Bó Trạch] [5-84];

Dinh Cát (Ái Tử), q. II, *Quảng Trị* (1997), 1:[98-102]

II. Quảng Nam:

1570: Nguyễn Hoàng được Trịnh Kiểm cho coi thêm Quảng Nam;

Tháng 7 Nhâm Ngọ (30/7-28/8/1402): Hán Thương cử đại quân tấn công Chiêm Thành. Đỗ Mãn làm đô tướng; Nguyễn Vị làm chiêu dụ sứ; Nguyễn Bàng Cử làm đồng chiêu dụ sứ. Đến gần biên giới, Đinh Đại Trung mang kị binh đi trước. Giao chiến với tướng Chiêm là Chế Tra Nan. Ba Địch Lại sợ, xin dâng một voi trắng, một voi đen, cắt Chiêm động. Sứ Chiêm là Bồ Điền đến, Quý Ly bắt cắt thêm đất Cổ Lũy. (ĐVSK, BKTT, VIII:40b-41a, Lâu (2009), 2:253-54; Giu (1967), 2:211-12; ĐVSKTB, The (1997), tr 512)

Đổi Chiêm Động và Cổ Lũy thành bốn châu **Thăng Hoa, Tư** và **Nghĩa**. Sau, bốn châu lại ghép thành hai, đó là **lộ Thăng Hoa**, và **Tư Nghĩa** (tương ứng với hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi). (CMCB, XI:42; (Hà Nội: 1998), I:712-713)

Cử Nguyễn Cảnh Chân, An lộ sứ Thuận Hóa, làm An lộ sứ Thăng Hoa. (ĐVSKTB, The (1997), tr 512)

Tháng 2 Quý Mùi [22/2-22/3/1403]: Hán Thương di dân vào Thăng Hoa (Quảng Nam). Dân không có ruộng được đưa đến đây, khắc hai chữ tên châu vào cánh tay. Mua trâu phát cho di dân. Năm sau, đưa vợ con vào đoàn tụ, chết đẫm nhiều. ĐVSK, BKTT, VIII:42b, Lâu (2009), 2: 256; Giu (1967), 2:213; CMCB, XII:1-2 (Hà Nội: 1998), I:715; ĐVSKTB, The (1997), tr 514)

Tháng 6 Tân Mão [18/6-17/7/1471]: Lê Thánh Tông đặt đạo Quảng Nam. Lấy đất Chiêm Thành làm thừa tuyên Quảng Nam. Quản lãnh ba [3] phủ, chín [9] huyện.

Thăng Hoa: Lê Giang, Hà Đông, Hà Giang;

Tư Nghĩa: Bình Sơn, Mộ Hoa và Nghĩa Giang;

Hoài Nhân: Bồng Sơn; Phù Ly, Tuyên [Tuy?] Viễn. (ĐVSK, BKTL, XII:65b, Lâu (2009), 2:564; CMCB XXII:6-10; (Hà Nội: 1998), I:1103-5) Cho Ba Thái làm đồng tri phủ **Đại Chiêm**; Đỗ Thử Quý làm đồng tri châu Đại Chiêm; Lê Y Đà làm tri châu **Cổ Lũy** [Đại Chiêm]. (CMCB, XXII:4; (Hà Nội: 1998), I:1100)

Đặt Đô, Thừa, Hiến ba ti.

Đô tổng binh sứ ti: tổng binh sứ, tổng binh đồng tri, và tổng binh thêm sự. Coi việc binh.

Tân trị thừa chính sứ ti: thừa chính sứ, tham chính, tham nghị. Coi sổ sách quân dân.

Thanh hình hiến sát sứ ti: hiến sát sứ, hiến sát phó sứ. Đàn hặc, hình ngục. (CMCB, XXII:6 (Hà Nội: 1998), I:1105)

Phan Huy Chú cho rằng đời Hồ Hán Thương [1402], Đại Việt chiếm đất Cổ Lũy [Đại Chiêm], chia làm bốn [4] châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, mới vào địa đồ Việt, hợp với Tân Bình, Thuận Hóa làm ba [3 phủ]. Thời thuộc Minh, Chiêm tái chiếm Thăng Hoa (gồm hai [2] huyện Lễ Dương và Hà Đông [Tam Kỳ]). (LTHCLC, 1992, I:164-65) Núi sản xuất nhiều vàng tốt. Vật sản có nhiều voi rừng. Nhà dân chăn nuôi, lợi nhất là trâu ngựa. Thủ công nghiệp phát triển. Nổi tiếng là lụa, vải, là, nhuộm khéo không kém Quảng Đông. (LTHCLC, 1992, I:165) [Xem 1784] Trước cuộc viễn chinh của Thánh Tông, sổ sách chỉ chép tên xưng; người Chăm vẫn kiểm soát.

Năm 1611, địa giới Quảng Nam thừa tuyên chạy dài tới phủ Phú Yên.

B. Hy Tông Hiếu văn Hoàng đế. 2. Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyễn (20/7/1613-19/11/1635):

ĐNTLTB, I, 2: **Hy Tông Hiếu văn Hoàng đế**, 1962: [46-67];

Bắt đầu lấy họ Nguyễn Phước [Phúc]; 1962:57 [46-67].

Mất ngày 19/11/1635 [Đinh Hợi [10]/10 Ất Hợi]; 2: Hy Tông Hoàng đế (20/7/1613-19/11/1635), 1962:66 [46-67];

Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyễn (1613-1635) và chúa Thượng Nguyễn Phước Lan hay Khoát (1635-1648) đánh nhau với Trịnh Tráng (1623-1657); chúa Hiên Nguyễn Phước Tần (1648-1687) chống Trịnh Tráng (1623-1657) và Trịnh Tạc (1657-1682).

Theo một giáo sĩ Italia sống ở Thuận Hóa và Quảng Nam trong thập niên 1620, quân chúa Sãi ít hơn quân Trịnh Tráng (1623-1657), nhưng nhờ chiến lũy và khoáng trữ đạn cát từ Quảng Bình vào Quảng Trị, cùng lực lượng Hải quân chế tạo theo kiểu Tây phương, nhưng nhỏ hơn.

Mỗi chiến thuyền có 5 đại bác, với đầy đủ thuốc đạn [Muket-shot]. Tổng số chiến thuyền lên tới hơn 100 chiếc. Chiến thuyền Nguyễn không to lớn như tàu Âu Châu, nhưng được giát vàng, bạc trông rất rực rỡ. Đài chỉ huy làm toàn bằng vàng.

Nhà làm bằng giấy bản [boards] và gỗ đẽ trong trường hợp quân địch tiến vào, dễ rút lui và phóng hỏa. Sau khi quân địch rút lui, dễ xây dựng lại. (Chistoforo Borri, *Cochin-China: Containing many admirable Rarities and*

Singularities of that Countrey (London: Robert Ashley, 1633), reprinted by Da Capo Press, New York, 1970), Chapter VII.

Tháng 6 Quý Hợi [28/6-26/7/1623]: *Chân Lạp* nhượng cho chúa Nguyễn Phước Nguyên *trạm thuế Prei Nokor (Sài Gòn)*. (Bézacier, *Le Vietnam* (Paris: 1972), tr. 11) [*Sách sử VN chỉ ghi từ 1674 hay 1679*]

[1629: Nguyễn Phước Nguyên gả em gái cùng mẹ với Hoàng tử Kỳ là Ngọc Vạn, cho Chey Chetta, vua Chân Lạp; gả Ngọc Khoa cho một người Nhật, Araki Shutaro, tên Việt Nguyễn Taro; ĐNLTB, q. II, 1995, tr. 120 [con gái Nguyễn Phước Nguyên].

Tỉnh **Phiên An**: thống trị 2 phủ Tân Bình, Tân An và 5 huyện: Bình Dương, Tân Long, Phúc [Phước] Lộc, Thuận An, Tân Hòa. Nguyên 4 tổng Thịnh-hội, Thịnh-mục, Hòa-lạc, Hòa-đồng, ở huyện Kiến Hòa thuộc Định Tường, trích ra đặt làm huyện Tân Hòa, đổi thuộc Phiên An; lấy 3 huyện Phúc [Phước] Lộc, Thuận An, Tân Hòa đổi đặt làm phủ Tân An; 2 huyện Bình Dương, Tân Long, vẫn là phủ Tân Bình.

Trước là Phù Nam, sau là Giản Phố Trại [Kampuchea].

Cung cấp chiến thuyền cho Cambogia, con rể va, chống lại Siam. Vì thế uy danh quân Nguyễn vang khắp nơi.

Sông Gianh hay **Linh Giang**: 3 cây số nam huyện Bình Chính. Bờ bắc là Bình Chính, bờ nam là huyện Bồ Trạch.

1630: Xây lũy **Trường Dục**, phía nam Phong Lộc 20 dặm, theo kế hoạch của Đào Duy Từ; ĐNNTC, q III: Quảng Bình, (1997), 2:48 [5-84]

1630: Dinh **Bồ Chính** hay Dinh Ngói; ĐNNTC, q III: Quảng Bình, (1997), 2:48-9 [5-84]

q. II, *Quảng Trị*, (1997), (1:98-102)

C. Thần Tông Hiều chiêu Hoàng đế. 3. Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan hay Khoát (19/11/1635-19/3/1648):

3. Nguyễn Phước Lan (19/11/1635-19/3/1648):

chúa Thượng

Mất ngày 19/3/1648 [Tân Mão [26]/2 Mậu Tí] khi đánh Bắc. (ĐNTLTB, I, 3: Thần Tông Hoàng đế (19/11/1635-19/3/1648), 1962:79 [68-79]) Có tin bị đầu độc chết ở Phá Tam Giang. ĐNTLTB, I, 3: Thần Tông Hoàng đế (19/11/1635-19/3/1648), 1962: [68-79];

D. Thái tông Hiếu triết Hoàng đế. **4. Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần** (19/3/1648-30/4/1687):

4. Nguyễn Phước Tần (19/3/1648-30/4/1687): **chúa Hiền.**

ĐNTLTB, I, 4: **Thái Tông** Hiếu triết **Hoàng đế** (19/3/1648-), **thượng**, 1962: [80-108];

ĐNTLTB, I, 5: Thái Tông Hoàng đế (19/3/1648-30/4/1687), **hạ**, 1962: [109-131];

Từng đánh nhau với Ô Lan ở cửa Eo.

1679: Nguyễn Phước Tần (1648-1687) **dựng đồn ở gần Tân Mỹ. Cho Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch** cùng 3,000 Long Môn quân nhà Minh vào lập nghiệp ở Biên Hòa và Mỹ Tho ngày nay. Dương Ngạn Địch ở Vũng Cù và Mỹ Tho.

[1772: Lấy đất Mỹ Tho làm đại Trường Đồn, đặt cai cơ và thư ký để cai trị. ĐNNTC, q. XXVIII: Định Tường, (1997), 5:88 [87-120]

Chiếm **Chiêm Thành**, **đặt** đất phía bắc Phan Rang tới núi Thạch Bi làm **Dinh Thái Khang**. Từ **Phan Rang** tới **Phan Rí**, vẫn là Chiêm Thành. (ĐNTLTB, 1962:80-131)

Phan Huy Chú cho rằng chỉ từ đời Hồ Hán Thương, Đại Việt chiếm đất Cổ Lũy [Đại Chiêm], chia làm 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, mới vào địa đồ Việt, hợp với Tân Bình, Thuận Hóa làm 3 phủ.

E. Anh tông Hiếu nghĩa Hoàng đế. **5. Ngãi Vương Nguyễn Phước Trăn** (1687-1691):

5. Nguyễn Phước Trăn (1687-1691): Ngãi Vương ĐNTLTB, I, 6: **Anh Tông** Hiếu nghĩa **Hoàng đế** (30/4/1687-7/2/1691), 1962: [132-144];

F. Hiễn tông Hiếu minh Hoàng đế. **6. Minh Vương Nguyễn Phước Chu** (7/2/1691-1725):

7/2/1691 [mồng 7 [ngày Bính Thân] tháng Giêng Tân Mùi, 29/1-27/2/1691,]: Thuận-Hoá: Nguyễn Phước Chu (1675-1725), 16 tuổi, lên thay cha, tức Minh Vương (1691-1725).

6. Nguyễn Phước Chu (1691-1725): Minh Vương **Hiễn tông** Hiếu minh Hoàng đế.

ĐNTLTB, I, 7: **Hiễn Tông** Hiếu minh **Hoàng đế** (7/2/1691-), **thượng**, 1962: [145-63];

Năm 1693, Phước Chu (1692-1725) **đổi Chiêm Thành** làm **Thuận Thành**, cho giòng dõi vua Chiêm làm **trần thủ**. (ĐNTLTB, 1962:145-88)

ĐNTLTB, I, 8: Hiễn Tông Hoàng đế (7/2/1691-1725), **hạ**, 1962: [164-88];

Tháng Giêng Nhâm Ngọ [28/1-26/2/1702]: Nguyễn Phước Chu (1691-1725) sai đem quốc thư và cống vật qua Quảng Đông xin cầu phong nhà Thanh. Trung gian là bọn Hoàng Thân, Hưng Triệt (người Quảng Đông, theo hòa thượng Thạch Liêm đến yết kiến) [Lễ vật: 5 cân 4 lạng kỷ nam; 1 cân 13 lạng 5 đồng cân vàng sống; 2 ngà voi nặng 350 cân; 50 cây mây song hoa]

Bọn này tháp tùng thuyền Xiêm La đi sứ nhà Thanh, bị bão giạt vào, qua Quảng Đông. Vua Thanh không đồng ý vì đã phong cho vua Lê [năm 1667].

Thuyền Thanh thường ghé Quảng Nam buôn bán, nên gọi là **nước Quảng Nam**. (TB, 158-59) [Việc này liên quan đến lời cổ vấn của Thích Đại Sán]

a. Thăng Nguyễn Đức Bảo, trấn thủ dinh Quảng Nam, làm Tả quân đô đốc phủ tả đô đốc chương phủ sự Tiền quân công. Ban cho Bảo một quả ấn bằng đồng và một cỗ kiệu đen. (TB, 146)

16/5/1692 [1/4 Nhâm Thân]: Nhật thực. Chương cơ Nguyễn Hữu Oai làm trấn thủ dinh Bình Khang.

b. Chiêm Thành: Tháng 8 Nhâm Thân [11/9-9/10/1692]: Vua Chiêm Thành là Bá Tranh làm phản. Phước Chu sai cai cơ Nguyễn Hữu Kính, con Nguyễn Hữu Dật, mang quân chính dinh, Quảng Nam và Bình Khang đi đánh. (TB, 147-49) Tháng Giêng **Quý Dậu** [5/2-6/3/1693]: Thống binh Nguyễn Hữu Kính đánh bại Chiêm Thành. (TB, 147) **Tháng Ba Quý Dậu [5/4-4/5/1693]:** Kính bắt được Bá Tranh và bảy tôi. **Phước Chu đổi nước này thành trấn Thuận Thành.** (TB, 147) Tháng 7 Quý Dậu [2-30/8/1693]: Kính về kinh, dâng chiến tù Bá Tranh cùng và bảy tôi. Phước Chu an trí ở núi Ngọc Trản. (TB, 147)

Ngày 16/4/1693 [Ngày Ất Mão, tháng 3 Quý Dậu, 5/4-4/5/1693]: Phước Chu tự xưng làm quốc chúa.

Tháng 8 Quý Dậu [31/8-29/9/1693]: Phước Chu đổi trấn Thuận Thành làm phủ Bình Thuận. Sai con Kế Bà Tử làm Khâm lý, ba người con Bà Ân làm đề đốc, đề lãnh và cai phủ. Bất mặc quần áo theo người kinh và sai về để vỗ về lòng dân. (TB, 148)

Tháng 12 Quý Dậu [27/12/1693-24/1/1694]: Người Thanh là A Ban cùng Ốc Nha Thát ở Thuận Thành nổi loạn. Giết chết trấn thủ Phó Hải và Phan Rí, cùng viện binh từ dinh Bà Rịa. Vây hãm Phan Rang. Tháng Giêng Giáp Tuất [25/1-23/2/1694]: Bá Tranh chết. A Ban lại vây Phan Rang. Trấn thủ Bình Khang là Nguyễn Hữu Oai mang binh theo thượng đạo tới giải cứu. A Ban rút về Bào Lạc. Hữu Oai bị bệnh chết. (TB, 148-149)

Tháng Hai Giáp Tuất [24/2-25/3/1694]: A Ban lại tiến ra giữ lũy Ô Liêm. Phước Chu sai quân đi tảo thanh. Dẹp yên. Phong Nguyễn Hữu Kính làm chương cơ, trấn thủ dinh Bình Khang.

Tháng 8 Giáp Tuất [5/9-3/10/1694]: Phước Chu đổi phủ Bình Thuận làm trấn Thuận Thành. (TB, 150)

Tháng 11 Giáp Tuất [17/12/1694-14/1/1695]: Phước Chu phong Kế Bà Tử làm Phiên vương, trấn thủ Thuận Thành, hàng năm nạp cống.

[2 thớt voi đực, 20 bò vàng, 6 ngà voi, 10 sừng tê, 500 khăn vải trắng, 50 cân sáp ong, 200 tấm da cá, 400 thùng cát sủi [để gội đầu], 500 chiếu tre trắng, 200 cây gỗ mun, 1 thuyền dài]. (TB, 151)

Tháng 8 Đinh Sửu [15/9-14/10/1697]: Đặt phủ Bình Thuận. Lấy đất từ Phan Rang, Phan Rí trở về phía Tây chia làm 2 huyện An Phước và Hòa Đa. (TB, I:153)

c. Tháng 2 Mậu Dần [12/3-10/4/1698] Nguyễn Phước Chu (1691-1725) đặt phủ Gia Định. Sai chương cơ Nguyễn Hữu Kính kinh lược Chân Lạp. lấy đất **Lộc Dã** (tức Đồng Nai, người Thanh gọi là **Nông Nại**) đặt làm **huyện Phước Long**. Đặt dinh "**Trần Biên**." [những đất ở biên giới gọi là "trấn." ĐNNTC, q. XXVII: Biên Hòa, (1997) 5:36 [35-41])

Lấy xã Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng **dinh Trần Biên** (Biên Hòa), lấy Sài Gòn làm huyện Tân Bình (đời Thiệu Trị đổi làm phủ), dựng **dinh Phiên Trấn** (Gia Định). Mỗi dinh đặt chức lưu thủ, cai bạ, ký lục và cơ đội thủy bộ.

Nguyễn Hữu Kính mở rộng đất được hơn 1,000 dặm, hơn 40,000 hộ dân. Cho lệnh chiêu mộ dân xiêu dạt từ Bồ Chính trở vào Nam di dân đến cho đông. Chia đất Đông Phố. ĐNNTC, q XXXI: Gia Định, (1997), 5:[199-251] , đặt **phủ Gia Định**. Lấy xứ Sài Gòn đặt làm **huyện Tân Bình**, dựng **Dinh Phiên Trấn**. Đặt các chức **Giám quân, Cai bạ và ký lục**. Cho người **khách buôn Thanh lập xã Thanh Hà ở Phiên Trấn**, lập thành xã Minh Hương. Từ đó khách buôn Thanh đều trở thành hộ dân. (TB, 153-54)

Tỉnh **Biên Hòa**: thống trị 1 phủ Phúc [Phước] Long và 4 huyện: Phúc [Phước] Chính, Phúc [Phước] An, Bình An, Long Thành.

Có lẽ là nước **Bà Li** xưa. [Đường thư chép: Bà Li ở phía Đông Nam Chiêm Thành, phía Nam có nước **Thù Nại**. [35-6] Đời Đường Cao Tông (650-655) bị Chân Lạp kiêm tính.

Sau là đất **Bà Rịa** và **Đồng Nai**.

Gia Định thông chí của Trịnh Hoài Đức ghi: **Bà Rịa** có lẽ là nước Bà Lị xưa. **Thù Nại** âm giống Đồng Nai, có lẽ là đất Sài Gòn bây giờ]. ĐNNTC, XXXI: Gia Định (1997) 5:35-6 [35-41])

1679, 3,000 tàn quân Minh lập nghiệp ở **Giản Phố** hay **Đông Phố**.

Gia Long thứ 7 [1808] đổi làm trấn Biên Hòa, lệ vào thành Gia Định. XXXI: Gia Định, (1997) 5:200-201[199-250]. 1831: Minh Mạng đổi làm tỉnh. 1840: có 81 sách sơn man xin qui thuận, đặt thêm 4 thủ: Tân Định, Tân Bình, Tân Thuận, Tân Lợi để vỗ trị.

*Pháp chia làm ba [3] tỉnh: **Biên Hòa** (phủ Phước Long cũ), **Bà Rịa** (Phước Tuy), **Thủ Dầu Một** (Phước Long cũ?) [37]*

K 2. Tháng 7 Kỷ Mão [27/7-24/8/1699]: Nặc Thu (Chey Chetta IV vua thứ nhất ở Udong) làm phản. Trần Thượng Xuyên, đang giữ Doanh Châu (Vĩnh Long) báo về Huế.

Tháng 10 Kỷ Mão [21/11-20/12/1699]: Minh Vương Chu (1691-1725) sai Nguyễn Hữu Kính làm thống suất đi đánh.

Nguyễn Hữu Khánh, trấn thủ Trấn Biên (Biên Hòa) làm tiên phong. Có Trần Thượng Xuyên và quân Long Môn. Thắng nhiều trận. Tiến vào Nam Vang. Nặc Thu xin hàng. (TB, 1:154-56; [Woodside 1971:247])

Tháng 10 Kỷ Mão [21/11-20/12/1699]: [Sai Gia Định tra bắt người theo đạo Hoa Lang (Ki-tô). Trục xuất các giáo sĩ. (TB, 1:154) [Xem 13/3/1700]

Tháng 2 Canh Thìn [21/3-18/4/1700]: Chen La: Quân Nguyễn Hữu Kính tiến sâu vào đất Chân Lạp, đóng quân ở Rạch Cá (Ngư Khê). Quân Long Môn của Trần Thượng Xuyên đánh thắng nhiều trận. (TB, 1:155)

Tháng 3 Canh Thìn [19/4-18/5/1700]: Hữu Kính phá tan quân Nặc Thu ở lũy Bích Đồi và Nam Vang. Thu bỏ thành chạy. Nặc Yêm, con thứ hai Nặc Nộn, ra hàng. Hữu Kính kéo vào thành. (TB, 1:155)

Tháng 4 Canh Thìn [19/5/1700]: Nặc Thu xin hàng.

Hữu Kính rút quân về Long Đồi. **Tháng 5 Canh Thìn [17/6/1700]:** Nguyễn Hữu Kính chết trên đường rút quân, ở Rạch Gầm (Sầm Khê), Mỹ Tho. (TB, 1:155-56)

1702: Nguyễn Phước Chu (1691-1725) xin nhà Thanh phong làm An Nam Quốc Vương. (ĐNTLTB, 1962:145-88)

Tháng 7 Nhâm Ngọ [25/7-22/8/1702]:

[25/7/1702] Công ty East India Company thành lập một sở buôn ở Poulo Condore [cho tới năm 1705?].

Tháng 8 Nhâm Ngọ [22/9-20/10/1702]: Poulo Condore: Man An Liệt chiếm Côn Lôn với 8 chiến thuyền. Đầu mục là Đô Thích Già thị và 4 người khác. Hơn 200 người, trí đại bác phòng ngự. (ĐNTLTB, 1962:159)

Sử Nguyễn chép, tháng 10 Quý Mùi [9/11-8/12/1703] “đẹp yên đảng cướp An Liệt.” Trần thủ Trấn Biên là Trương Phúc Phan thuê 15 người Chà Và làm kẻ trá hàng bọn An Liệt, để thừa cơ hội chúng sơ hở thì giết. Một đêm bọn Chà Và phóng lửa đốt trại, đâm chết hai người, bắt sống 1 người (ngũ ban). Hai sĩ quan khác chạy thoát. Phúc Phan sai thuyền ra Côn Lôn, thu hết của cải, dâng nộp về Huế. Sĩ quan An Liệt bị đóng gông giải về kinh, nhưng chết dọc đường. (TB, I, 9: Túc Tông (1725-1738), 1962:161) Tài liệu Tây phương ghi quân Maccassarese [Chà Và] nổi loạn năm 1705.

K 3. Tháng 8 Mậu Tý [14/9-13/10/1708]: Minh Vương Chu phong **Mạc Cửu làm tổng binh trấn Hà Tiên.** (TB, I, 9: Túc Tông (1725-1738), 1962: 167)

Hà Tiên xưa là đất Mang Khảm [Phương Thành], tục gọi thành Trúc Phan hay **trấn Đồng Trụ**. Có người tiên xuất hiện trên sông. Do Mạc Cửu, người Quảng Đông chạy sang tị nạn, chiêu tập dân xiêu tán đến. Mạc Cửu người Lô Châu, Quảng Đông. Thanh diệt Minh, Cửu chạy qua Chân Lạp, làm tới chức Ốc Nha. Thấy phủ Sài Mạt có nhiều khách buôn lui tới, Cửu mở sông gá bạc để thu hoa chi. Lại tìm thấy một kho bạc, nên trở thành giàu có.

Chiêu tập dân xiêu dạt tới Phú Quốc, Cần Bột, Giá Khê [Rạch Giá], Luồng Cày, Hương Úc [Rạch Thơm, Vũng Thơm], Kha Mao [Cà Mau], lập thành 7 xã thôn. Thấy đất ấy tương truyền thường có tiên hiện ra nên đặt là Hà Tiên. (ĐNNTC, q. XXVI: Hà Tiên, (1997), 5:5-6 [5-34])

Cửu sai hai người là Trương Cầu và Lý Xã đến xin thần phục chúa Nguyễn. Minh Vương **Chu cử làm Tổng trấn [Tổng binh] Hà Tiên.** Cửu lập hành dinh ở Phương Thành, đất Chân Lạp cũ [tức Mương Khảm]. (ĐNTLTB, 167; ĐNLTB, q. 6, bản dịch Cao Tự Thanh (1995), VI:240-241 [240-242, Mạc Cửu], 242-251 [Mạc Thiên Tứ, v.. v..])

Tháng Tư Tân Mão [17/5-15/6/1711]: Mạc Cửu tới Phú Xuân. (LTTK, I:194; ĐNTLTB, 167)

Năm 1714 [1708] Minh Vương Chu cử làm **Tổng trấn**.

Năm 1735, Cừu chết; Nguyễn Phước Trú (1725-1738) cho con Cừu là **Mạc Thiên Tứ** kế vị [5:6] *Năm 1736, Mạc Thiên Tứ, được hưởng qui chế cha truyền con nối Trấn thủ Hà Tiên. Và họ Mạc khéo léo đi giây giữa Ayudhya (Khrung thêp) và Huế—một loại “chim hai đầu” như Chân Lạp.* (ĐNLTTB, q. 6, 1995:240-42 (Mạc Cừu), 242-51 (Mạc Thiên Tứ), 251-55 (Trần Thượng Xuyên). ĐNNTC, q. XXVI: Hà Tiên (1997), 5:6-7, 31-2) Tỉnh **Hà Tiên**: thống trị phủ Khai Biên và 3 huyện: Hà Châu, Long Xuyên, Kiên Giang.

Phủ Khai Biên nguyên là phủ An Biên đổi ra; huyện Hà Châu nguyên là huyện Hà Tiên đổi ra.

Tổng đốc An-Hà lại kiêm cả việc bảo hộ nước Chân Lạp.

Về sau, Bình Định có tên khác là tỉnh Chiêm, Hà Tiên, có tên khác là tỉnh Biên.

XXVII: *Biên Hòa*, (1997), 5:35-86)

K 4. 1715 [Ất Mùi]: Nặc Thâm [Thommo Réachéa I] mang quân Xiêm đến đánh phá Hà Tiên. Mạc Cừu giữ không được chạy ra Trũng Kè [Bắc Hà Tiên]. Liên quân Xiêm-Khmer đốt phá Hà Tiên rồi rút đi. Cừu về, xây đắp lại. (LTTB, 1995:241)

G. Túc Tông [Huệ tông] Hiếu ninh Hoàng đế. 7. Ninh Vương **Nguyễn Phước Trú (1725-1738)**: (ĐNTLTB, 1962:189-200)

7. Nguyễn Phước Trú (1725-1738): Ninh Vương ĐNTLTB, I, 9: Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng đế (1725-1738), 1962: [189-200];

Tháng 5 Ất Mão [1735]: Mạc Cừu chết. [Năm sau, 1736, Ninh Vương Nguyễn Phước Trú (?1725-1738) cho con là Mạc Thiên Tứ lên thay làm Tổng binh]. (TB, I:198-99; ĐNLTTB], q. 6, 1995, VI:242-43 [242-51 [Mạc Thiên Tứ, v.. v..])

H. Thế tông Hiếu vũ Hoàng đế. 8. Võ Vương **Nguyễn Phước Khoát (7/2/1691-7/7/1765)**:

8. Nguyễn Phước Khoát (7/2/1691-7/7/1765): Võ Vương

ĐNTLTB, I, 10: **Thế Tông** Hiếu Vũ Hoàng đế (7/2/1691-7/7/1765 [Giáp Ngọ, 5 Ất Dậu]), 1962: 229 [201-229];

Tháng Tư Mậu Ngọ [1738]: Con lớn Ninh Vương là Phước Khoát (1714-1765) lên ngôi, tức Võ vương.

Mẹ họ Trương (con gái Chương cơ Trương Văn Sáng). (ĐNTLTB, I, 10, 1962:201 [201-29])

23/7/1744 [12/4 Giáp Tí]: Khoát xưng vương.

Đôi Chính Dinh làm đô thành. (TB, I, 10, 1962:204, 208)

1750 [Canh Ngọ]: Võ vương Khoát cảm đạo vì vụ Poivre. (ĐNTLTB, 1962: không chép

1753: Định lệ kết toán hàng năm. (TB, 1962:215)

1755: Thuế các thuyền buôn.

Thượng Hải, đến 3000 quan; về 300 quan;

Quảng Đông, đến 3000 quan; về 300 quan;

Phúc Kiến, đến 2000 quan; về 200 quan;

Hải Đông, đến 500 quan; về 50 quan;

Tây Dương, đến 8000 quan; về 800 quan;

Mã Cao, Nhật, đến 4000 quan; về 400 quan;

Xiêm, Lữ Tống, đến 2000 quan; về 200 quan;

Hàng năm thu được từ 10,000 quan tới 30,000.

Trích ra 60% nộp công quỹ; 40% chia cho quan lại và quân nhân. (TB, 1962:223-24)

Tháng 7-8/1756 [27/7-25/8/1756] cách chức Nguyễn Quang Tiến. Tiến can ngăn Khoát đừng tự xưng là An Nam Quốc Vương trong thư từ với nhà Thanh. (ĐNTLTB, 1962:225 [201-29])

Năm 1757, nước Kambojia có loạn, Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên, Thiên Tử xin quân Nguyễn đưa Nặc Tôn về nước, được biểu năm [5] phủ. Võ Vương Khoát lập đạo Kiên Giang ở Rạch Giá, và đạo Long Xuyên ở Cà Mau, đặt quan cai trị. [5:6]

Tháng 5 Ất Dậu [18/6-17/7/1765]:

7/7/1765 [Giáp Ngọ [20]/5 Ất Dậu]: Võ Vương Khoát mất. Cai trị 27 năm. Thọ 52 tuổi. Năm 1806, Gia Long truy phong Thế tông Hiếu vũ Hoàng đế. (ĐNTLTB, 1962:229 [201-29])

Ghi nhớ thêm: Trịnh cũng cảm đạo.

Thuận Hoá: Tranh chấp nối ngôi Võ Vương.

Nguyên thế tử thứ 9 là Hiệu hay Hạo [Thăng, theo Đôn, *Phủ biên tạp lục*, bản dịch Lê Xuân Giáo, Sài Gòn: 1972, I:119-20] (hay Đức Mục) được lập làm Thế tử, nhưng chết sớm [năm 1760]. Con là Hoàng tôn Nguyễn Phước Dương còn nhỏ.

Con thứ hai là Chương cơ Vụ [Vũ tức Phước Luân], con nguyên phi Trương thị] được di chúc lên ngôi, với sự

phò tá của Ý Đức hầu. [Có tin mẹ Luân là ả hát. (PBT, 1972, I:119; TB, 1, XI, 1962:227)

Theo tác giả SKĐVN Chưởng Vụ tính rất giống cha, lấy nhiều vợ. Một trong những người vợ của Chưởng Vụ là ả hát. **Ả hát này sinh ra Chưởng và hai người con trai khác.** (Chưởng sinh ngày 8/2/1762 (Kỷ Dậu [15], tháng Giêng Nhâm Ngọ). Mẹ là nguyên phi, con gái cai cơ Nguyễn Phước Trung; TB, 1, XI, 1962:228)

Theo tác giả SKĐVN Chưởng Vụ tính rất giống cha, lấy nhiều vợ. Một trong những người vợ của Chưởng Vụ là ả hát. Ả hát này sinh ra Chưởng và hai người con trai khác. (Chưởng sinh ngày **8/2/1762**).

Tuy nhiên, Võ vương rất yêu quý Nguyễn Phước Thuần, 1754-1777), con thứ 16, tức Hoàng Thượng. Sử Nguyễn ghi Thuần, còn có tên Hân, mẹ là Nguyễn thị Ngọc Châu, con gái Trương Phước Phan, tức em gái Loan. (Sau này Ngọc Châu đi tu, tức Tuệ Tĩnh), nguyên là cháu ngoại của Loan. (PBT (1972), I:119-20; TB, 1, XI, 1962:230-31)

Theo tài liệu Ki-tô, Hoàng Thượng là kết quả của việc thông dâm giữa Võ vương và em gái. Bởi thế Võ Vương trời cho hai đại thần phò Hoàng thượng lên ngôi chúa. (SKĐNV, 1974:3-4) Trương Phước Loan (con Phước Phan) cùng Thái giám Trử Đức hầu và chưởng dinh Nguyễn Cửu Thông làm di chúc giả, lập Phước Thuần, lúc ấy mới 12 tuổi lên thay, tức Định Vương (1765-1777). (TB, I, XI, thượng, 1962:230)

Cuộc đảo chính cung đình này đưa Trương Phước Loan lên làm Quốc phó. (TB, 1:232) Hai con đều lấy công chúa. Năm hết quyền hành, thuế má nên vô cùng giàu có.

Phước Luân [cha Chưởng] bị Loan đẩy vào lãnh thất, tới tháng 9 về phủ đệ thì chết, hưởng dương 33 tuổi. (Tiền Biên, I, XI, thượng, 1962:230-31)

Chưởng còn quá nhỏ (3 tuổi). Hai em ruột Luân là Chưởng cơ **Nguyễn Văn** và Chưởng cơ **Nguyễn Hiền** được nhiều người chống Loan ủng hộ. Nguyễn Văn Nhạc, chẳng hạn, ủng hộ Chưởng cơ Văn (chú ruột Chưởng). Loan tìm cách buộc tội Chưởng Văn thông đồng với giặc. Chưởng Văn trốn đến một ngôi chùa. Tháng 6 Quý Tị [20/7-17/8/1773]: Loan sai Cai đội Nguyễn Hương đuổi theo, tìm chết ở Phá Tam Giang. (TB, I, XI, thượng, 1962:243-44; SKĐNV, 1974:4- 5)

[Tháng 12 Quý Tị [17/1-10/2/1774]: Tiết chế Nguyễn Hương bị Tập Đình và Lý Tài giết ở Bích Khê (Qui Nhân). (TB, I, XI, thượng, 1962:244)]

Tháng Chạp Giáp Thân [21/1-19/2/1765]: Lê Duy Mật cho người tới Dinh Ai Lao xin cầu viện. Võ Vương Khoát không muốn gây sự với Trịnh, chỉ hậu đãi sứ, đưa về. (TB, 1962:228-29)

XXVIII: Định Tường, (1997), 5:87-120)

Tỉnh **Định Tường**: thống trị 1 phủ Kiến An và 3 huyện: Kiến Hưng, Kiến Đăng, Kiến Hòa.

1679: cho Trần Thượng Xuyên và 3000 quân Minh vào khai khẩn miền nam. Dương Ngạn Địch ở Vũng Cù và Mỹ Tho. 1772: Lấy đất Mỹ Tho làm đại Trường Đồn, đặt cai cơ và thư ký để cai trị. ĐNNTC, q. XXVIII: Định Tường, (1997), 5:88 [87-120]

Đời Pháp thuộc, chia làm **Mỹ Tho** (quận Kiến Hưng [5:89-90], **Gò Công** (huyện Kiến Hoà, có **chợ Cái Bè** hay An Định) [5:90, 112], và **Sa Đéc** [5:90]; tổng Kiến Đăng, Gia Long, huyện lệ thuộc phủ Tân An; Minh Mệnh đổi làm phủ Kiến Tường. [5:91] **Ba Giồng** [Tam Phụ, Ba Giồng]: giữa hai huyện Kiến Hưng [Mỹ Tho], và Kiến Đăng [Kiến Tường], gồm ba giồng Yên, Kì Lân, và Qua Qua], “Đất này gò đồng chập chùng, cây cối um tùm, chỗ cao, chỗ thấp, liên tiếp quán xuyên với nhau, trước có sông Cái, lưng dựa rừng tràm; sào huyết của Đỗ Thanh Nhân.” [V:95] [Nguyễn Huỳnh Đức và Lê Văn Quân, người Kiến Hưng; Hồ Văn Lân, Kiến Đăng [5:115-16]

ĐNNTC, q. XXIX: Vĩnh Long, (1997), 5: 122 [121-156]

đất **Tầm Bào** cũ của Chân Lạp. Tỉnh **Vĩnh Long**: thống trị 3 phủ Định Viễn, Hoàng An, Lạc Hóa và 6 huyện: Vĩnh Bình, Vĩnh Tự, Tân Minh, Bảo An, Tuân Nghĩa, Trà Vinh. Phủ Lạc Hóa nguyên thuộc thành Gia Định nay đổi thuộc Vĩnh Long. Nguyên huyện Vĩnh Bình nay chia làm 2 huyện Vĩnh Bình, Vĩnh Trị.

Đời Pháp chia làm ba [3] tỉnh: **Vĩnh Long** (phủ Định Viễn cũ); [5;123]; **Bến Tre** (phủ Hoàng Trị và Hoàng An cũ, 5:124-25]; **Trà Vinh** (phủ Lạc Hoá); còn theo tục lệ người Khmer; Tết gồm ba ngày 29, 30 tháng 8 và 1/9. Trọng Phật giáo. Các **lục** [sư] lo việc ma chay và giáo dục; 5:127, 129)

Phụ bản Côn Lôn (1997), 5:152-56)

XXX: An Giang, (1997), 5:157-198)

Tỉnh **An Giang**: thống trị 2 phủ Tân Thành, Tuy Biên và 4 huyện: Vĩnh An, Vĩnh Định, Đông Xuyên, Tây Xuyên.

Nguyên đất Châu Đốc và lấy 2 huyện Vĩnh An, Vĩnh Định, ở phủ Định Viễn thuộc Vĩnh Long đổi làm tỉnh **An Giang**. Ở mé Đông sông Hậu Giang đặt huyện Đông Xuyên, lấy những thôn ấp mới lập đặt làm 1 tổng, lại lấy 2 tổng thuộc huyện Vĩnh Định cho lệ thuộc vào. Ở mé Tây sông Hậu Giang đặt huyện Tây Xuyên, trích lấy 4 tổng huyện Vĩnh An cho lệ thuộc vào. Lấy 2 huyện Đông Xuyên, Tây Xuyên đặt làm phủ Tuy Biên; 2 huyện Vĩnh An, Vĩnh Định, đặt làm phủ Tân Thành.

K 1. Tháng 2 Mậu Dần [12/3-10/4/1698] Nguyễn **Phước Chu (1691-1725)** đặt phủ **Gia Định**. Sai Nguyễn Hữu Kính, kinh lược Chân Lạp, chia đất Đông Phố. ĐNNTC, XXXI, Gia Định, (1997), (5:199-251) , **đặt phủ Gia Định. Lấy xứ Sài Gòn đặt làm huyện Tân Bình, dựng Dinh Phiên Trấn. Đặt các chức Giám quân, Cai bạ và ký lục.**

Lấy xã Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng **dinh Trấn Biên (Biên Hòa)**, lấy Sài Gòn làm huyện Tân Bình (đời Thiệu Trị đổi làm phủ), dựng **dinh Phiên Trấn (Gia Định)**. Mỗi dinh đặt chức **lưu thủ, cai bạ, ký lục** và **cơ đội thủy bộ**.

Mở rộng đất được hơn 1,000 dặm, hơn 40,000 hộ dân. Cho lệnh chiêu mộ dân xiêu dạt từ Bộ Chính trở vào Nam di dân đến cho đông.

Lấy **Nguyễn Hữu Khánh** làm **lưu thủ dinh Trấn Biên (Biên Hòa)**. (TB, 154) [Xem 1731]

Cho người **khách buôn Thanh lập xã Thanh Hà ở Phiên Trấn**, lập thành xã Minh Hương. Từ đó khách buôn Thanh đều trở thành hộ dân. (TB, 153-54)

XXXI: *Gia Định* (1997), 5:199-251)

ĐNNTC, q. XXVI: *Hà Tiên* (1997), 5:5-6 [5-34]

Hà Tiên xưa là đất Mang Khảm [Phương Thành], tục gọi thành Trúc Phan hay trấn Đồng Trụ. Có người tiên xuất hiện trên sông. Do Mạc Cửu, người Quảng Đông chạy sang tị nạn. Chiêu tập dân xiêu tán đến Phú Quốc, Cà Mau, Rạch Giá, Vũng Thơm, chia làm 7 xã. (ĐNNTC, q. XXVI: Hà Tiên (1997), 5:5-6 [5-34])

Năm 1714 Mạc Cửu xin qui phụ, được Minh Vương **Nguyễn Phước Chu (1692-1725)** cử làm **Tổng trấn**. Năm 1735, Cửu chết; Nguyễn Phước Trú (1725-1738) cho Mạc Thiên Tứ kế vị [5:6]. Năm 1736, *Mạc Thiên Tứ, được hưởng qui chế cha truyền con nối Trấn thủ Hà Tiên. Và họ Mạc khéo léo đi giây giữa Ayudhya (Khrung thệp) và Huế—một loại “chim hai đầu” như Chân Lạp. (ĐNLTTB, q. 6, 1995:240-42 (Mạc Cửu), 242-51 (Mạc*

Thiên Tứ), 251-55 (Trần Thượng Xuyên); ĐNNTC, q. XXVI: Hà Tiên (1997), 5:6-7, 31-2)

Năm 1757, nước Kambojia có loạn, Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên, Thiên Tứ xin quân Nguyễn đưa Nặc Tôn về nước, được biếu năm [5] phủ. **Võ Vương Khoát lập đạo Kiên Giang ở Rạch Giá, và đạo Long Xuyên ở Cà Mau, đặt quan cai trị.** [5:6]

Lấy Nguyễn Hữu Khánh làm lưu thủ dinh Trấn Biên (Biên Hòa). (TB, 154) [Xem 1731]

Năm 1772, Taksin xâm lăng Hà Tiên, san thành bình địa. Thiên Tứ phải chạy qua Trấn Giang. Năm 1775, Phước Thuần chạy vào nam, cho Thiên Tứ giữ Trấn Giang. Năm 1777, Mạc Thiên Tứ chạy qua Krung thêp. Bị Taksin đánh chết con trưởng, vì tình nghi làm đảo chính. Thiên Tứ tự tử. Xiêm La giết chết 55 người Việt, kể cả Nguyễn Xuân, con thứ 17 Võ vương Khoát, rồi cho quân qua chiếm Hà Tiên. Năm 1787 Nguyễn Chung mới lấy lại được. [5-34] Nhưng quan Xiêm cai trị.

XXVII: *Biên Hòa*, (1997), 5:35-86)

Đại Nam Nhất Thống Chí của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (bản dịch Phạm Trọng Diễm và Đào Duy Anh, Viện Sử Học, 5 tập, (NXB Thuận Hóa, 1997),

I. Định vương Nguyễn Phước Thuần (1762-1776)

9. Nguyễn Phước Thuần (1765-1777): Định Vương

ĐNLTB, I, 11: **Duệ Tông** Hiều định **Hoàng đế** (7/7/1765-), **thượng**, 1962: 230 [230-49];

ĐNLTB, I, 12: Duệ Tông Hoàng đế (7/7/1765-18/10/1777 [ngày Canh Thìn tháng 9 Đinh Dậu), **hạ**, 1962: 263 [250-64];

[Phước Dương chết ngày **19/9/1777** [Tân Hợi, tháng 8 Đinh Dậu)], **hạ**, 1962: 263 [250-64];

[Phước Thuần chết ngày **18/10/1777** [Canh Thìn tháng 9 Đinh Dậu)], **hạ**, 1962: 263 [250-64];

Tháng 9 **Bính Tuất**: [-1/11/1766] Mạc Thiên Tứ báo cáo Phong Vương [*Boromoraja*] xứ Xiêm La đang chuẩn bị binh thuyền đánh Hà Tiên. Tháng 10 Bính Tuất [2/11-1/12/1766]: Sai Nguyễn Cửu Khôi và Nguyễn Thừa Mậu mang binh thuyền tăng viện Hà Tiên. (TB, 1:233)

Tháng Giêng Đinh Hợi [30/1-27/2/1767]: **Trịnh Doanh** chết. Thọ 48 tuổi. Con là Trịnh Sâm thay.

[10] **Tĩnh Đô vương TRỊNH SÂM [1767-1782]**

Trịnh Sâm tự xưng làm nguyên soái, Tĩnh Đô vương. Phong mẹ là Hoa Dung Nguyễn Thị [con Nguyễn Đình Tư, vợ Trịnh Doanh] làm Thái phi. (CMCB XLIII:3, (Hà Nội: 1998), 2:667)

Tháng Ba Đinh Hợi [30/3-27/4/1767]: 7/4/1767: Quân Miến Điện [Burmese, Myanmar] chiếm Ayudhya. Bắt được *Boromoraja [Phong Vương]* và con là Chiêu Đốc Đa, lừa mấy vạn dân mang về. Con thứ là Chiêu Xi-xoang chạy sang Chân Lạp. Chiêu Thúy [Phra Naret] chạy sang Hà Tiên.

Mạc Thiên Tứ cho binh tới Tầm Bôn, đề phòng Miến Điện tấn công. (TB, 1:233-34) [*Xem tháng 10 Tân Mão [7/11-5/12/1771]*]

Tháng 5 Đinh Hợi [28/5-25/6/1767]: **Nguyễn Cư Trinh** chết. (TB, 1:234)

15/11/1767 [24/9 nhuận]: Em Sâm là Trịnh Lệ mưu giết Sâm. Bại lộ, bị hạ ngục. Đồ đảng và thầy học là Phạm Huy Cơ bị giết. (CMCB XLIII:9-11, (Hà Nội: 1998), II:673-675) Nguyễn Nghiễm kiêm chức Quốc Tử Giám; Vũ Miên kiêm chức Tế Tửu [người Bắc Ninh; tiến sĩ năm 1748]; Lê Quý Đôn chức tư nghiệp. (CMCB XLIII :13-14, (Hà Nội: 1998), II:677-78)

12/1767: Tak Sin [Trịnh Quốc Anh] đánh bại quân Burmese, lên ngôi. Dời đô về Thonburi (trên bờ sông Chaophraya, đối diện Bangkok hiện nay).

[Sử Việt ghi là tháng 8 Mậu Tý (11/9-10/10/1768). Trịnh Quốc Anh người gốc Quảng Châu, cha từng làm trưởng đất Mường Tát, với tước Phi nhĩ Tân.

Tháng Hai Kỷ Sửu [8/3-6/4/1769] : Taksin [Trịnh Quốc Anh] sai Phi nhĩ sô si Bôn Ma mang quân qua đánh Chân Lạp. Định mang Nặc Nộn lên làm vua thay Nặc Tôn, vì Nặc Tôn không chịu triều cống. (TB, 1:235)

13/8/1769: PARIS: Công ty Đông Ấn của Pháp bị tước đặc quyền quốc doanh. [Xem 6/4/1770]

GM **Lambert de la Motte** tới Cochinchina [Đường Trong].

Tháng Chạp **Mậu Tý [8/1-6/2/1769]**

7/2/1769: Nguyễn đán Kỷ Sửu

Tháng Giêng **Kỷ Sửu [7/2-7/3/1769]:**

Đoàn Nguyễn Thục chiếm được động Mãnh Thiên (huyện Thanh Châu) của “giặc khâu mắt” Hoàng Công Chất [Thur], gốc huyện Thur Trì, Thái Bình, dư đảng của Nguyễn Cừ. (CMCB XLIII:21-22, (Hà Nội :1998), II:684-85; Phạm Thận Duật, “Hưng Hóa Ký Lược,” bản dịch Ngô Thế Long; trong Nguyễn Văn Huyền et al., *Phạm Thận Duật: Con người và*

tác phẩm (Hà Nội: KHXH, 1989), tr. 121-22 [107-199]. Bản tặng của Giáo sư Phạm Kế Viêm)

Chật đã chết. Con là Công Toản chạy thoát qua Vân Nam. (CMCB, XLIII:20-22, (Hà Nội :1998), II:691-92) Bảy [7] châu dưới quyền Công Toản [Tung Lăng, Lễ Tuyên, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì, Lai Châu, Khiêm Châu] đều xin qui phụ nhà Thanh [nay là 6 trại thuộc huyện Kiến Thủy, phủ Lâm An, Vân Nam]. (LTHCLC, q.IV, “Hưng Hóa,” *Dư Địa Chí*, 1992, I:142-43)

Tháng 9 Kỷ Sửu [30/9-28/10/1769]: * Hà Tiên: Một người Hoa mưu làm đảo chính Mạc Thiên Tứ, nhưng bị đánh bại. Phải chạy qua Xiêm. (TB, 1:235)

Tháng Giêng Canh Dần [27/1-25/2/1770]:

Trần Ninh: Lê Duy Mật bị đả bại. Nhảy vào lửa tự tử cùng gia đình.

Mật giữ thành Thịnh [Trình] Quang trên gò cao. Bùi Thế Đạt và Nguyễn Phan mang quân Nghệ An, Thanh Hóa hai đạo tấn công. Hoàng Ngũ Phúc mua chuộc được mẹ của con rể Duy Mật là Lại Thế Thiều, nên Thiều nhận lời làm nội ứng, mở cửa thành cho quân Trịnh tiến vào. (CMCB, XLIII:27-29, (Hà Nội :1998), II:691-92)

Tháng 11 Canh Dần [17/12/1770-15/1/1771]:

Nghệ An: Tham chính Ngô Thì Sĩ bị bãi chức. Hoàng Ngũ Phúc đề nghị thêm phải chịu sưu dịch. (CMCB, XLIII:35-36; (Hà Nội :1998), II:698-99)

Tháng 7 Canh Dần [21/8-18/9/1770] Mạc Thiên Tứ đánh tan bọn cướp Chà Và. (TB, 1:238) Tứ lại đánh bại một âm mưu làm phản khác. (TB, 1:238)

1/1/1771: Vua Vientiane viết thư cho Taksin. Yêu cầu Taksin dùng quân lực ở Khorat [Cổ Lạc] giúp dẹp loạn Phra Voraphita tại Nong Bua Lam Phu đã gần 2 năm.

[1/1774: Taksin cảnh cáo Vientiane không được ngả theo Burma trong cuộc chiến giữa Thonburi và Burma.

Năm 1772, Taksin xâm lăng Hà Tiên, san thành bình địa. Thiên Tứ phải chạy qua Trần Giang.

Tháng 5 Tân Mão [25/5-22/6/1771]:

X4. * Tháng 8 Tân Mão [7/11-5/12/1771]:** Mạc Thiên Tứ được tin Xiêm đang chuẩn bị đưa quân sang đánh. Điều khiển Gia Định là Nguyễn Cửu Khôi không đưa binh đến giúp. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:239 [230-49])

Tháng 10 Tân Mão [7/11-5/12/1771]: Hà Tiên: Taksin [Trịnh Quốc Anh hay Trịnh Tân] sai Trần Liên đưa 20,000

quân qua vây Hà Tiên, đòi Chiêu Thùy [Phra Naret], con vua cũ Boromoraja [Phong Vương]. Có giặc núi Bạch Mã là **Trần Thái** dẫn đường.

Thái người Tiều Châu, năm Kỷ Sửu [1769] đã âm mưu cùng bọn Mạc Sùng, Mạc Khoan làm nội ứng chiếm Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ khám phá ra, bắt bọn Sùng, Khoan. Thái chạy qua Xiêm La. Nay theo người Xiêm về. Thiên Tứ phải bỏ chạy. Quân họ Mạc ở Châu Đốc cũng rút về Kiên Giang, rồi Trấn Giang. Lưu thủ dinh Long Hồ là Tổng Phước Hợp mang binh thuyền tới cứu. Trần Liên phải rút giữ Hà Tiên. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:240 [230-49])

*** Nam Vang: Taksin đích thân mang quân qua đánh Chân Lạp.**

Nặc Tôn bỏ chạy. Taksin lập Nặc Nộn làm vua. Xiêm có ý nhóm ngó Phiên Trấn. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:240)

Tháng 11 Tân Mão [6/12/1771-4/1/1772]: Điều khiển Nguyễn Cửu Khôi và Nguyễn Thừa Mân tiếp Thiên Tứ. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:241)

Xiêm La: **Pierre Joseph Georges Pigneau**—xuất thân từ làng Béhaine, tỉnh Aisne, Pháp—rời Pondichéry qua thành lập chủng viện ở Virampatuam. Tháng 9/1765 tới Macao, hoạt động ở Đàng Trong. 3/1767 tới Cần Cao, Hà Tiên. Mở một chủng viện ở Hòn Đất, cách Hà Tiên khoảng 15 cây số [km]

Tháng 6/1771, thay Piguel làm Giám Mục. Ngày 24/2/1774, thụ phong ở Madras. Năm 1775, vì chiến tranh Xiêm-Miền Điện, rời chủng viện vào Cochinchine.(?) Tháng 2/1785, trở lại Pondichéry.

Tháng 12 Tân Mão [5/1-3/2/1772] Thăng Long: Trịnh Sâm thất cố Thái tử Lê Duy Vỹ. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:241)

Tháng 12 Tân Mão [5/1-3/2/1772] Núi Thạch Bi tại Phú Yên đổi thành màu trắng vì “sét đánh.” (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:241 [230-49]);

Văn sử TH cổ đại ngoa truyền rằng Mã Viện đã dựng năm [5] kim tiêu ở đây.

Phú Yên: Lấy cai đội Dinh Phú Yên là Nguyễn Văn làm trấn thủ Dinh Bình Khang. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:241 [230-49]);

4/2/1772: Nguyễn đán Nhâm Thìn

Tháng Giêng Nhâm Thìn [4/2-3/3/1772]: Qui Nhân: Chương cơ Nguyễn [Tôn Thất] Văn, con thứ ba Thế Tông làm duyệt tuyền ở Qui Nhân. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:241 [230-49]);

Tháng Hai Nhâm Thìn [4/3-2/4/1772]: * Gia Định: Giáng Nguyễn Cửu Khôi làm cai đội; triệu hồi Nguyễn Thừa Mân. Chưởng cơ Nguyễn Cửu Đàm, Khâm sai chánh thống suất đốc chiến, cai cơ Trần Phúc Thành làm Khâm sai tham tán, lĩnh 10,000 quân và 20 thuyền chiến của Bình Khang và Bình Thuận để hành việc điều khiển. (Tiền Biên, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:241 [230-49])

Tháng 6 Nhâm Thìn [1-29/7/1772]: * Chân Lạp: Nguyễn Khoa Thiêm, tiến quân theo đường Tiền Giang, cai bạ dinh Long Hồ Nguyễn Khoa Thuyên lĩnh quan quân huyện Đông Khẩu tiến theo đường Tiền Giang, Lưu thủ **Tổng Phước Hợp** tiến theo đường Hậu Giang, đến đóng ở Châu Đốc, mang quân ba [3] đạo phân công quân Xiêm trên đất Chân Lạp..

Nguyễn Khoa Thiêm không tiến được, phải lùi giữ Kiên Giang, rồi sai người Khmer là Tót làm tiên phong, tiến đến Nam Vang, phá được quân Xiêm. Taksin phải chạy qua Hà Tiên. Nặc Nộn chạy đến Cần Vọt. Quân Nguyễn chiếm được Nam Vang và La Bích. Nặc Tôn lại về làm vua Chân Lạp. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:241-42 [230-49]); LTTB, 1995:177; Woodside 1971:247)

Nhưng Taksin bắt được Chiêu Thúy (con vua Xiêm cũ) giết đi. Rồi bắt con Mạc Thiên Tứ mang theo về Xiêm. Giao cho Trần Liên giữ Hà Tiên. ĐNLT, TB, q. VI, 1995:246)

* Gia Định: Lập đạo **Trường đồn** (Định Tường) ở Mỹ Tho. Đặt cai cơ và thư ký. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:242 [230-49]);

1773

Tháng Chạp Nhâm Thìn [24/12/1772-22/1/1773]:

23/1/1773: Nguyễn đán Quý Tị [Cảnh Hưng thứ 34]

Tháng Hai Quý Tị [21/2-22/3/1773]: Mạc Thiên Tứ cầu hòa với Xiêm. Taksin đồng ý triệt binh, trả tự do cho con Tứ. Từ Trần Giang, Tứ sai con là Hoàng về lại Hà Tiên sửa sang lại. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:242 [230-49]);

Tháng Hai nhuận Quý Tị [23/3-21/4/1773]:

Tháng Ba Quý Tị [23/3-21/4/1773] [Thanh]:

Tháng Ba Quý Tị [22/4-20/5/1773]

Tháng Ba nhuận Quý Tị [22/4-20/5/1773] [Thanh]:

Tháng 6 Quý Tị [-17/8/1773]: Trương Phúc Loan giết Nguyễn [Tôn Thất] Văn.

Những tôn thất ghét Loan sai Hàn lâm Ngô Đình Thứ và tri phủ Trần Giai làm giả ấn Loan, giả mạo thư Loan gửi Nguyễn Nhạc, rải ngoài đường. Tham mưu Tá bắt được, trình lên Chưởng cơ Văn. Văn yêu cầu chúa Thuận trừng phạt Loan.

Loan cãi là bị vu cáo. Chúa Thuần bỏ qua. Phúc Loan nghi Tả là tác giả, bắt giết đi. Lại làm thư tố cáo Văn thông đồng với giặc làm phản. Nguyễn Văn sợ trốn đi; bị Nguyễn [Tôn Thất] Hương bắt, dìm chết ở phá Tam Giang. Năm 1806, Gia Long cấp cho 50 mẫu ruộng để đáp ơn nuôi dưỡng hồi nhỏ. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:242-43 [230-49]);

Tháng 7 Quý Tị [18/8-16/9/1773]:

1/9/1773 [15/7 Quý Tị]: Lê Quý Đôn (1724-1785) viết tựa cho tập *Văn Đài Luận Ngữ* [hay Văn Đài Luận Ngữ [Classified Talk from the Study]. Thời gian này đang là Thị lang bộ Công, kiêm Quốc sử Tổng tài, Dĩnh Thành hầu. (VDLN, 1972:31)

*Sau đó, liên kết với Thư phủ sự (Thừa Tướng) **Phan Huy Đình**, một hoạn quan tin cẩn của chúa Trịnh, được cất nhắc làm Bồi tụng (Phó Thừa tướng).*

1775: Lại bộ thị lang kiêm Quốc sử Tổng tài. Xảy ra vụ gian lận thi cử, trao quyền giữa con Đôn, Quý Kiệt, và học trò là Đình Thời Trung.

*1776: Hiệp trấn, tham tán quân cơ cho Bùi Thế Đạt ở Thuận Hóa. 6 tháng sau, về kinh làm Cơ mật sự vụ, kiêm Chương tài phủ. 1778: Quyền phủ sự, Nghĩa Phái **hầu**. Năm 1780, theo lệnh Trịnh Sâm, làm án bọn đóc trấn Sơn Tây là Nguyễn Khả tội mưu với Trịnh Khải làm loạn, theo lời vu cáo của Đặng Thị Huệ và Huy quận công Hoàng Tố Lý (HLNTC) 1783: Thương thư bộ Công. **1785: Chết.***

III. Tây Sơn-Nguyễn Tranh Hùng (1773-1802):

A. Tây Sơn:

Mùa Thu Quý Tị [1773]:

14/11-13/12/1773 [Tháng 10 Quý Tị]: Nguyễn Văn Nhạc chiếm Kiên thành.

Tự xưng là Đệ nhất trại chủ, chỉ huy hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn.

[Phủ Hoài Nhơn thời Tự Đức. Gồm Bồng Sơn (từ Mộ Đức, Quảng Ngãi), tới Phù Ly (sau chia làm Phù Mỹ, Phù Cát)]. (ĐNNTC, q. IX: Bình Định, (1997), 3:9-10)

***Nguyễn Thung** làm Đệ nhị trại chủ, cai quản huyện Tuy Viễn. **Huyền Khê** làm Đệ tam, trại chủ, coi việc binh lương.*

[Huyện Tuy Viễn [và Tuy Phước] thuộc phủ An Nhơn] (ĐNNTC, q. IX: Bình Định, (1997), 3:10-11)

Còn mật ứng với Nữ chúa Chiêm thành là Thị Hỏa ở Thanh Thành làm thế nương tựa nhau. [sau thuộc huyện Hòa Đa, Bình Thuận, 8 tổng thuộc phủ Hàm Thuận]. (ĐNNTC, q. IX: Bình Định, (1997), 3:127-28)

Sau đó sai Nhưng Huy và Từ Linh cùng Nguyễn Thung dẫn quân xuống chiếm phủ thành Qui Nhơn [Chà Bàn, huyện Tuy Viễn, Bình Định]. Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên bỏ chạy.

[Có thuyết khác cho rằng Nhạc tự ngồi vào cũi, cho người giải tới thành giao nạp. Tuần phủ mở cửa thành, nhận lấy Nhạc, giam vào cũi. Đêm đó, trong khi quân Nhạc âm thầm tiến đến vây thành, Nhạc phá cũi, mở cửa thành cho quân tràn vào]. (ĐNCBLT, q. XXX:3a, (Sài Gòn: 1970), tr. 14-5; (1993), II:491-92 [491-503 [Nhạc], 503-30 [Huệ], 530-40 [Quang Toán, 1782-1802]; CM XLIV:22-23; (Hà Nội: 1998), 2:720)

Sau đó đánh chiếm Càn Dương và Đạm Thủy, đoạt lấy kho lương tạm thời. Giết chết Khâm sai Lượng và toàn gia Đốc trung Đẳng. Mở rộng vùng kiểm soát tới ranh giới Quảng Nam.

Giết chết hai Tướng của quân Nguyễn gửi tới cứu viện ở Thạch Tân (Bến Đá). [ranh giới hai huyện Hà Đông, Quảng Nam, và Bình Sơn, Quảng Ngãi; CMCB XLIV:22-23; (Hà Nội: 1998), 2:731)

Có sự ủng hộ của bọn "Khách buôn" (người Hoa) là Tập Đình (Trung Nghĩa Quân) và Lý Tài (Hòa Nghĩa Quân). Quân Tây Sơn còn có người thiếu số. "Chúng người cao lớn, cạo trọc đầu, ở mình trần, khi lâm trận thì cho uống rượu, cổ đeo giấy vàng bạc [bùa chú] để tỏ ý quyết tử. Quan binh không địch nổi." (TB, 1:343; LT 30, 4a (1970), tr. 18-9) [KĐVSTGCM không nhắc đến quân thiếu số, cho đó là người Quảng Đông; CMCB XLIV:23; (Hà Nội: 1998), 2:720-21)]

Tháng 6 Quý Tị [1773]: Trương Phúc Loan giết Chương cơ Văn. ĐNLTB, XI, 1962, 1:243-44.

Nguyễn Nhạc nhân thế tiến chiếm Quảng Ngãi, Bình Thuận. Rồi tiến đánh Quảng Nam. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:244; LT XXX: Ngụy Tây, 4A (1970), tr. 18-21; ĐNNTC, q. IX, Bình Định, (1997), 3:24-5)

Tháng Chạp Quý Tị [12/1-10/2/1774]:

* Bình Định: Tập Đình và Lý Tài giết chết Tiết chế Nguyễn [Tôn Thất] Hương ở núi Bích Khê (phía Bắc huyện Phù Mỹ).

Nguyễn Nhạc nhân thế tiến chiếm Quảng Ngãi, Bình Thuận. Rồi tiến đánh Quảng Nam. (TB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:244; LT XXX: Ngụy Tây, 4A (1970), tr. 18-21; ĐNNTC, q. IX, Bình Định, (1997), 3:24-5)

Tháng Giêng Giáp Ngọ [11/2-11/3/1774]:

* Quảng Nam: Tây Sơn lại phá tan quân Nguyễn.

Tháng 4 Giáp Ngọ [10/5-8/6/1774]:

* Khánh Hòa: Tổng Phước Hiệp, lưu thủ Dinh Long Hồ, và cai bạ Nguyễn Khoa Thuyên thống lĩnh quân lính 5 dinh (Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ) thủy lục Bắc phạt.

Chiếm được Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang, rồi đóng quân ở Hòn Khói (Khánh Hòa). (TB, 1:244-45)

* Quảng Nam: Nguyễn Cửu Dật cầm cự với quân Tây Sơn. Thắng nhiều trận. (LT LT, XXX: 5 (1970), tr. 22-5)

B. Lê-Trịnh Chiếm Đàng Trong (1774-1786)

***** Tháng 5 Giáp Ngọ [9/6-8/7/1774]: Nghệ An:**

Hoàng Ngũ Phúc cùng Bùi Thế Đạt mang quân Nam chinh.

Quyết định này do đề nghị của Trấn thủ Nghệ An là Bùi Thế Đạt. (Đôn, PBT, q. 1, (1972) tr. 122; CMCB, XLIV:10-11, (Hà Nội: 1998), II:709-11)

(ĐNCBLT, q. XXX:3a, (Sài Gòn: 1970), tr. 14-5; (1993), II:491-92 [491-503 [Nhạc], 503-30 [Huê], 530-40 [Quang Toàn, 1782-1802]; CMCB XLIV:22-23; (Hà Nội: 1998), II:720)

Phúc đã về hưu nhưng được gọi ra cầm quân. Thời gian này quân đội của Trịnh Sâm tương đối khoẻ mạnh. Tinh thần binh sĩ lên cao nhờ hai chiến thắng dư đảng **Hoàng Công Chất** ở động Mãnh Thiên, Hưng Hóa tháng 2-3/năm 1769 và **Lê Duy Mật** ở Trấn Ninh tháng 1-2/năm 1770.

Tháng Giêng [7/2-7/3/1769]: Đoàn Nguyễn Thục hạ được động Mãnh Thiên của dư đảng Hoàng Công Chất. Chất đã chết. Con là Công Toàn chạy thoát qua Vân Nam. (CMCB, XLIII: 20-22, (Hà Nội: 1998), II:691-92) Tháng Giêng Canh Dần [27/1-25/2/1770]: Trấn Ninh: Lê Duy Mật bị đả bại. Nhảy vào đóng lửa tự tử cùng gia đình. Mật giữ thành Thịnh [Trinh] Quang trên gò cao. Bùi Thế Đạt và Nguyễn Phan mang quân Nghệ An, Thanh Hóa hai đạo tấn công. Hoàng Ngũ Phúc mua chuộc được mẹ của con rể Duy Mật là Lại Thế Thiệu, nên Thiệu nhận lời làm nội ứng, mở cửa thành cho quân Trịnh tiến vào. (CMCB, 43:27-29, (Hà Nội: 1998), II:691-92) LTHCLC của Phan Huy Chú ghi chết vào tháng 1/1770.

Có thuyết nói Nguyễn Văn, con Nguyễn Dục, chạy ra Bắc báo cáo tình hình, xin trừng trị Loan. (ĐNTL, TB, 1962:245)

Tháng 7 Giáp Ngọ [18/8-16/9/1774]:

Phước Thuần giao cho **Nguyễn Vệ** coi việc nước, đích thân cầm quân chống Trịnh. Soái thuyền đóng ở cửa Tư Dung. (ĐNTL, TB, 1962:246)

Tháng 9 Giáp Ngọ [5/10-3/11/1774]:

* Bó Chính: Quân Trịnh tới châu Bắc Bó Chính.

Trần thủ Trần Giai hàng Trịnh. (ĐNTLTB, XI, 1962:246) ([bỏ thành chạy]; PBTL (1972), tr. 126)
Phước Thuần rút về Phú Xuân. Giao binh quyền cho Nguyễn Cửu Dật kháng Trịnh. (ĐNTLTB, XI, 1962:246)

Tháng 10 Giáp Ngọ [4/11-2/12/1774]:

* Thuận Hóa: Đói to. Ngoài đường có xác người chết đói. (ĐNTLTB, XI, 1962:246)

Quân Trịnh vượt qua sông Gianh. (ĐNTLTB, XI, 1962:246)

Phước Thuần sai sứ giả đến hành dinh Hoàng Ngũ Phúc, nói “giặc cỏ Tây Sơn” tự nhiên phải tiêu diệt, không cần khiến quân Trịnh nhọc mệt. Một sứ giả tâu riêng với Phúc, “Đường không đi không đến, chuông không gõ, không kêu.”

Phúc hiểu ý, cho quân tiến vào Bó Chính. Nguyễn Tiệp giữ lũy Đồng Hới. Hoàng Đình Thễ tiến gần đến lũy Trần Ninh, quân sĩ mở cửa đầu hàng. Quân Trịnh chiếm dinh Quảng Bình. (ĐNTLTB, XI, 1962:246-47)

Tháng 11 Giáp Ngọ [3/12/1774-1/1/1775]: Trịnh Sâm mang thủy quân vào dinh Hà Trung yểm trợ cho Hoàng Ngũ Phúc. *Phúc tiến đến đạo Lưu đồn [phủ Vĩnh Linh, Quảng Trị]. Truyền hịch chỉ muốn loại Trương Phúc Loan, không có ý xâm lấn. **Chưởng dinh Nguyễn Huống (hay Cuồng, con Phước Khoát) và Nguyễn Cửu Pháp** bắt Loan giao nạp bằng đường thủy. Dâng thêm 800 lạng vàng lên chúa Trịnh, và tặng Phúc 200 lạng. Đồng thời nạp sổ sách xin cống hiến lên Lê hoàng.* (PBTL, (1972), tr. 122-26) (ĐNLTB, (1995), tr 271-72)

Dân chúng cũng nổi lên đập phá nhà Loan, giết chết anh của Loan là Sinh Đức hầu. [Đôn không chép là Tôn thất, mà chép là Nguyễn Huống; PBTL (1972), tr. 127]

Sau đó, Phúc đòi họp quân ở Phú Xuân đánh Tây Sơn. Định Vương cử binh chống giữ, bị thua.

1775

Tháng 12 Giáp Ngọ [2-30/1/1775]:

8/1/1775 [7/12 Giáp Ngọ]: Quân Trịnh đả bại quân Nguyễn ở Độc Giang. (PBTL (1972), tr. 128)

29/1/1775 [Đinh Mùi, 28/12 Giáp Ngọ]: Quân Trịnh tiến vào Phú Xuân [Huế]. (TB, XI, 1962:249)

Phước Thuần sai Tổng Phước Đạm giữ mặt bắc. Tập trung thủy quân ở phía nam. Cho lệnh Phước Dương di chuyển trước. (TB, XI, 1962:249)

30/1/1775 [Mậu Thân, 29/12 Giáp Ngọ]: Phước Thuần **bỏ chạy vào cửa Tư Dung, mang theo 100 tù tòng.**

Nguyễn Chung rời Huế cùng nhiều người trong tôn thất.

Quân Trịnh chiếm Huế. (TB, XII: Duệ Tông, 1962, 1:249)

Tháng Giêng Ất Mùi [31/1-1/3/1775]:

2/2/1775 [3/1 Ất Mùi]: Đại quân Trịnh tiến vào **Phú Xuân.**

Hoàng Ngũ Phúc sai người truy kích Định vương Thuần.

Thuần trốn gấp qua núi Hải Vân, vào trú trong một ngôi chùa ba [3] ngày. Sau đó [5/2/1775] bỏ vào cửa biển Cầu Đê, Quảng Nam. Quân Trịnh mãi cướp vàng bạc, không truy kích theo. (PBTL (1972), tr. 130) Liệt truyện ghi là Bến Giá [Giá Tôn]; PBTL (1972), tr. 130; TB, XII, 1962:250-51, CB, I, 2: 1778-1801, 1963:28-9)

Trịnh Sâm phong Phúc làm Trấn thủ Thuận Hóa. Phúc cho lệnh san bằng các lũy Bó chính và Khang lộc. Lấy người Thuận Hóa làm huyện lệnh.

* *Quảng Nam: Phước Thuần dùng chân ở Giá tân [bến Giá]. Tả quân Nguyễn Cửu Dật xin lập **Phước Dương** làm Thế tử [Đông cung]. Cho trấn thủ Quảng Nam. Dương, đẹp như tranh vẽ, là con độc nhất của Hoàng tử Hiệu, con thứ 9 Võ Vương Khoát, được phong thế tử vì ngày sinh nhật chúa [16] dâng một mâm thóc. Năm 1760, Hiệu chết, khi mới 22 tuổi. Con là Dương.*

* *Quảng Nam: Phước Thuần dùng chân ở Giá tân [bến Giá]. Tả quân Nguyễn Cửu Dật xin lập Hoàng tôn Nguyễn Phước Dương làm Thế tử [Đông cung], hầu cùng Nguyễn Đĩnh, Chí và Đạm trấn giữ Quảng Nam.*

Vài ngày sau, quân Tây Sơn chia 2 đường thủy bộ tiến đánh. Cửu Dật chạy qua Trà Sơn, rồi Liên Chử thu thập chiến thuyền vào nam tìm viện binh. (ĐNTLTB, XII, 1962, 1:250-51). Phước Dương giữ Cầu Đê.

Sau khi Phước Thuần vào nam, đóng ở Cầu Đê.

Mùa Xuân Bính Thân (1776), trốn khỏi chùa Thập Tháp vào nam. Đêm Quý Mão mùa Đông Bính Thân (14 hay 15/11/1776) trốn vào nam. (ĐNTBLT, q. II, “truyện Các Hoàng tử,” 1993, 1:57-8 [Phụ lục Hoàng tử Hiệu].

Tháng Hai Ất Mùi [2-30/3/1775]: Nguyễn Văn Nhạc chiếm Quảng Nam. (CMCB XLIV:22-24, (Hà Nội: 1998), II:719-21; ĐNNTC, (1997), q. VII, 2:335 (từ năm Giáp Ngọ) [331-400]

Trịnh Sâm cho lệnh Đại Trấn thủ Hoàng Ngũ Phúc đánh Quảng Nam. Rồi rút binh về Thăng Long. [Xem 3-4/1775]

Ngày 13/3/1775 [ngày Canh Dần [12] tháng 2 Ất Mùi [2-30/3/1775] chạy khỏi Đà Nẵng. Bị bão to, bọn Nguyễn Kính và Nguyễn Cửu Dật bị đắm thuyền mất tích. Chỉ có thuyền Định vương Thuần thoát nạn. Trên thuyền có Chúng, 13 [14] tuổi, và anh em. Tới Bình Khang gặp bọn Tổng Phước Hạp, Nguyễn Khoa Thuyên từ Hòn Khói [Yên Cương] đến đón rước. Giao cho Hạp chỉ huy lực lượng Cần vương ở Bình Khang, rồi cùng Nguyễn Khoa Thuyên, Chương Cơ Trương Phúc Thân vào Gia Định. Chúng được ở sát bên Phước Thuần, coi lính hầu cận. (ĐNTLTB, XII, 1962:250-51; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:28-29; PBTTL ghi Nguyễn Hữu Du cùng 16 chiến thuyền; (1972), tr. 131)

[Mẹ cùng chị Chúng chạy ra Quảng Trị; năm 1779 [tháng 3 Kỷ Hợi], mới vào tới Gia Định. (ĐNCBLT, q. I, III, (1993), 2:12, 65; ĐNTLCB, I, 2: 1878-1801, 1963:31)

12/3/1775: Pierre Pigneau, mới được thụ phong Giám mục, đến Hà Tiên, thành lập chủng viện Cầu Quay. Tháp tùng có 4 giáo sĩ, 8 chủng sinh và 4 giáo mục Việt. **Morvan Jacques Nicolas** điều khiển trường này cho tới khi chết ngày 15/1/1776. **Le Clerc Tite** lên thay. (BAVH, 16)

Ngày 25/3/1775 [Nhâm Dần, 24/2 Ất Mùi] thuyền Phước Thuần (Duệ Tông) tới Bến Nghé, Gia Định. Cha con Mạc Thiên Tứ tới lạy chào. Thuần phong Tứ làm đô đốc quận công; con Tứ là Hoàng làm Chương cơ, Thăng làm Cai cơ Thăng thủy, Diên làm tham tướng cai cơ; về giữ đạo Trấn Giang, hầu lo việc “Cần Vương.” (ĐNTLTB, XII, 1962:251-52)

Tháng Ba Ất Mùi [31/3-29/4/1775]: Ngũ Phúc giao cho Bùi Thế Đạt giữ Huê. Rồi chia binh hai đạo đánh Quảng Nam. Phá được đồn Cầu Đê, bắt sống mẹ và vợ Thuần. (PBTTL (1972), tr. 131) Rồi phá được đồn Trung Sơn.

Ngũ Phúc vượt núi Hải Vân, từ đồn Trung Sơn và xã Cầu Đê (huyện Hòa Vinh) tiến quân. Nhạc sai Lý Tài và Tập Đình chặn đánh ở Cẩm Sa (huyện Hòa Vinh). Quân Tập Đình người Quảng Đông, cao lớn, đầu đội vải đỏ, cổ đeo giấy bạc, giấy vàng, tay cầm lá chắn bằng mây, siêu đao lớn, cởi trần xông pha đánh chém rất hung tợn. Theo Lê Quý Đôn, quân Tây Sơn đánh chém hỗn loạn; nhưng kị binh của Trịnh thế liên tục yểm trợ nhau, trận không vỡ.

Tập Đình thua chạy. Nhạc và Lý Tài lui giữ Bến Ván (Bản Tân, ranh giới Hà Đông, Quảng Nam, và Bình Sơn, Quảng Ngãi). (CMCB XLIV:22-24, (Hà Nội: 1998), II:719-21. ĐNNTC, q. VII: Quảng Nam, (1997), 2:336, 341 (Hà

Đông, nay là Tam Kỳ) [331-400], q. VIII: Quảng Ngãi, (1997), 2:403, 430).

Phúc vào đóng ở Quảng Nam. (TB, 1:253)

Tháng Tư Ất Mùi [30/4-28/5/1775]: Tập Đình và Lý Tài bắt được Phước Dương. Mang về Hội An. Tập Đình muốn giết, nhưng Lý Tài can lại. (TB, XII, 1962:252)

Nhạc đưa Đông cung Dương vào Qui Nhơn, gả con gái là Thọ Hương cho Đông cung Dương, muốn lập Dương làm chúa. Dương không đồng ý. (TB, 1:253-54)

- Nhạc cũng tìm cách giảng hòa với Tổng Phúc Hạp [Hiệp]. Nêu lên danh nghĩa "cần vương": Phò Đông cung Dương chống Trịnh. (LT, q.30:7a-b; (1970), tr. 32-33)

Trước đây, Nhạc đã phò Chương Văn. [Xem 1765]

Nhạc muốn giết Tập Đình. Tập Đình bỏ chạy qua Quảng Đông, sau bị Tổng đốc tỉnh này giết. (TB, XII, 1962:253; PBTL (1972), tr. 131)

Tháng 5 Ất Mùi [29/5-27/6/1775]: Tổng Phước Hiệp lấy được Phú Yên. Bộ binh đóng ở Xuân Đài; thủy quân đóng ở Vũng Lắm (Lâm úc). ĐNLTTB (1852), 1995:133.

* Qui Nhơn: Nhạc xin hàng Hoàng Ngũ Phúc để đổi phó với quân Nguyễn: Nạp đất ba phủ Quảng Nghĩa, Qui Nhơn và Phú Yên, đồng thời làm tướng tiên phong đi đánh Gia Định. Phúc đồng ý, sai Nguyễn Hữu Chinh đem sắc, cờ phong Nhạc làm **Tây sơn Hiệu trưởng Tráng tiết Tướng quân**. (LT, q.30:6b-7a; (1970), tr. 31; PBTL (1972), tr. 132)

Tháng 6 Ất Mùi [28/6-26/7/1775]:

Tháng 7 Ất Mùi [27/7-25/8/1775]: Phú Yên: Quân Tây Sơn đánh bại Tổng Phước Hiệp [Hạp]. Nguyễn Huệ giết chết cai đội Nguyễn Văn Hiền, bắt được cai cơ Nguyễn Khoa Kiên (con Nguyễn Khoa Thuyên). Cho Lý Tài trấn thủ Phú Yên.

Hiệp rút về giữ Hòn Khói; Tổng Phước Hòa giữ đất Ô Cam. (TLTB, XII, 1962:254; ĐNLTTB (1852), 1995:133, 134 [1777: Tổng Phước Hòa tự tử; 1995:135].

* **Quảng Nam: Hoàng Ngũ Phúc tiến đến Châu Ô, thuộc địa phận Bình Sơn [Quảng Ngãi].**

Phong Nguyễn Văn Bình [Huệ] tước Tây sơn hiệu Tiên phong Tướng quân. (PBTL (1972), tr. 132. [PBTL, q. I, tr. 39, n3?]; LT, q. 30, ghi rằng Nhạc được phong tước này]

Tháng 10 Ất Mùi [24/10-22/11/1775]: *Vì binh lính bị bệnh*, Ngũ Phúc rút về Phú Xuân Thuận Hóa. Trịnh Sâm cử Bùi Thế Đạt giữ Huế, Nguyễn Đình Đống giữ châu Ô. Nguyễn Nghiễm xin đừng bỏ Quảng Nam, triều đình không nghe, nên bỏ hai phủ Thăng Hoa và Điện Bàn, về Phú Xuân. Sau bị bệnh, về Bắc, chết dọc đường. (PBTL (1972), tr. 133)

Tháng 11 Ất Mùi [23/11-22/12/1775]: Lực lượng phò Nguyễn nổi lên ở hai phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Nam. Cầm đầu là **Nguyễn Quyền** (con thứ 14 Phước Khoát), **Nguyễn Xuân** (con thứ 17), với Trương Phúc Tá làm Mưu chủ. Có khách buôn là Tất bỏ tiền giúp đỡ. (LT, q. 30:8b; (1970), tr. 36-7; LT,TB, 1993, 62-3; 1995:115-16. PBTL không ghi chi tiết này; xem Tháng 10, supra) **Nhạc đánh gần hai tháng mới thắng. Dân đói to.** (TB, XII, 1962:254-55) [Quyền chết ở Quảng Nam. Xuân chạy vào Gia Định, sau qua Xiêm. Bị vua Xiêm nghi làm gián điệp, giết năm 1777. LT,TB, 1995:116.

* Phú Yên: Lý Tài ngả theo nhà Nguyễn. **Chu Văn Tiếp** hay **Doãn Ngạnh** cùng **Nguyễn Huỳnh Đức** dẫn 1000 quân từ núi Trà Lang về đầu phục. (TB, XII, 1962:255; ĐNCBLT, q. 6, (Huế: 1993), II:108-9 [107-12]

Phước Thuần phong Mạc Thiên Tứ làm đô đốc quận công; con Tứ là Hoàng làm Chuông cơ, Thăng làm Cai cơ Thăng thủy, Diên làm tham tướng cai cơ; về giữ đạo Trấn Giang, hầu lo việc “Cần Vương.” (ĐNTLTB, XII, 1962, I:251-52)

Năm 1777, Mạc Thiên Tứ chạy qua Krung thêp. Bị Taksin đánh chết con trưởng, vì tình nghi làm đảo chính. Thiên Tứ tự tử. Xiêm La giết chết 55 người Việt, kể cả Xuân, con thứ 17 Võ vương Khoát, rồi cho quân qua chiếm Hà Tiên. Năm 1787 Nguyễn Chủng mới lấy lại được. [5-34] Nhưng quan Xiêm cai trị.

[*Sử Nguyễn chép là năm Quý Tị (1773); ĐNTLCB, 2:1778-1801, 1963 :28; Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, q. XXX: Ngụy Tây Liệt Truyện, bản dịch Tạ Quang Phát (Sài Gòn: 1970), tr. 7-13]*

ĐNCBLT, anh em Tây Sơn có ba người là Nhạc, Lữ và Huệ ; q. XXX:1, 1970, tr. 6-9. [*Ngụy Tây ; phần I : Nguyễn Nhạc, 20 :1-17a ; Huệ, 17b-43b ; Quang Toàn, 43b-56a]*

1776

Tháng 12 Ất Mùi [23/12/1775-18/1/1776]: Trịnh Sâm triệu Hoàng Ngũ Phúc về bắc. Bùi Thế Đạt lên thay. Quảng Ngãi (Châu Ô bị dịch tả).

Nguyễn Nghiễm muốn giữ Quảng Nam, nhưng Ngũ Phúc đề nghị rút về Thuận Hóa. Nhờ vậy, anh em Tây Sơn lại chiếm Quảng Nam. (CMCB, XLIV:28, (Hà Nội: 1998), II:725.

Tháng 1 Bính Thân [19/2-19/3/1776]: Mở trường đúc tiền ở Thuận

Tháng Hai Bính Thân [20/3-18/4/1776]:

Trịnh Sâm phong **Lê Quý Đôn**, Tả thị lang bộ Công, quyền Đô Ngự Sử [từ 1/9 Tân Mão (1771), rồi bồi tụng (1773), làm **tham thị** Thuận Hóa. (TB, XII, 1962:256; PBTL (1972); CMCB, XLIII:34-35, (Hà Nội: 1998), II:697.

* Qui Nhơn: Nguyễn Nhạc tự xưng làm **Tây sơn [Thiên] vương**.

Phong Lữ làm Thiếu phó, Huệ làm Phụ chính.

Xây thêm thành Đồ Bàn.

Đưa Đông cung Dương về Thập Tháp. Dương tìm cách trốn được vào Gia Định. (LT, q. 30:9A; (1970), tr. 39; TB, XII, 1962:256)

[TS 1] Tháng Hai Bính Thân [20/3-18/4/1776]: * Bình Thuận: Nguyễn Lữ mang thủy binh vào đánh Bình Thuận. Không thành công. (PBTL (1972), 133)

A. TS 1: Tháng 3 Bính Thân [19/4-15/5/1776]: Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Lữ mang thủy binh vào đánh Gia Định. Chiếm được Cửa Lập, rồi tiến vào cửa Cần Giờ, chiếm Sài Gòn. Lấy được ba dinh Phiên Trấn, Trấn Biên và Long Hồ. (TB, XII, 1962:256; (PBTL (1972), tr. 133)

Phước Thuần chạy tới Bà Rịa [dinh Trấn Biên?]. (TB, XII, 1962:256)

Tháng Tư Bính Thân [16/5-15/6/1776]: Nguyễn Nhạc làm chủ Quảng Nam. (PBTL (1972), tr. 135) Trịnh cho em Nhạc là Nguyễn Văn Bình làm **Tướng quân tiền phong**; PBTL, q. I, tr. 49 [NDC]

Tháng 5 Bính Thân [16/6-14/7/1776]: Thuận Hóa: Bùi Thế Đạt kiểm kê đất đai **8 huyện và châu Nam Bố Chính được 265,567 mẫu, 4 sào; số thục nạp thuế là 153,181 mẫu, 5 sào**. (TB, XII, 1962:257)

Gia Định: Đỗ Thanh Nhân ở đạo Đông Sơn phá quân Tây Sơn.

Quân Đông Sơn có khoảng 3000 người, thuộc đạo Tam Phụ (Ba Giòng) [Định Tường]. [tên Nôm là Ba Giòng]

Lữ bỏ chạy về Qui Nhơn cùng 200 thuyền thóc. Nhân chiếm lại Sài Gòn. (TB, XII, 1962:257)

4/7/1776: Liên bang Mỹ tuyên bố độc lập. Chiến tranh kéo dài tới năm 1783. Kết thúc bằng Hiệp định Paris. 1787: Ban hành Hiến pháp.

Tiết chế Tổng Phước Hiệp từ Bình Khang về. Lý Tài theo. Phước Thuần muốn dùng, nhưng Đỗ Thanh Nhân cho rằng Lý Tài không khác gì loài chó lợn, dùng cũng vô ích. (TB, XII, 1962:258)

Tháng 6 Bính Thân [15/7-13/8/1776]: Tiết chế Tổng Phước Hiệp chết. *ĐNLTTB (1852), 1995:133.*

Trần Biên: Lý Tài chiếm giữ núi Chiêu Thái (Biên Hòa), chống lại Đỗ Thanh Nhân. *Thanh Nhân đánh Chiêu Thái, nhưng không thành công. Đập lũy ở Bến Nghé và ở Nghi Giang (sông Thị Nghè) để chống giữ.* (TB, XII, 1962:258)

Tháng 7 Bính Thân [14/8-12/9/1776]: Phú Xuân:

Trịnh Sâm cho lệnh dân Thuận Hóa phải đổi quần áo, theo phong tục Bắc Hà. Dân chúng bị xách nhiều khổ sở. (TB, XII, 1962:258) **Tháng 8 Bính Thân [13/9-11/10/1776]:** Phú Xuân: Trịnh Sâm cho lệnh rút đại quân về. Lưu Phạm Ngô Cầu làm trấn thủ. (CMCB, XLIV:34, (Hà Nội: 1998),II:730.

Tháng 10 Bính Thân [11/11-10/12/1776]: Nguyễn Phước Dương vào tới Gia Định. *Dụ được Lý Tài trở lại.* (TB, XII, 1962:258-59)

* Chân Lạp: Vua Chân Lạp là Nặc Vinh xin qui phục. *Trước đây, dân tình đói khổ, giặc già, Nặc Tôn cử Nặc Vinh làm vua, mình làm phó. Nặc Vinh không chịu tiến cống. Phước Thuần sai Nguyễn Cửu Tuấn và Trương Phúc Thuận mang quân chinh phạt.* (TB, XII, 1962:259)

Vào thời điểm này, chúa Nguyễn đã trở thành một thế lực đáng kể ở Đông Nam Á. Cửa sổ mở ra cho việc toàn cầu hoá của Đại Việt là những cuộc nam tiến không ngừng từ thế kỷ XVII. Chiêm Thành [tức Champa] bị xoá tên trên bản đồ khu vực. Rồi đến Thủy Chân Lạp [Shui Chenla], tương đương với phần lãnh thổ Nam bộ hiện nay. Ngoài ra, từ năm 1708, chúa Nguyễn còn thừa nhận trấn Hà Tiên tự trị của Mạc Cửu và con cháu, điểm “nóng” thứ hai trong liên hệ với Xiêm La.

Một thế kỷ ngưng bắn giữa nam và bắc từ khoảng 1674 tới 1774 giúp Đường Trong trở thành “Quảng Nam quốc,” biệt lập dần với Đường Ngoài của Chúa Trịnh, gọi là “An Nam quốc,” dưới quyền cai trị nặng phần nghi thức của các vua Lê “Trung Hưng” (1543-1789). Từ năm 1647, triều đình mặt Minh (1644-1664) ở Lâm An/Phúc Kiến trả lại Đại Việt vị thế chư hầu [guo, hay vassal state]. **Năm 1651, nhà Minh còn phong Trịnh Tráng làm Phó Quốc vương, để trao đổi lấy tiếp vận và quân lương.** (ĐVSK, BKTT, XVIII:41b-42b, Lâu et Long (2009), 3:284)

Sau khi diệt nhà Minh, năm 1667, **Khang Hy** (Kangxi, 1662-1722) cũng thừa nhận vai trò hầu quốc và chế độ vua Lê-chúa Trịnh của An Nam—phong **Huyền Tông** tước **An Nam Quốc Vương**. Nhà Thanh còn **bỏ tục cống người vàng mà Minh Thế Tông đã áp đặt năm 1427, với “sinh lễ” nặng nề, lên tới khoảng 5,000-10,000 lạng vàng mỗi năm.** Không kém quan trọng, Khang Hy quay mặt làm ngơ cho chúa

Trịnh diệt khu tự trị của họ Mạc ở Thái Nguyên (Cao Bằng hiện nay). Năm 1728, vua Thanh còn cho định lại biên giới tây bắc của An Nam, lấy sông Đổ Chú làm ranh giới. Phải tới đời Hoàng Lịch, niên hiệu Càn Long [Qianlong] (1736-1796, TTH, 1796-1799)—Hoàng đế được Hán hóa đầu tiên của nhà Thanh—tham vọng mở rộng biên cương và ảo vọng thôn tính thiên hạ mới tái sinh, dẫn giết Hán tộc vào “một thế kỷ nhục nhã” [a century of humiliation] trong văn sử TH và thế giới.

Năm 1705, nhà Thanh còn từ chối yêu cầu phong vương của Nguyễn Phước Chu—dù quay mặt làm ngơ cho con buôn Thanh tới buôn bán ở Quảng Nam, Hà Tiên và Đông Phố.

J. Mục Vương NGUYỄN PHƯỚC DƯƠNG (14/12/1776-18/8/1777)

14/12/1776 [Nhâm Thân [4]/11 Bính Thân]- **18/8/1777** [Canh Tuất 17/8 Đinh Dậu:] **19/9/1777** [Tân Hợi 18/8 Đinh Dậu].

10. Tân Chính Vương Nguyễn Phước Dương (1776-1777)

Chép chung với Phước Thuận. (ĐNTLTB, I: XI-XII, 1962:230-49, 250-64)

Cha là **Hạo**, [Phước Thăng, theo Đôn, *Phủ biên tạp lục*, bản dịch Lê Xuân Giáo, Sài Gòn: 1972, I:119-20] (hay Đức Mục). Hoàng tử thứ 9 của Võ Vương Khoát. Được lập làm Thế tử nhờ món quà gạo ngày sinh nhật. 1760, chết. Dương còn nhỏ. Đầu năm 1775, được phong làm Thế Tử, cầm binh quyền ở Quảng Nam. Bại trận, được Nguyễn Nhạc gả con gái, cầm chân ở chùa Thập Thành.

Tháng 10 Bính Thân [11/11-10/12/1776], đêm Quý Mão, 4 hay 5/10 Bính Thân, 14 hay 15/11/1776]: Nguyễn Phước Dương vào tới Sài Gòn. Dự được Lý Tài trở lại. (TB, I, XII, Duệ Tông, hạ, 1962:258-59; **ĐNTBLT**, số 27, 1995:110 [108-14] Cao Tự Thanh ghi là 14/10 Bính Thân = 24/11/1776. [tr. 113, n11]. Có lẽ không đúng. Ngày 14/10 Bính Thân là ngày Nhâm Tý]

* *Chân Lạp: Vua Chân Lạp là Nặc Vinh xin qui phục. Trước đây, dân tình đói khổ, giặc giã, Nặc Tôn cử Nặc Vinh làm vua, mình làm phó. Nặc Vinh không chịu tiến cống. Phúc Thuận sai Nguyễn Cửu Tuấn và Trương Phúc Thuận mang quân chinh phạt.* ((TB, I, XII, Duệ Tông, hạ, 1962:259;)

11/12/1776 [Ngày Kỷ Tị 1/11 **Bính Thân**, [11/12/1776-9/1/1777]: Lý Tài đưa Phước Dương về Sài Gòn. (TB, I, XII, hạ, 1962:259)

Thứ Bảy, 14/12/1776 [Ngày Nhâm Thân, 4/11 Bính Thân]: **Phước Thuần nhường ngôi cho Phước Dương tại chùa Kim Chương (ngoài thành Gia Định).** (TB, I, XII, hạ, 1962:259) Phước Dương xưng là **Tân Chính Vương**. Đổ Thanh Nhân không đến dự lễ vì hiềm khích với Lý Tài. (TB, XII, 1962:259-60) Dương tôn Phước Thuần làm Thái Thượng vương; Nguyễn Chí làm thiếu phó; Nguyễn Xuân làm Chương cơ; Lý Tài làm Bảo giá Đại tướng quân. (ĐNTL, TB, XII, 1962:263) Phong Phạm Công Lý làm Ngoại hữu. Sai Tổng Phước Hòa và Thiêm Lộc giữ Long Hồ.

Chúng cũng không ưa Lý Tài, xin về Tam Phụ, chiêu phụ quân Đông Sơn. Lý Tài bèn ép Phước Dương đi Dầu Mít. Nhưng hôm sau, [15/12/1776] Trương Phước Dĩnh đưa trở lại Sài Gòn. (ĐNTL, TB, XII, 1962:264)

Võ Di Nguy và Tô Văn Đoàn mang 200 quân Qui Nhơn tới hành tại. Cho bọn Giám quân Tổng Phước Đạm ra Quảng Ngãi mộ lính. Bị Tây Sơn đánh đuổi. (ĐNTLTB, XII, 1962:264)

* Định Tường: **Nguyễn Chung (1672-1820)** (còn có tên khác là Noãn, sau đổi thành Ánh) *cũng không ưa Lý Tài, xin về Ba Giồng [Tam Phụ, Ba Giồng], chiêu tập binh mã ở Đông Sơn.* (ĐNTLCB, I, 2:1778-1801, 1963:29)

C. Tây Sơn Diệt Nguyễn:

[TS 3] Tháng Ba Đinh Dậu [8/4-6/5/1777]: Nguyễn Huệ mang binh thuyền vào đánh quân Nguyễn.

Phước Dương cử Lý Tài giữ Sài Gòn, tới giữ Trấn Biên. Bộ binh Tây Sơn dùng thượng đạo phá quân Phó tiết chế Nguyễn Cửu Tuấn, và chương trường đà Nguyễn Đại Lữ. Lý Tài chống lại thủy quân Tây Sơn ở Sài Gòn cũng bị bắt lợi. Dương từ Trấn Biên trở lại Sài Gòn.

Vài ngày sau, Tây Sơn đến đánh. Lý Tài dùng Nghĩa Hòa quân, thắng vài trận ở Hóc Môn. Sau rút về Sài Gòn vì tưởng làm viện quân là quân Đông Sơn. Tây Sơn đuổi theo. Lý Tài thua chạy về Ba Giồng, bị quân Đông Sơn giết. Tân chính vương chạy về giữ Tranh Giang (sông Chanh, Gia Định).

9/1777: Tân Chính Vương Dương về hàng tại Ba Việt [Vát]. ĐNNTC, q. XXIX: Vĩnh Long, (1997), 5:145: Chợ Ba Việt, thôn Phúc Hạnh, lị sở huyện Tân Minh. Tổng Phước Hòa bị giết [tự tử] ở đây.

ĐNTLTB ghi Dương bị giết ngày Tân Hợi [18/8 Đinh Dậu: 19/9/1777]. 1806: Gia Long truy phong làm Mục Vương. (ĐNTLTB, XII, 1962:263 [259-63])

ĐNLTTB ghi Dương bị giết ngày Canh Tuất [17/8 Đinh Dậu], tức 18/9/1777. (ĐNLTTB, Cao Tự Thanh dịch và chú thích (Hà Nội: KHXH, 1995), tr. 112, 114n26)

Tháng 8 Đinh Dậu [2-30/9/1777]: Phước Thuần chạy vào Long Xuyên. Nguyễn Chung mang binh tới cứu, đưa Phước Thuần qua Cần Thơ (An Giang), rồi Long Xuyên (Hà Tiên). Quân Tây Sơn truy kích đến Long Xuyên.

Tháng 9 Đinh Dậu [1-30/10/1777]: Phước Thuần bị bắt đưa về Gia Định rồi xử tử ngày 17/10/1777 [Canh Thìn: 17/9 Đinh Dậu]. Hưởng dương 24 tuổi. Năm 1806, Gia Long truy phong Duệ tông Hiếu định Hoàng đế. (TB, XII,:263; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:28)

Huệ kéo quân về Qui Nhơn. Lữ ở lại Gia Định.

(Đại Nam Liệt Truyện chép cả Lữ lẫn Huệ kéo về Qui Nhơn. Để bọn Tổng đốc Chu, hõ tướng Hãn, tư khấu Uy, điều khiển Hoà, cai cơ Chấn giữ Gia Định; ĐNLT, q.30 (Huế: 1993), 2:497; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:28).

Thời gian này, thế lực anh em Tây Sơn ngày một thăng tiến. Hải lòng với việc giết được hai chúa Nguyễn cuối cùng tại xứ Đồng Nai, Tháng Giêng Mậu Tuất [28/1-26/2/1778], Nguyễn Nhạc xưng đế, hiệu là Thái Đức. Gọi thành Đồ Bàn [Vijaya] của Chiêm Thành—thuộc huyện Tuy Viễn, phía tây cảng Thị Nại tức Qui Nhơn ngày nay khoảng [27] cây số—là Hoàng đế thành. Phong Lữ làm Thiêu phó [Tiết chế]; Huệ làm Phụ chính [Long tương Tướng quân]. (ĐNLT, q.XXX: Ngụy Tây, 9B-10A (Sài Gòn: 1970), tr. 40-3)

Tuy nhiên, họ Nguyễn từng mở mang và cai trị Đường Trong hơn hai trăm năm, chiến thắng của Tây Sơn năm 1777 chưa là chiến thắng cuối cùng. Thành viên họ Nguyễn rất đông, rải rác từ Thuận Hóa ra Thanh Hóa (Nguyễn Hựu), và còn ngược lên Cao Bằng (Nguyễn Hựu và Bế). Trong số dòng dõi họ Nguyễn, hàng chục người tiếp tục cuộc tranh hùng. Tiêu biểu nhất là Nguyễn Chung, (8/2/1762-3/2/1820) [(Chung: bên trái chữ Nhật [Thái], bên phải chữ Trọng [ThC 706]; có nghĩa là mặt trời khi giữa trưa], tức Noãn, [Noãn : bên trái chữ Nhật, bên phải chữ Viện], hay Ánh [bên trái chữ Nhật, bên phải chữ Anh]. Dù mới hơn 15 tuổi [16 tuổi ta], Chung từng nắm cầm quân bảo vệ Phước Thuần từ ngày lưu lạc vào Sài Gòn.

Theo tài liệu Ki-tô—chưa hẳn trung thực và khả tín—từ cuối năm 1777 giáo mục Paul Hồ Văn Nghị đã phát hiện ra tông tích Nguyễn Chung trên đường đào tẩu tại Cà Mau bùn lầy, nước đọng như Chà Là, Giá Ngựa [hay Ngự], cùng các hoang đảo, giang sơn của hải tặc đủ chủng tộc. Đồng thời các quan tướng nhà Nguyễn cũng mòn trán, lỏng gót mưu cầu danh vọng mới. Họ đã dùng đám tang chú cháu Nguyễn Phước Thuần, Nguyễn Phước Dương để làm lễ thề phục thù, tôn Nguyễn Chung làm đại nguyên súy. Hai nhân vật được nhắc nhiều nhất là Đỗ Thanh Nhân, thủ lĩnh nhóm quân Đông Sơn, và Tống Phước Khuông, người sẽ trở thành cha vợ Chung. Ngoài ra còn một số người họ Nguyễn qui tụ và tìm về Sài Gòn (Phiên Trấn), theo tinh thần “**chín đời báo thù mới là đại nghĩa.**” Một số đã ký vào giấy ủy quyền năm 1782, như Hội đồng Hoàng tộc, phó thác cho Nguyễn Chung toàn quyền đi cầu ngoại viện—tức Xiêm La và Đại Tây (Pháp). Văn khố Bộ Ngoại Giao Pháp còn lưu trữ các tư liệu như giấy ủy quyền của Hoàng tộc, thư Nguyễn Ánh gửi triều đình Pháp do đặc sứ toàn quyền/Giám Mục Pigneau “de” Behaine dịch qua tiếng Pháp, cùng vật và nhân chứng làm tin như ấn tín, và nhất là Hoàng trưởng tử Nguyễn Cảnh (1780-1801). Riêng với Xiêm La (Thái Lan từ năm 1938), đặc sứ là Nguyễn Xuân, Mạc Thiên Tứ, rồi Chu Văn Tiếp (Doãn Ngạnh), và chính bản thân “Chiêu Nam Cốc” Nguyễn Chung, cùng hàng trăm cựu “công thần Vọng Các,” v.. v.. Năm 1827, Tổng trấn Lê Văn Duyệt còn nhận chuyển về Huế hàng chục bản sao thư từ của Nguyễn Chung gửi các giáo sĩ trong thời gian hoạn nạn—xin tiếp tế lương thực, kể lể về các trận đánh quan trọng trong hai năm 1787-1788, hay dò hỏi dấu tích Hoàng tử Cảnh cùng Pigneau—tạo nên những tin đồn về việc Tả quân Duyệt chống đối việc lập Minh Mạng, ít nhiều gây nên những bản án bi thảm giáng xuống gia đình họ Lê, kể cả việc xử tử Phò mã Lê Văn Yên, v.. v... “con nuôi” Lê Văn Duyệt. Hay, việc đổi tên Nguyễn Hựu Khôi thành “Lê Văn” Khôi, để trừng trị một cựu công thần “đuôi to khó vẫy.”

NGUYỄN CHUNG– TÂY SƠN TRANH HÙNG:

1777:

Cuộc viễn chinh năm 1777 của anh em Tây Sơn đánh dấu đoạn kết cuộc tranh hùng theo truyền thống Việt. Nguyễn Nhạc lên ngôi vua Đàng Trong—lấy thành Đồ Bàn (Vijaya) làm kinh đô của tân chế độ. Nhưng dù đặt niên hiệu là Thái Đức, thiết lập triều đình, Nhạc có vẻ hài lòng với vùng lãnh thổ cai trị Đường Trong của các chúa Nguyễn.

Trong “Tức Vị Chiếu” ngày 22/11 Mậu Thân, mười hai năm sau, Quang Trung Nguyễn Huệ có vẻ chỉ trích thái độ này của Nguyễn Nhạc: “**Đại huynh vì khó nhọc mà mỗi mệ, chỉ muốn giữ một phủ Qui Nhơn, khiêm nhường tự xưng làm Tây vương,**” Hàn Các Anh Hoa, *Tuyển Tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, bản dịch Mai Quốc Liên, 2 tập (Hà Nội: KHXH, 1978), II:107-8 [107-9] (Việt), 104 [103-6].

Tháng 11 Đinh Dậu [30/11-29/12/1777]: Long Hồ: Quân Đông Sơn phá được quân Tây Sơn của điều khiển Hòa. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:29)

Nguyễn Chung, theo lời đồn, nhờ cá sấu ba lần chặn đường, thoát ra đảo Thổ Châu. Phần Mạc Thiên Tứ và Nguyễn Xuân được chiến thuyền Xiêm đưa về Bangkok. Năm 1777, Paul [Hồ Văn] Nghị (1734-1801) cứu Nguyễn Chung về ở tại chủng viện của Pierre Pigneau (1741-1799) tại Cầu Quao, Hà Tiên. Lúc này Pigneau đang ở Kampuchea (Chân Lạp). Khi trở về, Pigneau đưa Chung qua trốn ở Thổ Châu vì quân Tây Sơn truy lùng gắt gao. Pigneau giới thiệu với Chung một nhân vật “ông Gioang (d. 1782)”, một người Pháp giỏi võ, nên tái chiếm được Long Hồ. H. Cossarat, “Notes biographiques sur les Français au service de Gia Long ;” BAVH, V, no. 3 (7-9/1917), pp. 165-206.

Nhóm Đỗ Thanh Nhân và cai đội Lê Văn Quân cũng nổi lên ở Ba Giồng để phò Nguyễn. Nhóm Nguyễn Văn Hoảng, Tống Phước Khuông, Tống Phước Lương, Dương Công Trùng, Hồ Văn Lân mang quân đến họp. Ai nấy đều mặc áo tang. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:29)

Cuối năm 1777, sau khi Nguyễn Huệ rút quân về miền Trung, Nguyễn Chung cùng nhiều cựu quan lại của Chúa Nguyễn mưu khôi phục nhà Nguyễn. Nhờ Đỗ Thanh Nhân và 3000 quân Ba Giồng, tức Đông Sơn, Chung chiếm được Gia Định thành. Tháng 2 Mậu Tuất [27/2-28/3/1778], Nhạc sai hộ giá Phạm Ngạn mang binh thuyền từ Qui Nhơn vào nam, phối hợp với Tổng đốc Chu, tư khấu Uy [Oai], đánh Trấn Biên (Biên Hoà?), Phiên Trấn (Gia Định) và các địa phương ven biển.

Tháng 10 Đinh Dậu [31/10-29/11/1777]: Chung dấy binh ở Long Xuyên (đất Cà Mau, sau thuộc Hà Tiên) tới Sa Đéc (đạo Đông Khẩu, dinh Long Hồ; sau Minh Mạng tách Long Hồ thành Vĩnh Long và An Giang).

Trần Phiên An: huyện Tân Bình tăng làm phủ, 5 tổng tùy thuộc đều thành huyện [Bình Dương, Tân Long, Phúc [Phước] Lộc, Thuận An, Tân Hòa]. Minh

Mạng năm thứ 6 [1825], đặt thêm phủ Lạc Hóa. Năm thứ 8 [1827], đổi **cai bạ** làm **hiệp trấn** và **ký lục** làm **tham hiệp**. Năm 1832, đổi làm tỉnh, đặt chức Tổng đốc An-Biên (Phiên An và Biên Hòa, mỗi tỉnh 1 ti bộ chính và án sát. (Năm 1836, đổi là Gia Định; đặt Định-Biên tổng đốc. Đặt thêm phủ Tây Ninh; ĐNNTC, q.XXXI: Gia Định; (1997), 5:201-2 [198-207])

1779, Nguyễn Chung dấy binh từ Long Xuyên chiếm lại *Sài Gòn*, đặt là dinh Phiên Trấn. 1790, đắp thành đất Bát Quái ở thôn Tân Khai, tổng Bình Dương, gọi là **kinh** Gia Định. Năm 1802, đổi là **trấn** Gia Định. Năm 1807, đổi làm **thành** Gia Định. Đặt **tổng trấn, hiệp tổng trấn, phó tổng trấn**, thống trị 5 trấn Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh [Long?], Hà Tiên, lãnh trấn Bình Thuận.

1780. Đổi đạo Trường Đồn thành Dinh Trường Đồn (Định Tường), gồm huyện Kiến An, 3 tổng Kiến Đăng (Sa Đéc), Kiến Hưng (Mỹ Tho), và Kiến Hoá. (ĐNTLCB, I, 2:1778-1801, 1963:32-3); ĐNNTC, q. XXVIII, (1997), 5:90-1, 95 [Ba Giồng].

1778:

15/2/1778: Chevalier, CHT Chandernagor, gửi thư cho De Bellecombe, GG Pondichéry.

Báo tin tàu Rumbold đã trở về Calcutta, với Linh mục Espania Laureiro, Y sĩ của Nguyễn vương; và một đại thần Việt.

Thúc dục đưa binh qua giúp chúa Nguyễn đánh Tây Sơn ngay. Chỉ cần 1 chiến hạm, 150 lính Âu [Pháp] và 300 cipayis. Tình nguyện chỉ huy. Gaudart, "Les archives de Pondichéry et les entreprises de la Compagnie Francaise des Indes en Indochine au XVIIIè siècle;" BAVH, XXIV, no. 4 (10-12/1937), tr. 368-70.

Chung cho Đỗ Thanh Nhân giữ Sài Gòn, còn mình đích thân làm tướng, đóng ở Lật Giang. Bọn Lê Văn Quân, Nguyễn Văn Hoàng thắng nhiều trận ở Lật Giang và Ô Nguyên. Quân Tây Sơn phải lui về giữ Trường Giang. Chung cho lệnh đắp lũy đất phía tây sông Bến Nghé đến Kênh thông, đồng thời đóng được 50 thuyền chiến gọi là Long Lân, cùng chuẩn bị vật liệu đánh hỏa công.

Tháng 5 Mậu Tuất [26/5-23/6/1778], quân Nguyễn bắt đầu phản công. Đỗ Thanh Nhân giết được Tư khấu Uy [Oai] ở Bến Nghé [Ngu Chử]. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:30) Tổng binh Nguyễn Văn Hoàng tiến đánh Đồng Nai. Chém hai tướng Tây Sơn. Cướp được nhiều chiến

thuyền Tây Sơn. Phạm Ngạn chạy về Qui Nhơn. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:30)

Lê Văn Quân thừa thế chiếm Bình Thuận, tiến sát đến phủ Diên Khánh, hy vọng cùng lực lượng của Doãn Ngạn [Chu Văn Tiếp] ở Phú Yên đánh anh em Tây Sơn. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:30; LT q.XXX: Ngụy Tây, 10A (Sài Gòn: 1970), tr. 42-3)

Cuộc tranh hùng với Tây Sơn kéo dài hơn 20 năm, từ 1778 tới 1802.

Tháng 3 Kỷ Hợi [16/4-15/5/1779]: Chủng đón mẹ [Từ Cung] và các chị em vào Sài Gòn.

[Mẹ cùng chị em Chủng chạy ra tị nạn tại xã Yên Du, huyện Minh Linh, Quảng Trị. Sai Cai cơ Lê Phúc Điền, chồng công chúa Ngọc Du đi đón. Tháng 3 Kỷ Hợi [16/4-15/5/1779], mới vào tới Gia Định. (ĐNCBLT, q. I, III, (Huế: 1993), 2:12, 65; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:31)]

Tháng 4 **Kỷ Hợi [16/5-13/6/1779]:** Nhóm Trần Xuân Trạch, Nguyễn Kim Phẩm và hơn 300 người thuộc Sơn Nam hạ (Nam Định) vào Gia Định phò Chủng. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:31-2)

Tháng 6 **Kỷ Hợi [13/7-11/8/1779]:** Đỗ Thanh Nhân và Hồ Văn Lân đem quân đánh Xiêm trên đất Kamboja. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:32)

Giết Nặc Vinh, lập Ang Eng [Nặc Ân], 6 tuổi, con Ang Duong [Nặc Tôn], làm vua. Lưu Hồ Văn Lân làm Bảo hộ. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:32; QTCBTY:9). [Xem 1794]

Tháng 3 Kỷ Hợi [16/4-15/5/1779], mẹ *Gia Long* vào tới *Gia Định*; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:32; ĐNCBLT, (Huế: 1993), 2:12, 65.

10 tướng người tôn thất:

Nguyễn [Tôn Thất] Huy. Chết bệnh năm 1792 khi giữ thành Gia Định. (ĐNCBLT, (Huế: 1993), 2:71-2)

Nguyễn [Tôn Thất] Hội. Chết bệnh năm 1798 [Mậu Ngọ] khi giữ thành Gia Định. (ĐNCBLT, (Huế: 1993), 2:72-5)

Nguyễn [Tôn Thất] Dụ. Anh Nguyễn [Tôn Thất] Hội. Chết bệnh năm 1783 [Quý Mão] khi giữ thành Gia Định. (ĐNCBLT, (Huế: 1993), 2:75-6)

Nguyễn [Tôn Thất] Nông. Con thứ Nguyễn [Tôn Thất] Triêm. Chết trận năm 1799 [Kỷ Mùi] tại Qui Nhơn. (ĐNCBLT, (Huế: 1993), 2:75-6)

Tháng 11 Kỷ Hợi [8/12/1779-6/1/1780]:

*** Gia-Định: Định lại lãnh thổ các dinh [tỉnh]:**

1. **Dinh Trấn Biên [Biên Hòa]**: gồm huyện Phước Long, 4 tổng Tân Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An.

2. **Dinh Phiên Trấn [Gia Định]**: gồm 1 huyện Tân Bình, 4 tổng Bình Dương, Tân Long, Phước Lộc, Bình Thuận.

3. **Dinh Long Hồ đổi làm Hoàng Trấn**, gồm 1 châu Định Viễn, 3 tổng Bình An, Bình Dương, Tân An.

Tháng Tư Canh Tý [4/5-2/6/1780], đổi làm Vĩnh Trấn. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:34)

4. **Đổi đạo Trường Đồn thành Dinh Trường Đồn (Định Tường)**, gồm huyện Kiến An, 3 tổng Kiến Đăng, Kiến Hưng, và Kiến Hoá. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:32-33)

Tháng Giêng Canh Tí (5/2-5/3/1780), Lê Cảnh Hưng 41, Thái Đức năm thứ 2, và Càn Long thứ 45).

***** 28/2/1780 [Ngày Quý Mão, 24 Tháng Giêng Canh Tí]:** Nguyễn Chung xưng Chúa (An Nam Quốc Vương?) ở Gia Định thành (Sài Gòn). Dùng ấn “Đại Việt quốc, Nguyễn Chúa, Vĩnh trấn chi bảo” do Nguyễn Phước Chu (1692-1725) chế ra, nay dùng làm vật báu truyền ngôi; (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:33)

Phong Đỗ Thanh Nhân làm **Ngoại Hữu Phụ Chánh Thượng tướng công**. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:33; ĐNCBLT, q. 27 (Huế: 1993), 2:468-69 [467-70]; 452-57 [Lê Văn Quân], [458-60 [Nguyễn Văn Thụy], 461-62 [Luu Phước Tường], 463-67 [Đặng Trần Thường, Nguyễn Gia Cát, Ngô Thi Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Gia Phan bị đánh roi trước văn miếu, Nhậm về nhà thì chết])

Theo một thông tin Ki-tô, lúc này Chung còn yếu nên sợ Nhân vô cùng.

[6/4/1780?] Ngày Tân Tị [2/3 Canh Tí]

*** Gia-Định: Tổng phi sinh hoàng tử Cảnh (6/4/1780-1801).**

Tổng phi [Thị Lan] (1761-1814) là con Tổng Phúc Khuông, và Lê thị (người Quảng Nam). Được phong *làm nguyên phi năm 1788*. [Thừa Thiên Cao Hoàng hậu]. (ĐNCBLT, q. I, (Huế: 1993), 2:33-4) Sinh ra Chiêu, chết sớm. Ngày 6/4/1780 [Tân Tị, 2/3 Canh Tí (5/4-3/5/1780) sinh Cảnh. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:33-34; ĐNCBLT, q. 1; (Huế: 1993), 2:23-31; q 5; (Huế: 1993), 2:83-84 (Khuông người huyện Tống Sơn, Thanh Hóa, nhưng tổ tiên theo Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa) Năm 1775, Tống Phúc Khuông mang gia quyến theo Thuận vào Nam. Khi Tây Sơn vào đánh,

cùng Tổng Phước Lương chống lại. Năm Mậu Tuất (1778), cùng Đỗ Thanh Nhân tôn Chùng làm Đại nguyên súy.

Vợ thứ hai của Gia Long, sau được truy phong Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (1768-1846), con gái Trần Hưng Đạt, thượng thư bộ Lễ, gốc làng Văn Xá, huyện Hương Trà, Thừa Thiên. Nguyên là người hầu của Hiếu Khang Hoàng hậu (mẹ Gia Long). Nạp phi năm 1781, khi mới 14 [13] tuổi. Sinh ra Đam [1791], Đài, Hiệu (chết sớm) và Chân. 1821: Tấn tôn làm Hoàng Thái hậu. 1841: Thái hoàng thái hậu. (ĐNCBLT, q. 1; (Huế: 1993), 2:31-41, q 5; (Huế: 1993), 2:84-86 (Đạt))

Tháng Tư Canh Tý [4/5-2/6/1780]: * Vĩnh-Long: Đỗ Thanh Nhân mang quân đánh phủ Trà Vinh của Chân Lạp. Bắt được Ốc-nha-xuất. Dẹp yên Trà Vinh.

Vùng đất này rừng hoang, chằm lớn. Người Khmer và Hoa ở lẫn lộn. Họ sở trường về cung nỏ cứng, dùng trâu ra trận, quân Gia Định không thắng. Đỗ Thanh Nhơn và quân Đông Sơn dẹp yên. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:34; Ngô Cao Lãng, Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:196, 199) ([chép vào tháng Giêng];

* **Chantabun [Chantaburi]: Pierre Pigneau “de” Béhaine [Bá Đa Lộc] (1741-1799), người Pháp, trở thành một cố vấn của Nguyễn Chùng (1762-1820).**

Pigneau thuộc dòng Tên, tức Giám mục Adran. (ĐNCBLT, q. XXVIII, 1993, 2:476-77 [chép chung với bảy đệ tử)

Tháng 6 Canh Tí [2-31/7/1780]: Nguyễn Chùng sai sứ qua Xiêm La (cai cơ Sâm và Tĩnh). *Sứ đang ở Xiêm, có tàu Xiêm từ Quảng Đông về báo tin bị Lưu thủ Hà Tiên là Thăng đánh cướp, giết người. Taksin (Phi Nhã Tân) tức giận tổng giam cả sứ đoàn Nguyễn.* [Kế ly gián của Tây Sơn?]

Sau đó, Đồ [Bò] Ông Giao của Chân Lạp mật tấu với vua Xiêm là Nguyễn [Tôn Thất] Xuân và Mạc Thiên Tứ mưu làm nội ứng đánh thành Bangkok. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:34-35; Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:199-200; Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên [ĐNLTTB], q. 6, bản dịch Cao Tự Thanh (Hà Nội: NXB KHXHNV, 1995), VI:247-48 [242-51, Mạc Cửu, Mạc Thiên Tứ, v.. v..])

1/11/1780 [5/10 Canh Tý]: Taksin đánh chết con Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Duyên.

Tứ tự tử. Nguyễn Xuân, cùng Sâm, Tĩnh và gia đình họ Mạc 55 người bị giết. Người Việt ở Bangkok bị đẩy đi xa. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:34-5 [ghi là tháng 6]; ĐNLT, TB, q. 2, 1995:116 (con thứ 17 Thế Tông), q.

6, 1995:247-48 (Mạc Cửu); Lịch triều tạp ký, II, 1975:200) [Kế ly gián của Tây Sơn]

14/4/1781 [23/3 Tân Sửu] [?]* Gia-Định: Chủng giết Ngoại hữu Phụ chính Thượng tước công Đỗ Thanh Nhân.

Tội: "Ỗ công mà sanh kiêu tử." Do sự xúi bẩy của **Chương cơ Tổng Phước Thiêm**. (ĐNTLCB,I: 2: 1778-1801, 1963:35-6; QSCBTY:10; Chủng vờ đau bụng, cho gọi Nhân vào gặp. Rồi dùng vệ sĩ giết đi. ĐNCBLT, q. XIII, (Huế: 1993), 2:208-9 [**Tổng Phước Thiêm**]; q. 27, (Huế: 1993), 2:469-70. [**Năm Nhâm Dân [1782], khi Chủng chạy đi Ba Giồng, Thiêm bị quân Đông Sơn giết**].

Riêng *Huỳnh Châu* tức *Nguyễn Huỳnh Đức*, quê Kiến Hưng, Định Tường, tướng giỏi của Đỗ Thanh Nhân, được trọng dụng, cho quốc tính. ĐNCBLT, q. VII, (Huế: 1993), 2:123-28. Nhiều quân Đông Sơn bỏ đi, làm giặc cướp. (ĐNTLCB,I: 2: 1778-1801, 1963:36;

Lịch triều tạp ký ghi là ngày 23/3 Tân Sửu [14/4/1781] sai người bắt giết Đỗ Thanh Nhơn, 1975, 2:226-27. Lại thêm chia quân Đông Sơn vào 4 quân: Lê Văn Quân giữ Tiền quân; Vũ Doãn Chiêm, giữ Hữu quân; Tổng Phước Lương giữ Tả quân; Trương Văn Bắc, Hữu quân. Tháng 5 năm ấy [23/5-21/6/1781], định đưa quân ra đánh Qui Nhơn. Binh sĩ Đông Sơn bỏ trốn. Chủng sai Nguyễn Đình Thuyên và Tổng Phúc Lương tới đánh giết những tướng kiệt liệt nhất.) ĐNCBLT, q. XIII, 1993, 2:209-10 [Nguyễn Đình Thuyên] và Tổng Phúc Lương

Tháng 2 Ất Mùi [27/2-28/3/1835] Minh Mạng tuyên bố với Phan Huy Thực, người soạn Thực Lục, Đỗ Thanh Nhân phạm những lỗi sau: đốt sống người, bắn chết đàn bà có thai; tiền lương giữ cả; thậm chí ngày giỗ cha Nguyễn Chủng cũng không cho tiền, khiến Chủng phải cầm áo lấy tiền cúng lễ; hay ở trong núi, có ý làm phản, móc nối với Tây Sơn. Chủng diệt đi, bằng không biết đâu không thành Trịnh Kiểm thứ hai. (ĐNTLCB, II, 16: 1835, 1966:74)

[C 1]. Tháng 5 Tân Sửu [23/5-21/6/1781]: * Khánh Hòa: Nguyễn Vương phái quân ra đánh Tây Sơn.

Thời gian này, Chủng có tới hơn 30,000 quân, 80 thuyền đi biển, ba [3] tàu lớn, hai [2] tàu Tây. Tây Sơn dùng voi trận, lại vì vụ giết Đỗ Thanh Nhân, quân Đông Sơn bỏ đi, phải rút về. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:37)

Tháng 5 nhuận Tân Sửu [22/6-20/7/1781]: * Võ Nhân và Đỗ Bằng thuộc quân Đông Sơn nổi dậy.

Giữ đất Ba Giồng [hay Tam Phụ ở hai tổng Kiến Hưng và Kiến Đăng, huyện Định Tường]; gồm giồng Cái Én, giồng Kỳ Lân và giồng Qua Qua; tiếp giáp Đồng Tháp Mười. Đánh tan quân Nguyễn của Nguyễn Đình Thuyền và Tống Phước Lương. Nhưng sau bị quân Chũng giết chết. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:37)

Tháng 10 Tân Sửu [16/11-14/12/1781]: Chân Lạp: Vua Xiêm Taksin (Trịnh Quốc Anh, hay Phi nhã Tân) sai hai anh em Chakri [Chát Tri] và Mahakasatsuk (Sô Si) đánh Chân Lạp. Ang Eng (Nặc Ân) cầu cứu Chũng. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:37)

Tháng Giêng Nhâm Dần [12/2-11/3/1782]: Chũng sai Giám quân trung dinh Chương cơ Nguyễn Hữu Thụy [Vãn Thoại] cùng Hồ Văn Lân đem binh thuyền đi cứu viện Chân Lạp.

Vì đang có biến loạn ở Xiêm (Phi nhã Oan Sản làm đảo chính, bắt giữ Taksin, rồi cho người mời Chakri về nước. Thoại và Sô-si cùng Chát Tri giải hòa. Sô Si và Chát Tri mang binh về nước, bí mật giết chết Trịnh Quốc Anh rồi đổ tội cho Oan Sản. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:38-39; ĐNCBLT, q. XIII, (1993), 2:211-12 [Nguyễn Hữu Thụy, Quý huyện, Thanh Hóa] 4/1782: Thonburi: Chakri lên làm vua, tức Rama I (1782-1809) Em là Chaophraya Mahakasatsuk (Sô Si) làm Phó vương, cháu là Ma Lặc làm Phó vương thứ hai. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:39) Rama I phóng thích những Việt kiều bị lưu đày; nhưng lại sai That-si-đa chiếm Hà Tiên. (Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:230)

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:41; Liệt truyện, q. 13, (Huế: 1993), II:212 [211-212]; khác với Ibid., q.27, (Huế: 1993), 2:458-459 [Nguyễn Hữu Thoại])

Hồ Văn Lân người huyện Kiến Hưng, Định Tường. Năm Đinh Dậu, theo Chũng đi đánh Long Xuyên, cùng Dương Công Trừng phá Tây Sơn ở Long Hồ, rồi chiếm Sài Gòn. [II:219] Là một thứ “Khmer hand,” năm Kỷ Hợi từng theo Đỗ Thanh Nhân đánh Chân Lạp, lập Nặc Ân làm vua, rồi cùng Thụy hay Thoại đánh nhau với anh em Chakri. [ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:39; ĐNCBLT, q. XIII, (Huế: 1993), 2: 219] Năm Ất Tị [1783], chạy qua Xiêm theo đường bộ Lô Việt [Lovek?]. [2: 219] Bình Ngọ [1784], theo Chũng đánh Miến Điện ở Sà Nặc. [2:219] Đinh Mùi [1785], về trước Chũng, họp quân ở Mỹ Tho. Đánh bại Nguyễn Văn Mân ở sông Thanh (?) Kỷ Dậu [1787], cùng Nguyễn Hội, Nguyễn

Văn Trương bình Ba Thắc (Soc Trăng). [2: 220] Ất Mão [1793], đi sứ Chân Lạp. Mậu Ngọ [1796?], cùng Phạm Ngọc Uẩn đi định ruộng đất ở Vĩnh Trấn (Hậu Giang). [2::220] 1814, chết. (Liệt truyện, q. 13, (Huế: 1993), 2:218-20)

Dương Công Trừng: *Người huyện Long Xuyên, dinh Hà Tiên. Từng theo Phúc Thuận ở Gia Định. Đinh Dậu, từ Sa Dec đánh Tây Sơn ở Long Hồ, rồi lấy được Sài Gòn.[II:223] Kỷ Hợi, theo Đỗ Thanh Nhân dẹp yên Nặc Vinh ở Chân Lạp. Sau đó, chống Tây Sơn ở Bến Nghé [Ngưu chử]. Canh Tí, đánh dẹp Ốc Nha Suất ở Trà Vinh. Dùng chuối tiêu làm chắn che đạn, tên. Nhân lúc nước lên, đánh phá đồn giặc. [2:223] Nhâm Dần [1782], cùng giám quân Nguyễn Hữu Thụy tiếp viện Xiêm, rồi giảng hòa với Chakri. Quý Mão, bị Tây Sơn bắt ở đồn Thủ Thiêm. Sau vượt biển tới Đại Đồng, thuộc ranh giới Xiêm. Gặp thám tử của Chùng. Chùng đề nghị tấn công Long Xuyên. Bị Phạm Văn Sâm đánh, bắt được. Giết. [2:224] (Liệt truyện, q. 13, 2:223-25; ĐNCBLT, q. XIII, (Huế: 1993), 2:211-12 [Nguyễn Hữu Thụy, Quý huyện, Thanh Hóa]*

[TS 5]: Tháng Ba Nhâm Dần [13/4-11/5/1782]: Gia-Định:

Nhạc và Huệ mang quân vào đánh cửa Cần Giờ.

Đánh tan thủy binh của Chùng tại sông Thất Kỳ. Giết chết Emmanuel (Mạn Hoè), người Pháp, một thủy thủ ở Macao, sau qua Xiêm theo Pigneau, được Pigneau dâng cho Chùng. Chùng cho làm quan, lo việc đóng chiến thuyền. Lúc lâm trận, tàu bị mắc cạn. Lính Việt bỏ chạy. Quân Tây Sơn giết chết. (SKĐNV:23-4; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:39)

Chùng mang quân đến cứu, bị thua trên sông Tam Kỳ.

Rút chạy về Ba Giồng [Tam Phụ].

Quân Tây Sơn kéo thẳng lên chiếm lại Sài Gòn.

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:40)

(Bá Đa Lộc đưa vợ con Chùng chạy qua đất Chân Lạp.

Khi quân Miên định bắt giao cho Tây Sơn, bày mưu cho Bá Đa Lộc đưa đến vùng Tam Phụ đoàn tụ.

(SKĐNV:26)

Tháng 4 Nhâm Dần [12/5-10/6/1782]: Định-Tường:

Nguyễn [Tôn Thất] Du, Tiết chế Bình Thuận, cùng bọn Trần Xuân Trạch mang binh thuyền vào giải vây cho Chùng ở Ba Giồng.

Có bọn Trần Công Chương và Hoà Nghĩa quân (gốc Hoa) tăng viện. Giết Phạm Ngạn ở cầu Tham Lương. Nhạc cho lệnh giết hơn 10,000 người Hoa ở Gia Định

để báo thù, xác quăng xuống sông. Trọn một tháng sau, không ai dám uống nước sông hay ăn tôm cá.

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:40)

Chúng phải tẩu thoát xuống Định Tường. Bị Nguyễn Huệ đánh đuổi sang Hà Tiên, rồi đi thuyền nhỏ ra Phú Quốc. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:40-2)

- Sai Nguyễn Hữu Thoại, Nguyễn Xuân Trạch qua Xiêm cầu viện.

Nhưng bị vua Chân Lạp chặn đường giết chết.

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:41; ĐNCBLT, q. XIII, (Huế: 1993), 2:211-12 [Nguyễn Hữu Thụy, Quý huyện, Thanh Hóa] ; khác với Nguyễn Văn Thoại; *Ibid.*, q.27, (Huế: 1993), 2:458-59]

Tháng 7 Nhâm Dần [9/8-6/9/1782]:

18/8/1782 [10/7 Nhâm Dần]:

Hội đồng Hoàng tộc cho phép Nguyễn Chùng nhờ Pigneau cầu viện với Pháp. Xin Pháp viện trợ 1500 người, số tàu cần thiết để chuyên chở, cùng súng ống (điều VI) ; giao ấn tín và Thái tử cho Pigneau làm con tin (VII); hứa sẽ cắt cảng Touron và vùng cửa sông Hội An [Cù lao Chàm], cùng đảo Poulo Condore cho Pháp.(VIII) (Liberation du Conseil Royal de la Cochinchine, accordant pleins pouvoirs à Monseigneur Pigneau de Béhaine pour demander secours à la France (10/7 [Cảnh] Hưng thứ 43;” AMAE [Paris], *Asie*, vol. 19, tờ 101)

Tháng 8 Nhâm Dần [7/9-6/10/1782]:

* Gia-Định: Chu Văn Tiếp từ Trà Lang kéo binh vào chiếm lại Gia Định thành.

Cho người ra Phú Quốc đón Chùng về Sài Gòn.

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:42-3) *Chúng lại sai bọn Phúc Điển sang Xiêm cầu viện.* (2: 1778-1801, 1963:43)

Pigneau cũng từ Chân Lạp trở lại Gia Định. Nhưng không ở Sài Gòn mà trú ở Hà Tiên. (ĐNTLCB I, 2: 1778-1801, 1963:42-43; ĐNCBLT, q. 6, (Huế: 1993), 2:108-9 [107-12, Chu Văn Tiếp])

Chu Văn Tiếp:

Còn có tên Doãn Ngạnh. Tiên tổ là người Phù Mỹ, trấn Bình Định, sau dời tới huyện Đồng Xuân. Trước làm nghề buôn [trâu], từng quen biết Nguyễn Nhạc. Khi Nhạc nổi dậy, Tiếp cùng 3 anh em kéo đến nguồn Hà Duy, tụ họp 1000 người thiếu số, giữ núi Trà Lang (Phù Yên). Nhiều người dinh Gia Định hưởng ứng. Lê Văn Quân thoát tiên theo Tiếp, được Tiếp gả em gái. Nhạc ước hẹn với Tiếp lập Hoàng tôn Dương lên ngôi. Tiếp đồng ý. Năm Ất Tị (1785?) [có lẽ là Quý Tị, 1773], tới

Quảng Nam họp với Nhạc. Khi vào Qui Nhơn, Nhạc không tôn Nguyễn Dương, Tiếp kéo quân vào Phú Yên, lại giữ Trà Lang, chống Nhạc. Khi lưu thủ Long Hồ là Tống Phước Hạp đem quân tới Yên Phong, Tiếp xin qui thuận. Phước Thuận đồng ý, cho giữ miền thượng đạo. Năm Bình Thân, Tây Sơn vào đánh Gia Định. Phúc Thuận gọi Phước Hạp vào cứu viện. Tiếp ở lại giữ các đạo Phú Yên và Bình Thuận.

Năm Đinh Dậu, Tây Sơn mang hải thuyền tấn công Gia Định. Tiếp sai Trần Văn Thức mang quân vào cứu viện, nhưng không thành công. Thức bị tử trận.

Sau khi Nguyễn Chung lên ngôi vương, Đỗ Thanh Nhân tới yêu cầu Tiếp đánh bọc hậu Tây Sơn, nhưng Tiếp không đủ lực, xin miễn. Mậu Tuất, Chung sai Thống nhung Nguyễn Hoàng và Nguyễn Nghi đến giữ Bình Thuận, họp binh với Tiếp. Canh Tí, Chung sai Nguyễn Dụ ra Bình Thuận thay Tiếp, triệu Tiếp về làm Khâm sai đô đốc chương cơ, quản dinh An Toàn, lãnh chức Đại Tì Nông, tước quận công.

Năm sau, Chung sai Tiếp mang quân ra Diên Khánh, họp binh cùng Nguyễn Dụ ở Bình Thuận. Thấy quân Tây Sơn mạnh, nhiều voi, rút về giữ Trà Lang.

Tháng 8 Nhâm Dần, [7/9-6/10/1782], Tây Sơn lại mang binh thuyền vào truy diệt Chung. Chung chạy ra Phú Quốc. Chu Văn Tiếp từ Trà Lang kéo binh vào chiếm lại được Gia Định thành. Cho người ra Phú Quốc đón Nguyễn Chung về Sài Gòn. [2: 1778-1801, 1963:110]

Nguyễn Chung lại sai bọn Phúc Điền sang Xiêm cầu viện. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:42-3; ĐNCBLT, q. 6, (Huế: 1993), 2:108-9 [107-12, **Chu Văn Tiếp**]) Pigneau cũng từ Chân Lạp trở lại Gia Định. Nhưng không ở Sài Gòn mà trú ở Hà Tiên.

[10] Trịnh Sâm (1741- 10/10/1782)

10/10/1782: *Trịnh Sâm chết. Thọ 41 tuổi. Mấy năm nay, Sâm bị bệnh, ít khi ra ngoài. Chỉ có một số quan thân tín và Đặng Thị Huệ lân cận. Truyền ngôi cho Thế tử Cán, 6 tuổi, con Thị Huệ. (CMCB, XLV:26-27; (Hà Nội: 1998), 2:757-59) Phong Thị Huệ làm Tuyên phi. Hoàng Tố Lý, Trịnh Kiều, Nguyễn Hoàn cùng 4 đại thần phụ chính. (Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:233-38)*

[Tạp kỷ ghi 30/9 Nhâm Dần [4/11/1782], có lẽ không đúng, vì cũng ghi loạn tam phủ xảy ra ngày 24/9; tr. 233] (Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:233-38)

[11] TRỊNH CÁN (10-28/11/1782)

Tháng 10 Nhâm Dần [5/11-4/12/1782]: * Thăng-Long: Loạn kiêu binh.

Mở đầu cho loạn kiêu binh ở miền Bắc. (CMCB, XLV:28-32; (Hà Nội: 1998), II:760-63) (Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:239-54: 24/9 Nhâm Dần)

28/11/1782 [24/10 Nhâm Dần]: Loạn kiêu binh. *Lính Tam phủ giết chết anh em Huy Quận công Hoàng Đình Bảo; phế Trịnh Cán, lập Trịnh Đổng (Khải). Cán sau đó chết bệnh.*

[12] TRỊNH KHẢI (28/11/1782-1786)

28/11/1782 [24/10 Nhâm Dần]: *Lính Tam phủ lập Trịnh Đổng (Khải).*

Tháng 11 Nhâm Dần [5/12/1782-2/1/1783]: Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An vào Qui Nhơn hàng Tây Sơn.

Chỉnh là thuộc hạ Hoàng Tổ Lý. Trịnh giết Tổ Lý. Chỉnh muốn mượn quân Tây Sơn báo thù. (CMCB, XLV:32-4; (Hà Nội: 1998), 2:763-65; Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:254-)

Tháng Chạp Nhâm Dần [3/1-1/2/1783]:

** Thăng-Long: Trịnh Khải bãi chức Trịnh Kiều, tham tụng Phan Lê Phiên. Giáng Đặng thị Huệ làm thường dân. Sau đó thị Huệ uống thuốc độc chết. (CMCB, XLV:1-2 (Hà Nội: 1998), 2:765-66; Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:25?-)*

Tháng Giêng Quý Mão [2/2-1/3/1783]

Quân Tam Phủ ép Thái tử Duy Cận nhường chức cho Duy Khiêm, cháu nội Hiến Tông, con thái tử Duy Vĩ đã chết. (CMCB, XLVI:34-35; (Hà Nội: 1998), 2:767-68; Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:25?-)

[TS 6]. Tháng Hai Quý Mão [2/3-1/4/1783]: Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ mang quân vào đánh Gia Định.

Chúng phải chạy xuống Tam Phủ (Định Tường). Tùy tùng chỉ có bọn Nguyễn Kim Phẩm 5, 6 người. Phải cưỡi trâu mà vượt sông qua Mỹ Tho. Đưa mẹ và gia quyến chạy ra Phú Quốc. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:46-47; QTCBTY:12).

Pigneau theo Chúng ra Phú Quốc. Sai hai cố đạo Espania là Giacôbê và Maneo qua xứ Philippines để cầu viện. Bị Tây Sơn bắt giữ mang về Qui Nhơn tra khảo.

Sau Chúng lại thuyết phục Pigneau qua Xiêm xin cầu viện. Pigneau thoạt tiên không chịu, nhưng cuối cùng đồng ý. (ĐNCBLT, 28 (Huế: 1993), 2:476-77)

- Chu Văn Tiếp chạy qua Xiêm cầu viện. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:53)

* Hà Tiên: Dư đảng Trần Đình nổi loạn.

Giết chết Nguyễn Kim Phẩm và công chúa Ngọc Đảo. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:47-48)

Chúng mang quân đến đánh. Giết được bọn Trần Hưng, Lâm Húc (đều là người Hoa).

Được một hải tặc Xiêm là Vinh Ma Li ở đảo Cổ Long mang hơn 200 người theo. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:48; ĐNCBLT, 28 (Huế: 1993), 2:476-77)

Tháng 6 Quý Mão [29/6-28/7/1783]: Tướng Tây Sơn là Phan Bá Thiệu mang chiến thuyền đánh Phú Quốc.

Cai cơ Lê Phúc Điền giả làm Chúng chịu cho Tây Sơn bắt. Nguyễn [Tôn Thất] Cốc cũng bị bắt, không chịu hàng, bị giết. Vinh Ma Ly bị giết. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:48; ĐNCBLT, 28 (Huế: 1993), 2:476-77)

Chúng chạy ra Côn Lôn.

Tháng 7 Quý Mão [29/7-27/8/1783]:

Côn-Lôn: Nguyễn Huệ sai binh thuyền ra vây đánh Côn Lôn.
Bị bão lớn, thiệt hại nhiều.

Chúng bỏ chạy về Cù lao Cổ-cốt. Sau chạy về Phú Quốc. Trốn tránh trên các hoang đảo. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:48-49; QTCBTY:12).

Sử Nguyễn chép có một thương phụ đất Hà Tiên là Thị Uyển dâng một ghe gạo. Chúng mừng lắm.

* Phú Quốc: Chúng cho người qua Chantabun (Chantabunri, Chân bôn), mời Pigneau tới gặp.

Nhờ Pigneau qua Xiêm cầu viện. (ĐNCBLT, I, 28 (Huế: 1993), 2:476).

Thực Lục ghi là Chúng sai người sang Chantabun mời Pigneau. Ủy thác Pigneau qua Đại Tây xin viện trợ. Gửi Hoàng tử Cảnh (1780-1801) làm tin. Sai Phạm Văn Nhân (1735-1815) và cai cơ thị vệ Nguyễn Văn Liêm hộ tống Hoàng tử Cảnh. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:49-50; ĐNCBLT, (1993), 2:129 [129-133, truyện Phạm Văn Nhân], q. 28 (Huế: 1993), 2:476 ghi là nhờ qua Xiêm)

Theo SKĐNV, Pigneau và Chúng lạc nhau khi định ghé cửa Gò Công, bị quân cướp Chà-và đuổi. Pigneau qua lại Chantabun [Chân-bôn], cách Bangkok 150 dặm. Sau đó lên Bangkok, được vua Xiêm tiếp. Mặt khác, cử người đi tìm Chúng. Sau có một giáo dân ở Chantabun là Trùm Nam nhân đi tìm lim trầm bán, khám phá ra Chúng ở đảo Hòn Dừa. Phụ tá của Pigneau là Li-ô [Jacques Liot (1751-1811)] bèn đưa thuyền tiếp tế cho

Chúng. Sau đó, Pigneau cũng rời Bangkok về Chantabun, và tới đoàn tụ với Chúng. (SKĐNV:28-29).

Pigneau ở lại khu này hai tháng. Chúng yêu cầu Pigneau về Pháp cầu viện. Thoạt tiên, Pigneau từ chối. Sau vì thương tình Chúng, và hy vọng Chúng sẽ đối xử tốt với Ki-tô giáo nên nhận lời (SKĐNV:30). Trước khi Pigneau lên đường, luôn nhắc nhở Chúng đừng nên tin hay cầu viện Xiêm (SKĐNV:32).

Nguyễn Chúng ủy thác Pigneau mang con trai lớn là Cảnh, lúc ấy mới 4 [3] tuổi, một giấy ủy quyền của Hội đồng Hoàng tộc đề ngày 18/8/1782 (10/7 Cảnh Hưng XLIII [Quý Mão]) và ấn tín họ Nguyễn, đi cầu viện Pháp. Phạm Văn Nhân (1735-1815), Nguyễn Văn Khiêm [Liêm ?] tháp tùng.

[25/11/1784 : Pigneau và Cảnh xuống tàu đi cầu viện. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:58 ghi là tháng 12 Giáp Thìn [11/1-8/2/1785]) 19/12/1784 : Tới Malacca.

Vì Bri-tên chiếm Pondichéry tới 1785, và rồi sự chống đối của các thống đốc Pondichéry, mãi tới tháng 9/1786, Pigneau và Cảnh mới xuống tàu qua Pháp. Ngày 5/5/1787, được Louis XVI tiếp kiến tại Versailles. Hơn 6 tháng sau, ngày 28/11/1787, Pigneau ký với Ngoại trưởng Armand-Marc de Montmorin-St-Hérem (2/1787-7/1789) một Hoà ước, cắt cho Pháp bán đảo Tourane và Poulo Condore [Côn Sơn]; cho Pháp thiết lập trạm buôn và căn cứ Hải quân dài theo bờ biển; đổi lại, Pháp sẽ giúp 1,650 quân [250 da đen], chiến hạm, đại bác, khí giới đánh nhau với Tây Sơn.

Pigneau đi rồi, Chúng bị hơn 20 thuyền Tây Sơn truy đuổi, lênh đênh ngoài bể Đông suốt 7 ngày, 7 đêm. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:50)

Nguyễn Chúng phải trôi giạt tới cửa Ma Ly (Bình Thuận?). Sau thoát về Phú Quốc. Về đến cửa Đốc Công (sông Ông Đốc), giết được Tướng Tây Sơn là Quân Nguyệt. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:51)

Tháng 8 Quý Mão [28/8-26/9/1783]:

* Long Xuyên: Chúng chạy ra đảo hòn Chung, rồi hòn Dừa [Thỏ Châu, Pulau Panjang].

* Sài Gòn: Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ kéo quân về Qui Nhơn.

Đề phò mã Trương Văn Đa giữ Sài Gòn.

Tháng 9:

Tháng 10 Quý Mão [26/10-23/11//1783]:

* Tướng của Chúng là Hồ Văn Lân hoạt động trong vùng Tân Châu, và Cần Thơ.

* Chân Lạp: Giặc Chà Và đánh chiếm Chân Lạp.
Vua Nặc Ân phải chạy sang Xiêm. Vua Xiêm giữ lại.
Sai Chiêu Chùy-biện giữ lấy nước. (ĐNTLCB, I, 2:
1778-1801, 1963:52)

Tháng 11 Quý Mão [24/11-23/12/1783]:

1. 15/12/1783 : Nguyễn Ánh thư cho Jacques Liot, xin tiếp tế thực phẩm.

[Léonard Cadière, “Les Français aux service de Gia Long: XI. Nguyen Anh et La Mission, Documents inédits;” *Bulletin des Amis de Vieux Hue [BAVH]*, XXVI, no. 1 (1-3/1926), tr. 15-19 [1-49].

Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII)
Tháng Giêng **Giáp Thìn [22 [27?]/1-20/2/1784]:** * Chúng sống ở đảo Hòn Dừa (Thổ Châu).

Theo ĐNNTC, hòn Thổ Châu thuộc huyện Hà Tiên, cách bờ biển 2 ngày rưỡi đường. Trên cù lao có dân cư; ĐNNTC (1997), 5:19.

Quảng Trị: **Jean Labartette (1742-1823)** được phong Giám Mục Véren.

Phụ tá cho Pigneau cai quản giáo phận Đàng Trong. Trụ sở đặt tại Trí Bưu (Cổ Vưu), gần thành Quảng Trị. Năm 1799, thay Pigneau làm Giám mục Đàng Trong (Cochinchine). Chết ngày 6/8/1823 tại Trí Bưu, Quảng Trị.

Tháng Giêng nhuận Giáp Thìn [21/2-20/3/1784]:

Lê Văn Quân từ Tân Hòa chạy qua Xiêm. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:53)

Tháng Hai Giáp Thìn [21/3-19/4/1784]: * Long-Xuyên: Chúng chạy qua Xiêm cầu viện.

Nguyễn Chu Văn Tiếp đã qua Xiêm cầu viện. Rama I sai Tiếp đi đường bộ về nước, và Tướng Thát-si-đa mang chiến thuyền qua Hà Tiên thăm thú tình hình. Tiếp viết mật biểu cho Chúng tới gặp quân Xiêm để qua Krung-thêp cầu viện.

Chúng cho gia quyến qua ở đảo Thổ Châu, rồi sang Xiêm. Trong đoàn tùy tùng có Nguyễn Văn Tồn, người Khmer gốc Trà Vinh. Được phong chức Cai Đội. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:53-4)

6/1794: Nguyễn Văn Tồn theo quân Đông cung Cảnh đánh Qui Nhơn. (2: 1778-1801:194). Tháng Giêng Ất Mão [21/1-18/2/1895], cai đội quân Xiêm binh, lấy quân Mân Thít làm 1 chi, 5 hiệu ra giữ Bà Rịa. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:206-7). Tháng 11 Bính Thìn [29/11-28/12/1796] tham dự đánh dẹp loạn Chăm ở Thuận Thành. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:249)

Theo SKĐNV, Chúng bị Tướng Xiêm lừa bắt mang về Xiêm (1974:32).

Tháng 3 Giáp Thìn [20/4-18/5/1784]: Chúng tới Krung-thêp [Vọng Các].

“Chiêu Nam cốc” Chúng gặp lại bọn Chu Văn Tiếp, con cháu Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Sinh, v.. v... Rama I đồng ý giúp đỡ. “Chiêu Nam cốc” phong Sanh làm Chánh cơ. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:54-55)

Tháng 6 Giáp Thìn [17/7-15/8/1784]: Chúng dẫn quân Xiêm về nước,

Tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương cầm đầu 20,000 thủy binh và 300 chiến thuyền. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:55-6) Bọn Châu Văn Tiếp, con cháu Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Sanh, v.. v... tích cực tiếp tay.

Quân Xiêm rất tàn bạo, đến đâu là cướp bóc đày, dân chúng ta thán, phẫn hận. Chúng tâm sự với các cận thần: “Nếu được Gia Định mà mất lòng dân thì ta cũng không nở làm. Thà hãy lui quân để đừng làm khổ bách tính.” (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:57)

Tháng 7 Giáp Thìn [16/8-13/9/1784]: Quân Xiêm lấy được đạo Kiến Giang, phá quân Tây Sơn của Nguyễn Hoá tại Trấn Giang, kéo thẳng đến Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít [thiết], Sa Đéc.

Chúng phong Mạc Tử Sinh làm Tham tướng trấn Hà Tiên.

*** **25/9 Giáp Thìn [7/11/1784]:** Nguyễn Ánh thư cho Jacques Liot, cho lệnh di chuyển về Long Xuyên. [BAVH, 1926, 19] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII).

15/10 Giáp Thìn [25/11/1784 theo Cadière, 27/11/1784 theo lịch VN]: Pigneau và Cảnh xuống tàu đi Pondichéry cầu viện.

Phạm Văn Nhân (1735-1815), Nguyễn Văn Liêm (cai cơ quản long thị vệ) tháp tùng. Ngoài ra có Linh mục Hồ Văn Nghị. Đã viết thư cho vua thứ hai của Xiêm. Gửi một giáo mục tên Minh đi theo. TL cũng ghi chi tiết này: Sai Mạc Tử Sinh và cai cơ Trung qua Xiêm báo tin. (2: 1778-1801, 1963:57)

19/12/1784: Pigneau tới Malacca. Tới Pondichéry khoảng cuối tháng 2/1785.

Thời gian này, Pháp được Bri-tên giao trả thuộc địa Pondichéry (India). Bởi thế, Pigneau nhận lời Nguyễn Chúng mang Hoàng tử Cảnh (1780-1801) qua Pondichéry cầu viện.

[**Thực lục ghi vào tháng chạp Giáp Thìn (2: 1778-1801, 1963:58)**]

(Thư ngày 25/1/1785, BAVH, 1926, 1:20-21)

Thống đốc Pondichéry không đồng ý. Pigneau và Cảnh phải tạm trú ở đây vì bên Pháp đang có biến. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963, 1963:58). Mãi tới tháng 5 Bính Ngọ [1786], Pigneau và Hoàng tử Cảnh mới xuống tàu qua Pháp.

Phạm Văn Nhân trở lại Bangkok. (*ĐNCBLT*, (Huế: 1993), 2:129[129-33].

18/10 Giáp Thìn [30/11/1784, theo lịch VN, hoặc 28/11/1784, theo Cadière]:

* An Giang: Thủy chiến ở sông Mân Thít.

Chu Văn Tiếp tử trận. Trương Văn Đa phải chạy về Long Hồ. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:56-7; Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:288)

19/12/1784: Pigneau tới Malacca. Tới Pondichéry khoảng cuối tháng 2/1785. [không thể gặp Nguyễn Chung ở Phú Quốc sau khi quân Xiêm bị đẩy lui]—trận đánh quyết định xảy ra ngày **18/1/1785 [8/12 Giáp Thìn]:**

* Hà-tiên: Cho Lê Văn Quân làm Khâm sai tổng nhung chương cơ, chỉ huy mặt trận Ba Lai, Trà Tân. Chương cơ Đặng Văn Lượng tử trận. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:56;

Thái giám Lê Văn Duyệt cùng bọn đội trưởng Nguyễn Văn Khiêm đến bãi yết ở hành tại. Duyệt và Khiêm bị Tây Sơn bắt ở Đồng Tuyên. Nay trốn về. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:56;

1/1785: Bri-tên trao trả Pháp Pondichéry. Bussy chết.

[TS 7]. Tháng 12 Giáp Thìn [11/1-8/2/1785]: * Gia-định: Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ mang quân vào đánh giặc Xiêm.

Nhạc phục binh ở Mỹ Tho. Huệ mang binh thuyền đánh Sài Gòn. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:57)

Có hàng tướng Lê Xuân Giác giúp sức, Nguyễn Huệ phục binh ở Rạch Gầm và sông Xoài Mút (Định Tường), rồi dụ quân Xiêm lại đánh. Chiêu Tăng và Chiêu Sương ý thế thắng được vài trận nhỏ, kéo binh thuyền tới Trà Suốt (Mỹ Tho).

18/1/1785 [8/12 Giáp Thìn]: Mỹ Tho: Nguyễn Huệ đánh tan chiến thuyền Xiêm do Nguyễn Chung cầu viện về ở Trà Suốt (Mỹ Tho).

Chiêu Tăng và Chiêu Sương thua to, gom góp được vài ngàn quân theo đường Chân Lạp mà về nước.

Quân Nguyễn cũng tan vỡ. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:57)

Tướng của Chung là "ông Thê(?)" (Nguyễn Văn Oai) tử trận.

Về trận đánh quân Xiêm năm 1785 và hậu quả của nó sử quan Nguyễn không dấu được sự nể phục Nguyễn Huệ và anh em Tây Sơn. Tháng 7 năm Đinh Mùi (1787), họ ghi:

“Người Xiêm từ sau cuộc bại trận năm Giáp Thìn [1785], miệng tuy nói khoác mà lòng thì sợ Tây Sơn như cọp, cho nên đối với vua [Nguyễn Chung] dẫu tình lễ có trung hậu hơn, nhưng sự thực giữ lại đó [nước Xiêm] mà thôi.” (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:65)

Chúng lại chạy về Trấn Giang.

Chỉ có ít người theo hầu, kể cả Lê Văn Duyệt. Hết lương.

Viết thư xin Linh mục Jacques Liot cầu viện. Trong khi đó, Mạc Tử Sinh mang thuyền tới. Sai Tử Sinh và cai cơ Trung qua Xiêm báo tin. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:57; **Thư**

ngày 25/1/1875 [15/12 Giáp Thìn], Nguyễn Ánh gửi

Jacques Liot, trong L. Cadière, “Les Français aux service de Gia Long: XI. Nguyen Anh et La Mission, Documents inédits;” BAVH, XIII, no. 1 (1-3/1926), tr. 20-1])

Sau Chúng ra hòn Dừa [Thổ Châu, Poulo Panjang].

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:58)

Tháng Giêng Ất Tị [9/2-10/3/1785] Pigneau và Cảnh tới Pondichéry. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:58)

28/2/1785: Thiếu tướng Coutenceau des Algrains, XLTV Thống đốc tới 21/5/1785, thư cho Marquis de Castries, giải thích lý do từ chối giúp Pigneau: [Gaudart, BAVH, XXIV, 4 (10-12/1937)], pp. 359-60]

* Chúng lại chạy ra hòn Dừa [Thổ Châu]. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801:58)

9/4/1785: Chúng chạy sang Xiêm cầu viện lần thứ hai.

Hành động này có vẻ trái ngược với những gì Chúng—hoặc sử quan Nguyễn tưởng tượng ra là Chúng đã—tâm sự với các cận thần, kể cả Pigneau: “Nếu được Gia Định mà mất lòng dân thì ta cũng không nở làm. Thà hãy lui quân để đừng làm khổ bách tính.” (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:57) Cũng có thể bị dồn đẩy vào đường cùng, Chúng chợt nhận thức được rằng mục đích báo thù mới là trọng, viễn ảnh quân Xiêm tàn bạo, đến đâu là cướp bóc, giết chóc chỉ là cái giá phải trả—một trong những thiệt hại bên lề [*collateral damages*] khó tránh.

Tháng Tư Ất Tị [9/5-6/6/1785]:

21/5/1785: Coutenceau rời Pondichéry. De Souillac thay cho tới 10/1785. Đại tá Charpentier de Cossigny thay. **Charpentier de Cossigny cho Pigneau về Pháp trên tàu Malabar vào tháng 7/1786.** ([Gaudart, BAVH, XXIV, 4 (10-12/1937), 360)

* Krung-thêp: Nguyễn Chung tới kinh đô Xiêm [vào cuối tháng 5/1785].

Phần Rama I cũng chẳng còn hùng tâm giúp đỡ “Chiêu Nam Cốc.” Không những sợ oai Nguyễn Huệ như sợ cọp, Xiêm La lại đang hiềm khích với Miến Điện [Myanmar]. [Tháng 2 Bính Ngọ [1786], Miến Điện tung ba [3] đạo quân sang đánh Xiêm. Rama I phải nhờ Nguyễn Chung mang thủ hạ đi chống cự. Tuy tướng có bọn Lê Văn Quân, Nguyễn Văn Thành, v.. v... Tháng sau, Rama I còn sai Lê Văn Quân đi đánh giặc Chà Và. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:57-58, 61; Thư ngày 25/1/1875, Nguyễn Ánh gửi Jacques Liot, trong Cadière, “XI. Nguyen Anh et la Mission;” *BAVH*, XIII, no. 1 (1-3/1926), tr. 20-21.

* Gia Định: Nguyễn Huệ mang quân về Qui Nhơn. Lưu Đăng Văn Trấn giữ thành. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801:59)

6/7/1785: [1/6 Ất Tị]: Nguyễn Ánh thư cho Gia-cô-bê, cho biết đã gửi Thành tín hầu qua Xiêm. [*BAVH*, 1926, 1:21-2] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII).

6/7/1785: Pigneau thư cho Giám đốc Macao, Descourvières: Bri-tên từng gửi 2 tàu đi cứu viện Chung; nhưng không gặp. Chung cũng có ý định đi nhờ người Ô Lan (Hoà Lan). [Vì thế Pigneau yêu cầu Portugal giúp để gây ảnh hưởng cho Kitô Vatican]. [*BAVH*, 27n53; Launay, III:153-158]

8/7/1785: Pigneau thư cho Thượng viện Macao: Tháng 4/1780, đã thư cho Tổng trấn Macao là Fran-Xavier de Castro, yêu cầu giúp đỡ Chung qua Goa. Người Bri-tên trong hai năm 1778 và 1779 đã muốn giúp Chung. [*BAVH*, 27n53; Launay, III:153-158]

Tháng 7 Ất Tị [5/8-2/9/1785]:

Tháng 8 Ất Tị [3/9-2/10/1785]:

Tháng 9 Ất Tị [3/10-1/11/1785]:

Tháng 10 Ất Tị [3/10-1/11/1785]:

Tháng 11 Ất Tị [2-30/12/1785]:

Tháng Chạp Ất Tị [31/12/1785-29/1/1786]: * Long Xuyên:

Dương Công Trừng chiếm được một đồn ở Long Xuyên. Bị Tướng Tây Sơn là Phạm Văn Sâm bắt được, giết đi.

(*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:60)

[Thế tổ Cao Hoàng hậu *Tống Thị Lan*, 1761-1814],
31-41 [*Thuận Thiên* Cao Hoàng hậu *Trần Thị*, mẹ *Minh Mạng*, 1763-1846], 17-23 [*Hưng tổ Hiếu Khang Hoàng hậu Nguyễn Thị*, mẹ *Gia Long*, 1738-1811]

Ngô Thị Sĩ, đốc đồng *Lạng Sơn* cũng bị dính líu. Chết bệnh tại *Lạng Sơn*. (*LTTK*, 1975, II:212-16)

Ngô Thì Nhiệm [Nhậm] được thăng chức Công bộ Hữu thị lang.

1783: Lê Quý Đôn (1724-1785) Thương thư bộ Công. 1785: Lê Quý Đôn (1724-1785) Chết.

Lê Quý Đôn, Vân Đài Luận Ngữ, bản dịch Phạm Vũ và Lê Hiền (Sài Gòn: 1973?), q. IX, “Phẩm Vật Loại,” số 158-163 (các loại lúa, thóc [478-490].

Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, bản dịch Lê Xuân Giáo (Sài Gòn: 1972)

Tháng 2 Bính Ngọ [28/2-29/3/1786]: Vọng Các: Miến Điện mang quân 3 đạo đánh Xiêm.

Nguyễn Chung giúp vua Xiêm chống lại quân Miến Điện.

Tùy tướng có bọn Lê Văn Quân, Nguyễn Văn Thành.

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:61)

- Hà Hỷ Văn, thủ lĩnh giặc biển Bạch Liên Giáo (tự xưng Thiên địa Hội) có căn cứ ở Côn Lôn, sai người qua xin đầu phục Nguyễn Chung.

Tháng 3 Bính Ngọ [30/3-27/4/1786]: Bắc Hà: Dân bị đói to. (CMCB, 46:14; (Hà Nội: 1998), II:779;

* Vọng Các: Lê Văn Quân giúp Xiêm đánh giặc Chà Và. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:61)

Có tin Tây Sơn yêu cầu Rama I bắt cóc Chung, trao cho Tây Sơn, nhưng Rama I không đồng ý. Không muốn can thiệp vào nội tình Việt Nam. (Conflagration, 92)

25/5/1786 [28/4 Bính Ngọ]: Huệ mang quân đánh Thuận Hóa. LTTK, IV, 1975, II:299.

20/6/1786 [24/5 Bính Ngọ] Quân Tây Sơn chiếm đồn An Nông. Tướng Trịnh là Hoàng Nghĩa Quyền [Hò] chết ở đèo Hải Vân. LTTK, IV, 1975, II:301.

Trong ngày, thủy quân Tây Sơn đến Phú Xuân.

Phó tướng Hoàng Đình Thế, cùng hai con, và ti tướng chết ở chân thành Thuận Hóa. Trấn thủ Phạm Ngô Cầu mở cửa thành ra hàng. Tây Sơn và thổ dân giết vài vạn quân Trịnh. Chỉ còn vài trăm người chạy khỏi sông Gianh về Bắc. LTTK, IV, 1975, II:303-4.

Tháng 6 Bính Ngọ [26/6-24/7/1786] Phú Xuân: Nguyễn Huệ mang quân ra đánh Hà Nội. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:62-3)

Nêu danh nghĩa “phò Lê, diệt Trịnh.” Ý này do Nguyễn Hữu Chỉnh bày ra. LTTK, IV, 1975, II:304-6.

[7/1786] * Pondichéry: Pigneau đưa Hoàng tử Cảnh qua Pháp.

Bọn Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Liêm cho Hồ Văn Nghị tới Vọng Các gặp Chùng. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:63) [Nguyễn Chùng cho rằng vào tháng 10 Bính Ngọ]

21/7/1786 [26/6 Bính Ngọ]: Nguyễn Huệ chiếm Hà Nội. (ĐNCBLT, q. XXX:21B-22A, (Sài Gòn: 1970), tr. 88-91.

22/7/1786 [27/6 Bính Ngọ]: * Sơn Tây: Trịnh Khải [Đổng] bị Nguyễn Trang lừa bắt đưa đến nạp cho quân Tây Sơn.

Dọc đường, Khải cửa cỏ tự tử.

* Thăng-Long: Huệ vào bãi yết vua Lê Hiến Tông.

Vua đang bệnh. Rất vui khi thấy Nguyễn Huệ ngỏ ý phò Lê, diệt Trịnh. (CM, XLVI:24-25, (Hà Nội: 1998), II:789-90; ĐNCBLT, q. 30, tờ 22AB; (Sài Gòn: 1970), tr. 90-3; LTTK, IV, 1975, II:326-

Ngày 7/7 đồng ý gả công chúa Ngọc Hân cho Huệ. Ngày 12/7 lễ cưới. LTTK, IV, 1975, II:326-35; ngày 15/7 làm lễ triều yết.

10/8/1786 [(Mậu Ngọ) 17/7 Bính Ngọ]:

Lê Hiến Tông mất. Thọ 70 tuổi. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:63; LTTK, IV, 1975, 2:336.

Tháng 8/1786 [tháng 8 năm Bính Ngọ, 24/8-21/9/1786], Nguyễn Huệ đồng ý cho Lê Duy Kỳ lên ngôi. Ở ngôi 2 năm, sau chết vào tháng 10 năm Quý Sửu (1793), khi lưu vong tại Trung Hoa, thọ 28 tuổi. Trong thời gian ở ngôi, đặt niên hiệu là Chiêu Thống (1786-1789).

1/9/1786 [9/8 Bính Ngọ]: Paul [Bảo Lộc] Nghị được thả xuống Hòn Dừa tìm cách báo tin cho Nguyễn Chùng [đang ở Bangkok] là có tàu đón [qua Pondichéry]. [BAVH, 1913:23-6] [Có tin là ngày 30/8/1786 ; gồm Paul Nghị, 1 quan, 12 lính, tr. 26n51] Tuy nhiên, ngày 21/10/1786, Chùng mới được tin.

Sau chiến dịch diệt Trịnh năm 1786, anh em Tây Sơn bắt đầu bất hòa, đi đến việc nổi da xáo thịt.

Nguyễn Huệ mang quân đánh Qui Nhơn.

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:63) Theo các giáo sĩ, Nguyễn Huệ mang theo 60,000 quân, trai tráng từ 15 tới 60 tuổi. (Thư ngày 6/6/1787, Doussain gửi Le Blandin; BEFEO, 1912, tr. 19; Thư ngày 3/5/1787, Longer gửi Boiret; RI, XIV, 1910, tr. 46; Thư ngày 21/5/1787, GM Jean de Labartette gửi Letondal; A. Launay, III:129;

Giám Mục Jacques Benjamin Longer (1752-1831), ở Quảng Trị, sẽ thành Giám mục Đàng Ngoài Tây, cho rằng tới 100,000 người. (Thư ngày 3/5/1787, Longer gửi Boiret; RI, XIV, 1910, tr. 46; Thư ngày 21/5/1787, GM

Jean Labartette (1722-1823), Phụ tá của Pigneau de Béhaine, gửi Letondal; A. Launay, III:129)

Nhà thờ dùng làm trại lính; chuông chùa dùng đúc súng, đúc nổi.

Tháng 4 Đinh Mùi [17/5-15/6/1787] [15/5[?]-14/6/1787], Nguyễn Nhạc phải lên thành kêu gọi, trách em sao nổi nổi da, xáo thịt, Nguyễn Huệ mới chịu giảng hòa. [Nhạc nãi ư thành thượng hô Huệ ngữ chi viết: Bì qua chữ nhục, đệ tâm hà nhẫn?"]

23/10/1786 [2/9 nhuận Bính Ngọ]: Bangkok: Tàu của Antonio Vincente da Rosa [An-tôn-rôi] mang thư Nữ hoàng Portugal mời Chúng tới Goa [Gô-á], nói đã có sẵn binh sĩ và 56 tàu chiến tại Goa.

Mang theo quà cho vua Xiêm. Tuy nhiên, Chúng từ chối. Vậy mà vua Xiêm vẫn nghi kỵ. Vì vậy chưa thể lên đường vào tháng 10 Bính Ngọ [21/11-20/12/1786]. [BAVH, 27-28]

ĐNTL ghi việc này xảy ra vào tháng Giêng Đinh Mùi (18/2-18/3/1787): Người Portuguese là An-tôn-lôi (nui?) muốn giúp binh thuyền cho Chúng phục quốc. Chúng từ chối vì vua Xiêm không thích. (ĐNTLCB, 2: 1778-1801, 1963:64)

4/11/1786 [14/9 nhuận Bính Ngọ], từ Thonburi:

Chúng viết ba [3] lá thư.

Một gửi Thống đốc Pondichéry và Toàn quyền các thuộc địa Pháp tại Ấn Độ Dương (Isle de France), nói chưa hề nhận được tin tức gì của Pierre [Pigneau] và Cảnh. Thuật lại việc tiếp xúc sứ đoàn Portugal và sự nghi kỵ của vua Xiêm. Vì thế phải tạm đình hoãn chuyến đi Pondichéry. [Thư ngày 4/11/1786, Nguyễn Chúng gửi [Joseph Francois Charpentier de Cossigny (1730-1809)], Tư lệnh Pondichéry từ 1785-1787]; L. Cadière, “Nguyễn Ánh et la Mission;” BAVH, XIII, 1, 1926:34-36] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII).

Một thư gửi Hạm trưởng de Richery, và Berneron. Cho biết sẽ lên đường qua Pondichéry vào khoảng tháng 10 Bính Ngọ [21/11-20/12/1786]. [Thư 4/11/1786, Nguyễn Chúng gửi de Richery, hạm trưởng Marquis de Castries, và de Berneron. [L. Cadière, “Nguyễn Ánh et la Mission;” BAVH, XIII, 1, 1926:37-39] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII).

Ngày 23/10/1786, tàu Portuguese tới Thonburi thủ đô Xiêm La. Hạm trưởng Antonio Vincenti da Rosa [An-tôn-lôi], sứ giả của Portugal gặp Chúng. Mang theo thư Nữ hoàng Portugal và Thống đốc đảo Goa, nói đã có sẵn binh sĩ và 56 tàu chiến tại Goa. Mang theo quà cho vua Xiêm. Tuy nhiên, Chúng từ chối.

Antonio làm thay đổi kế hoạch qua Pondichéry của Chúng.

Vậy mà vua Xiêm vẫn nghi kỵ. Vì vậy chưa thể lên đường vào tháng 10 Bính Ngọ [21/11-20/12/1786].

ĐNTL ghi việc này xảy ra vào tháng Giêng Đinh Mùi [18/2-18/3/1787]: Người Portuguese là An-tôn-lôi (nui?) muốn giúp binh thuyền cho Chúng phục quốc. Chúng từ chối vì vua Xiêm không thích. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:64)

Dụ của Nguyễn Chúng cho Bá Đa Lộc: [Thư ngày 4/11/1786, Nguyễn Chúng gửi Pigneau] Chúng chưa được tin gì về việc giao ước giữa Bá Đa Lộc và Chúng vào tháng 6 năm ngoái (6/7-5/8/1785) [tức tàu của thuyền trưởng de Richéry và de Berneron gửi đến đón Chúng ở hòn Dừa (Poulo Panjang) vào tháng 12/1786 để đưa qua Pondichéry]. [23n48]

[21/10/1786: Thầy Bảo lộc (Paul Nghi) [được thả xuống Hòn Dừa ngày 1/9/1786] báo tin cho Nguyễn Chúng là có tàu đón].

[23/10/1786 [2/9 Bính Ngọ]: Tàu của An-tôn-rôi mang thư nữ hoàng Portugal mời Chúng tới Gô-á [Goa]. (Chính Pigneau đã xúi người Portuguese tới gặp Chúng) [Xem 6/7/1785] [L. Cadière, “Nguyễn Ánh et la Mission,” BAVH, XIII, 1, 1926:22-34] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII).

Tháng 12 Bính Ngọ [19/1-17/2/1787]:

Tháng 12 Bính Ngọ [17/1-15/2/1787]: Thanh

Hà Tiên: Chúng sai cai cơ Phạm Văn Châu và Nguyễn Văn Định về Hà Tiên chiêu mộ quân kháng Tây Sơn. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:63)

14/2/1787: Armand-Marc Montmorin-St-Hérem lên làm Ngoại trưởng (cho tới ngày 11/7/1789)

Nguyễn Chúng bị đánh đuổi khỏi Gia Định thành, liên kết với hải tặc Hoa, Xiêm La và “Tây dương nhơn”—tức khối Ki-tô giáo bảo bọc Giám Mục Pierre Pigneau “de” Béhaine, kẻ cả triều đình Pháp. Chúng còn xin phụ thuộc vua Xiêm La Rama I (1782-1809)—gọi Rama I là cha, cống hiến hoa vàng, hoa bạc, cùng cát đất Hà Tiên, cùng Cấm Bột và một số đất Lào, để xin quân viện. Đầu năm 1785, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đánh tan lực lượng thủy bộ Xiêm La. Chúng chạy thoát, lưu lạc khắp nơi, rồi cuối cùng chạy sang Bangkok lần thứ hai. Mãi tới năm 1787—sau khi anh em Tây Sơn bắt hòa, Nguyễn Huệ đưa quân vây hãm Hoàng đế thành, rồi phù Lê diệt Trịnh, Nguyễn Chúng mới trốn khỏi Bangkok về Nam Kỳ. Tái chiếm Sài Gòn năm 1789, rồi nhờ lực lượng hải thuyền và khí giới mua của Bri-

tên, Portugal [Bồ Đào Nha] bắt đầu phản công. Sau cái chết của Quang Trung Nguyễn Huệ năm 1792, và Nguyễn Nhạc năm 1793, Nguyễn Chung bắt đầu nương gió mùa mở những cuộc tấn công Thị Nại và Đồ Bàn [Vijaya].

19/3-17/4/1787 [tháng 2 Đinh Mùi]: Giám quân Tổng Phước Đạm cùng ba người khác tới Bangkok. Khuyên Nguyễn Chung về nước, vì anh em Tây Sơn bất hòa. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:64) Chung sai Phạm Văn Nhân về Hòn Tre chuẩn bị. (ĐNCBLT, I, q 28 (Huế: 1993), 2:

Nguyễn Nhạc sai **Nguyễn Lữ** và **Phạm Văn Sâm [Tham]** vào giữ Gia Định. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:65)

13/8/1787 [Ngày Bính Dần [1] tháng 7 Đinh Mùi]. Chung bí mật về nước. Mang theo gia quyến, về tạm trú tại Hòn Tre. Viết thư để lại cho vua Xiêm. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:65)

Dời tới đảo Cỏ Cốt. Có trùm hải tặc Hà Hỷ Văn, thuộc Bạch Liên Giáo, nhưng tự xưng Thiên Địa Hội, xin theo. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:65-6; ĐNCBLT, I, q 8 [Tổng Phước Đạm; (Huế: 1993), 2:158 [153-61], q 28 (Huế: 1993), 2:471-72;

ĐNCBLT, I, q 21 [Nguyễn Văn Thành], (Huế: 1993), 2:348-49 [346-372]

ĐNCBLT, I, q 22-23 [Lê Văn Duyệt (1754-1832), (Huế: 1993), 2:[373-391-414]

ĐNCBLT, I, q 21 [Nguyễn Văn Thành], (Huế: 1993), 2:348-49 [346-372]

[14/2/1787: Armand-Marc de Montmorin-St-Hérem lên làm Ngoại trưởng (cho tới ngày 11/7/1789)

21/11/1787: Versailles: De Montmorin và Pierre Joseph Georges Pigneau, Giám mục d'Adran, ký Hiệp ước "Liên Minh phòng thủ và tấn công," gồm 10 điều.

Vua Phú Lãng Sa [France] rất sùng đạo Ki-tô hứa cung cấp cho Nguyễn Ánh, vua Đường Trong [Cochin-Chine] mất nước, bốn [4] chiến hạm, 1200 lính, 200 pháo thủ, 250 lính da đen [điều 2], Nguyễn Ánh cắt cho Vua rất sùng đạo Ki-tô bán đảo Touron [điều 3], đảo Côn Lôn [Pulau Condore], [điều 5], tất cả những cửa biển Vua rất sùng đạo Ki-tô muốn, [điều 6], thần dân Vua rất sùng đạo Ki-tô được tự do di chuyển, [điều 7], hai bên có một năm để phê chuẩn [điều 10].

Phụ ước số 1 ghi rõ bốn [4] tàu hạng trung [frigates], hai [2] tàu vận tải; mười [10] đại bác 1-4 livres, hai [2] khẩu đại bác 8 livres, bốn [4] khẩu obus [cối], quân nhu đạn dược cần thiết, một lều vải, 1000

súng để thay thế, lương ăn cho 2000 người trong vòng một năm.

Phụ ước số 2 ghi Nguyễn Ánh phải bồi hoàn số chiến phí sơ khởi.

Ngày 28/11/1787: Versailles: Thêm Phụ khoản riêng [thứ 11]: Vua rất sùng đạo Ki-tô có toàn quyền trên những vùng đất cắt nhượng, và hứa không chứa chấp phần tử tội phạm của họ Nguyễn [giống như quyền tài phán của Bri-tên sau này]

[Thuật ngữ **Pháp** chỉ được Tự Đức dùng từ năm 1882]

31/1/1790: Sài Gòn: **Nguyễn Ánh viết thư gửi vua Pháp, hủy bỏ Hiệp ước 1787, và trách cứ Thomas de Conway.** Bản dịch của Pigneau; Service historique de la Marine [SHM], (Vincennes), GG2-44, carton 3, d.1. 48 ; và Archives du Ministère des Affaires Etrangères [AMAE] (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 64, tờ 21. Về Hoà ước 1787, xem CAOM (Aix), GGI [Amiraux], 11704 ; Louvet, Mgr d'Adran : Missionnaire et patriote, p 147; Đỗ Bang & Nguyễn Minh Tường, *Chân Dung Các Vua Nguyễn* (Huế : Thuận Hóa, 1996), tr 197-200.

Tháng Giêng **Mậu Thân [7/2-7/3/1788]:** An Giang: Nguyễn Chung đóng quân ở Hôi Oa. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:72)

11/2/1788: VERSAILLES: Montmorin viết thư cho Đại sứ Pháp tại Espania: *Yêu cầu thông báo với triều đình Espania là Pháp sẽ can thiệp quân sự vào Đại Việt để ngăn chặn nước Anh bành trướng ảnh hưởng trong khu vực này.*

12/2/1788 [6/1 Mậu Thân]:

10/2/1788 [6/1 Mậu Thân]:[**Thanh**] Thư Nguyễn Chung gửi Jacques Liot. Giám đốc trường Chantabun. [Trả lời thư chúc Tết của Liot [5/2/1788]

Xin lỗi việc rời Bangkok [ngày 13/8/1787] mà không cho Liot biết, sợ bị lộ. Về tới Cà Mau và Rạch Giá, thấy nhiều binh sĩ Tây Sơn, vì thế kéo về Vĩnh Trấn và Trấn Định thuộc Gia Định. Khoa chiếm được Trấn Viên. Hải quân của Sâm [Tham] còn mạnh.

Ngày 4/2/1788 [28/12 Đinh Mùi], nhận được thư Liot. Cử cai cơ Nhân Vân Hầu mang thư và quà tặng cho Liot. Mong tin con và Pigneau. [Tỏ ý nghi Pigneau vẫn ở đâu đó gần Xiêm La] [L. Cadière, "Nguyễn Ánh et la Mission;" BAVH, XXVI, 1:40-41] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII). [Xem 21/2/1788] Sự đa

nghi này có lý do. Việc cầu viện Đại Tây đã kéo dài hơn 4 năm.

21/2/1788 [15/1 Mậu Thân]: Thư Nguyễn Chung gửi Jacques Liot. *Bộ binh Nguyễn đã chiếm được tất cả Gia Định. Tuy nhiên, hải quân Tây Sơn vẫn giữ Mỹ Tho và Bến Nghé, chưa biết thắng bại ra sao.*

Hải quân Nguyễn còn ít, đóng ở Trà Luật. Mong chờ tin Bá Đa Lộc. Tháng 11 Đinh Mùi [9/12/1787-7/1/1788], Đới Dung mang về tin của Thượng sư. Tới cửa Rạch Giá, bị Thượng Lý của Tây Sơn chặn bắt phải nhảy xuống nước trốn, mất thư của Pigneau. Yêu cầu xác nhận. Tự xưng là An Nam Quốc Vương. [L. Cadière, "Nguyễn Ánh et la Mission;" BAVH, XXVI, 1,:42-43] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII). [Xem 2/7/1788]

8/4/1788: Tàu *Dryade* cập bến Port Louis của Isle de France.

Trên tàu này, ngoài Pigneau và Cảnh, có các giáo sĩ Boisserand, Le Blanc, Pillon, Tarin, Pocard, Lavoué, Grillet, và Le Labousse.

Tại đây, Pigneau được tin Nguyễn Huệ diệt họ Trịnh, rồi gây nên cuộc tương tàn.

18/4/1788: Port Louis: D'Entrecasteaux, Toàn quyền Isle de France và Bourbon, báo cáo là tin Pháp sẽ đánh chiếm Đại Việt bị tiết lộ cho báo chí.

18/5/1788: Pigneau đáp tàu *Dryade* về tới Pondichéry.

De Corway [Conway], dù được đặc cách Trung tướng, từ chối cung cấp binh sĩ cho Pigneau. 18/5/1788-6/1789: Pigneau ở Pondichéry. [15/6/1789: Về Gia Định].

* An Giang: Võ Tánh mang quân theo phò Chung.

Tánh người Bình Dương, thuộc Phiên Trấn. Tụ họp được khoảng 10,000 quân ở Gò Công [Khổng tước nguyên, Tân Hòa, Kiến Hòa] đánh Tây Sơn. Chung mừng lắm, đem gả con gái thứ hai của Hiếu tổ là Ngọc Du cho Tánh. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:72)

Phong Tánh làm Tiên phong dinh, Khâm sai Tổng nhung Chương Cơ. Còn phong chức Cai cơ cho các thuộc hạ như Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:73)

* Vĩnh Long: Nguyễn [Tôn Thất] Huy và Lê Văn Duyệt lấy được đồn Trấn Định. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:73)

Tháng 5 Mậu Thân [4/6-3/7/1788]

* Nguyễn Chung ra lệnh ai nuôi được 1 lính Thuận Hoá sẽ giảm nửa xuất binh; hai người, trọn xuất binh; ba người trở lên được thưởng. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:73)

* Mỹ Tho: Hà Hỷ Văn bị thủy quân Tây Sơn đánh bại.

Chạy ra Côn Lôn. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:74)

6/6/1788: Conway báo cáo rằng chính Pigneau đã tiết lộ cuộc hành quân mà triều đình Versailles muốn giữ bí mật. (AMAE [Paris], Correspondances générales, vol. VII, tr. 662; NKN, 1990:72)

11/6/1788: De Montmorin viết thư cho Đại sứ Pháp tại Madrid. Tiết lộ vua Louis XVI đã giao cho de Conway toàn quyền quyết định và điều khiển cuộc viễn chinh Đại Việt. (Taboulet, 207)

14/6/1788: Pondichéry: Pigneau viết thư cho de Conway: Yêu cầu cho sử dụng tàu Dryade qua Đại Việt liên lạc với Nguyễn Chung.

2/7/1788 [29/5 Mậu Thân]:Thư Nguyễn Chung gửi Jacques Liot.

Báo tin dù quân Tây Sơn tăng viện từ tháng 3 (6/4-6/5/1788), tạo được nhiều chiến thắng; sẽ chiếm lại Sài Gòn vào tháng 6 Mậu Thân, 4/7-1/8/1788). Rất vui khi được tin Cảnh đã tới Pháp. [L. Cadière, "Nguyễn Ánh et la Mission;" BAVH, XXVI, 1:43-46] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII). [Xem 27/9/1788]

4/7/1788 [1/6 Mậu Thân] Tờ biểu của văn võ quan chúc mừng việc giao hảo đã thành; *Hàn Các Anh Hoa, Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm* (Hà Nội: 1978), tập II, 1978:128-29, Hán; 130-32, Việt.

Chiếu ban ơn [nhân dịp hòa hảo]; *Hàn Các Anh Hoa, Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm* (Hà Nội: 1978), tập II, 1978:142-43, Hán; 143-44, Việt.

Dụ cựa triều văn vũ chiếu; *Hàn Các Anh Hoa, Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm* (Hà Nội: 1978), tập II, 1978:110-11, Hán; 112-13, Việt. [khi ra Hà Nội lần thứ ba, có lẽ để nhận sắc phong ANQV năm 1790. Năm 1789, Quang Trung đòi sứ Thanh vào Huế, nhưng sứ Thanh không thuận. Lễ sách phong bị đình hoãn.

Hà Tiên: Cử tham tướng Mạc Tử Sinh làm lưu thủ Hà Tiên.

Sinh chết bệnh. Cử *Ngô Ma*, người Xiêm, làm khâm sai cai cơ, cai quản quân vụ trấn Hà Tiên. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:75)

* Vĩnh Long: Chuẩn bị đánh Gia Định thành. Làm 2000 tờ phong thưởng để trống tên người được thưởng. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:75)

20/7/1788: Paris: *De Vaires, Tổng Giám đốc các thuộc địa, cho de Moracin biết là đã cho lệnh de Conway ngưng chuyển viễn chinh Đại Việt.* (Taboulet, 208-9)

23/7/1788: Jean La Bartette, Phó Giám mục Đà Nẵng, báo cáo các con buôn nói quân của "ông Chùng" [Nguyễn Ánh] đánh nhau lớn với "ông đốc Sâm." Quân Tây Sơn chỉ còn một khu nhỏ ở Cần Giờ.

28/7/1788 [25/6 Mậu Thân]: Quân Nguyễn đánh chiếm Ba Giồng, Sài Gòn; Bến Nghé, Đồng Nai; Bà Rịa.

(Thư 27/9/1788 [28/8 Mậu Thân], Nguyễn Chùng gửi Jacques Liot; [L. Cadière, "Nguyễn Ánh et la Mission;" BAVH, XXVI, 1, 1926:46-47] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII). [Thực Lục ghi là tháng 7 Mậu Thân; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:75])

14/8/1788: Conway chỉ thị cho de Kersaint: Đùng đưa Chùng qua Pondichéry. [Doc. 1041; 375-378] Gaudart, "Les archives de Pondichéry et les entreprises de la Compagnie Francaise des Indes en Indochine, au XVIIIè siècle;" BAVH, XXV, no. 4 (10-12/1937), pp. 353-380.

Tướng Tây Sơn là **Phạm Văn Sâm [Tham]** rút về giữ Ba Thắc. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:75-80)

ĐNTL chép Chùng gửi bọn bảo hộ Nguyễn Văn Nhân và cai đội Tống Phước Châu qua Xiêm báo tin. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:81)

7/9/1788 [8/8 Mậu Thân]: Gia Định: Nguyễn Chùng chiếm lại thành Gia Định. Phong Lê Văn Quân làm Khâm sai Bình Tây đô đốc, chương tiền quân dinh quận công, quản lĩnh chiến sĩ dinh Trấn Biên. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:76-77)

Tả quân phó tướng Phạm Văn Sĩ làm Khâm sai cai cơ. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:78)

Cai đội **Nguyễn Văn Thành** làm Khâm sai tổng nhung, cai cơ hiệu úy tiền chi dinh Trung quân.

Khi Gia Long từ Xiêm về Thành mới ra phục vụ.

Sau đó chạy theo Chùng qua Xiêm lần thứ hai.

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:78)

Áp dụng "nhà công đồng" tại Gia Định từ tháng 9/1788. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:77)

Tháng Tám Mậu Thân [31/8-29/9/1788], sai nội viên Trịnh Tấn Tài, Chu Văn Quan đi Hạ châu mua súng đạn. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:78)

Từ ngày này, cử nhiều phái đoàn đi các xứ lân cận mua vũ khí, đạn dược.

Tháng Một Quý Sửu [3/12/1793-1/1/1794], sai cai đội Quang-nói-ve [Vannier], đội trưởng Pa-đơ-chê [Barizy], đều là người Tây, đi mua vũ khí ở thành Cô á [Goa, India] và xứ Mã La Kha [Malacca]. (Ibid., 2:183; Cadière, "III. Leurs noms;" BAVH, VII, no.1 (1-

3/1920): ngày 17/12/1793, Barizy đi Malacca và Penang)

15/9/1788: Pondichéry: De Conway phái Victor Olivier de Puymanel cùng linh mục Paul Hồ Văn Nghị mang tàu *Dryade* thám thính miền Nam. Olivier de Puymanel cùng Paul Nghị mang theo 1000 khẩu súng.

Mặc dù Olivier [Ô Li Vi] mới 20 tuổi, được Pigneau de Béhaine phong làm Đại tá Tham mưu trưởng Lục quân. Chủng thi cho "quốc tính" là Nguyễn Văn Tín. Vannier xây các thành Gia Định theo kiểu Vauban, và các thành Diên Khánh, Châu Đốc, Hà Tiên, Biên Hòa, Bà Rịa, v.. v...

27/9/1788 [28/8 Mậu Thân]: Thư Nguyễn Chủng gửi Jacques Liot. Báo tin : Ngày 28/7/1788 [25/6 Mậu Thân] đánh chiếm Ba Giồng, Sài Gòn, Bến Nghé, Đồng Nai, Bà Rịa. Đang tuyển mộ hải quân.

Yêu cầu thông báo nếu tàu Đại Tây đã tới, để dàn xếp đưa tới Vũng Tàu bao vây và đánh phá quân địch. [L. Cadière, "Nguyễn Ánh et la Mission;" BAVH, XXVI, 1, 1926:46-47] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII).

Tháng 9 Mậu Thân [30/9-28/10/1788]

14/10/1788: Versailles: Trong phiên họp nội các, Louis XVI tuyên bố thái độ của de Conway phù hợp với những chỉ thị của thượng cấp.

16/12/1788 [21/11 Mậu Thân Thanh]: Hà-Nội: Tôn Sĩ Nghị niêm yết sắc phong Lê Chiêu Thống của Càn Long?.

Lê Duy Kỳ đến ơn, báo oán. Mỏ bọm đàn bà có thai với quan tướng Tây Sơn. Chặt chân ba chú vua. (ĐNCBLT, XXX:32A; (Sài Gòn: 1970), tr 129-30) Hoàng thái hậu cũng từ Nam Ninh về thủ đô. Thấy hành động của Duy Kỳ, phải than lên: "Thôi diệt vong đến nơi rồi." (CMCB 47:35-39; (Hà Nội: 1998), II:840-45)

22/12/1788 [25/11 Mậu Thân]: Phú-Xuân: Nguyễn Huệ tự xưng Hoàng đế. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:83; không ghi ngày) (ĐNCBLT, XXX:32A; (Sài Gòn: 1970), tr 129-30; (Huế: 1993), 2:517. Lấy hiệu Quang Trung. Ngay trong ngày, mang quân ra Bắc đánh quân Thanh. Ra tới Nghệ An ngày 26/12/1788 [29/11 Mậu Thân]. Lấy thêm 80,000 quân Nghệ An và Thanh Hoa. (CM, 47:39-40, (Hà Nội: 1998), II:845; ĐNCBLT, XXX:32B; (Sài Gòn: 1970), tr 132-33; (Huế: 1993), 2: [491-503] (Nhạc), 517 [503-30] (Huê), [530-49] (Toản).

Tài liệu Ngô Gia Văn Phái ghi lên ngôi ngày **22/11** [Mậu Thân, tức 17 hay 19/12/1788, tùy theo lịch Thanh hay Việt]: (Chiếu lên ngôi [Tức vị chiếu] của Nguyễn Huệ, do Ngô Thì Nhiệm soạn; Hàn Các Anh Hoa, Tuyển Tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, bản dịch Mai Quốc Liên, 2 tập (Hà Nội: KHXH, 1978), II:105 [103-6] Hán, 108 [107-9] Việt.

Tài liệu Ki-tô giáo ghi ngày 8/11/1788 [11/10 Mậu Thân]; CARAN (Paris), F5 A-22. ([không đúng]

**Tháng Chạp Mậu Thân [27/12/1788-25/1/1789]
[25/12/1788-23/1/1789 Thanh]**

Long Xuyên: Chủng cho Nguyễn Văn Nhân giữ Long Xuyên. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:84)

Ba Thắc: Thái bảo Phạm Văn Sâm [Tham?] của Tây Sơn định rút về Qui Nhơn, bị quân Nguyễn phục kích ở Hồ Châu. Sâm phải lui về Ba Thắc. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:86) Sau đó Sâm xin hàng. Chủng chiếm được Nam bộ. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:90-91)

Định thuế cảng người Thanh. Thuế theo nguồn gốc các tàu: Hải Nam, Triều Châu, Quảng Đông. Ba loại thuế: thuế cảng, lễ cai tàu, tiền xem com. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:86-87)

Nguyễn Huỳnh Đức từ Xiêm về Gia Định. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:87-89; ĐNCBLT, II, q. 7; (Huế: 1993), 2:123-128)

Đức, người Kiến Hưng, Định Tường, tên thực là Huỳnh Châu (?-1819). Được Nguyễn vương cho quốc tính, nên gọi là Nguyễn Huỳnh. Trước theo Đỗ Thành Nhân; nhưng được Chủng thu dụng. 1782 [Nhâm Dần] cứu Gia Long thoát chạy sự truy đuổi của Tây Sơn. 1783 [Quý Mão], bị Tây Sơn bắt ở trận Đồng Tuyên cùng 500 thuộc hạ. [LT, 2:124] Được Huệ thu dùng. Năm 1786 [Bính Ngọ], theo Huệ ra Bắc. Trở về đóng ở Nghệ An. Trốn vào Nam, lạc sang Vạn Tượng, rồi Xiêm La. Nhưng Chủng đã bí mật về nước [ngày 13/8/1787]. Năm 1788, vua Xiêm cho về Gia Định. Chủng phong làm trung doanh giám quân, khâm sai chuồng cơ. Mùa Thu năm này, sai Đức bắt Sâm, giết đi]. (LT, (Huế: 1993), 2:124-25)

1789

Tháng Chạp Mậu Thân [27/12/1788-25/1/1789]

Long Xuyên: Chủng cho Nguyễn Văn Nhân giữ Long Xuyên. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:84)

Ba Thắc: Thái bảo Phạm Văn Sâm [Tham?] của Tây Sơn định rút về Qui Nhơn, bị quân Nguyễn phục kích ở Hồ Châu. Sâm phải rút về Ba Thắc. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:86) Sau đó Sâm xin hàng. Chúng chiếm được Nam bộ. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:90-91)

Định thuế cảng người Thanh.

Thuế theo nguồn gốc các tàu: Hải Nam, Triều Châu, Quảng Đông.

Ba loại thuế: thuế cảng, lễ cai tàu, tiền xem com.

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:86-87)

Nguyễn Huỳnh Đức từ Xiêm về Gia Định. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:87-89; ĐNCBLT, II, q. 7; 1993, II:123-128)

Đức, người Kiến Hưng, Định Tường, tên thực là Huỳnh Châu (?-1819). Được Nguyễn vương cho quốc tính, nên gọi là Nguyễn Huỳnh. Trước theo Đỗ Thành Nhân; nhưng được Chủng thu dụng. 1782 [Nhâm Dần] cứu Gia Long thoát chạy sự truy đuổi của Tây Sơn. 1783 [Quý Mão], bị Tây Sơn bắt ở trận Đồng Tuyên cùng 500 thuộc hạ. [LT, II:124] Được Huệ thu dùng. Năm 1786 [Bính Ngọ], theo Huệ ra Bắc. Trở về đóng ở Nghệ An. Trốn vào Nam, lạc sang Vạn Tượng, rồi Xiêm La. Nhưng Chủng đã bí mật về nước [ngày 13/8/1787]. Năm 1788, vua Xiêm cho về Gia Định. Chủng phong làm trung doanh giám quân, khâm sai chuồng cơ. Mùa Thu năm này, sai Đức bắt Sâm, giết đi]. [LT, II:124-25]

1/1/1789 [6/12 Mậu Thân]

19/1/1789 [24/12 Mậu Thân]: Thư Nguyễn Chủng gửi Jacques Liot. Thông báo bình yên từ khi ở Xiêm về [ngày 13/8/1787, chiếm Sài Gòn ngày 7/9/1788]. Chưa thấy tàu Pháp tới. Đánh nhau với quân Tây Sơn vào tháng 8 Mậu Thân (31/8-28/9/1788).

* *Đã cử sứ đưa quà dâng cho hai vua Xiêm. Yêu cầu Liot thư cho biết sứ đoàn tới chưa. [L. Cadière, "Nguyễn Ánh et la Mission;" BAVH, XIII, 1, 1926: 47-48] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII).*

13/3/1789: Pondichéry: De Kersaint, hạm trưởng Dryade, về tới Pondichéry. Không gặp được Nguyễn Chủng. Cũng không đón được Paul Nghị ở Poulo Condore. Paul Nghị phải nhờ một tàu Portugal chuyển báo cáo cho de Kersaint.

15/3/1789: De Conway báo cáo về Bộ Hải Quân Hai đảo Poulo Condore và Hoian vô giá trị. Phí tổn khó thể đền bù bằng thu nhập tại Đại Việt trong một thời gian gần.

Ngày 15/3/1789, Conway trình lên Bộ Hải Quân [de la Luzerne] rằng đảo Poulo Condore và Hội An vô giá trị; phí tổn viễn chinh khó thể đền bù bằng thu nhập trong một thời gian ngắn. Ngày 16/4/1789, Bộ Hải Quân thông báo cho Pigneau biết không thể có cuộc viễn chinh Đại Việt. Thư này không đến tay Pigneau vì ngày 15/6/1789, Pigneau đã [lên tàu *Méduse*] qua Gia Định. (Launay, III:199. [Ngày 18/3/1789, Pigneau viết thư cho Conway, thông báo Chúng đã lấy lại được 5 tỉnh Nam Kỳ và xin gửi một lực lượng tượng trưng qua giúp Chúng].

18/3/1789 [22/2 Cảnh Hưng 50/Kỷ Dậu]: Nguyễn Chúng thư cho Louis XVI. Nhắc nhở việc ủy thác con cho Cảnh Chi [Pigneau]; AMAE (Paris), *Memoires et documents, Asie*, vol 21, tờ 67; Taboulet, p 178.

Tháng Ba Kỷ Dậu [27/3-24/4/1789] Nguyễn Chúng cho Mạc Công Bình làm Khâm sai cai đội lưu thủ Long Xuyên.

Bình là con Mạc Tử Hoàng. Xiêm mới đưa Bình về. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:91)

Năm 1857, Giám mục de Biblios (Pellerin) tin rằng hiệp ước 1787 qui định cho nước Pháp quyền hạn có thực, và “truyền thống ở đó vĩnh viễn với dân chúng và khi ông Montigny tới nơi người ta nói rằng ông ta đến để đòi thực hiện quyền trên cũng như **đòi món nợ 270,000 đồng mà chính phủ Pháp cho Nguyễn Ánh vay**” [la tradition en est perpétuée parmi le peuple et qu'au moment de l'arrivés de Mgr de Montigny on disait qu'il venait reclamer ces droits et demander le remboursement des 270,000 piastres prêtées par la France à Nguyen Anh].

Jaurès đọc một số tài liệu văn khố của Bộ Hải quân chứng minh những hoạt động hăng say và hữu hiệu của nước Pháp, kể cả lá thư của de Cotigny gửi vua Việt khuyên ông này **chỉ nên nhận sự trợ giúp của Pháp, và từ chối đề nghị viện trợ của Portugal ở đảo Goa.**

Linh mục **Chamaison** cho rằng **số tiền cho mượn, chiến hạm và các sĩ quan Pháp giúp giải vây cho Nguyễn Ánh ở Sài Gòn, tất cả những việc làm của Giám mục d'Adran bao hàm sự thi hành hiệp ước của nước Pháp.**

Đã có quá nhiều tài liệu về Pigneau de Béhaine. Về tài liệu nhà Nguyễn, xem *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện*, bản dịch Việt ngữ của Viện sử học Hà Nội (Huế: Thuận Hoá, 1993), tập 2, tr. 476-77. [Sẽ dẫn ĐNCBLT]. Tài liệu này ghi rằng Pigneau qui phục Nguyễn Chung từ năm Bính Tí (1780); 2:476 [476-77]. Cần nhấn mạnh là sự đóng góp của Pigneau cho chiến thắng của Gia Long chỉ rất giới hạn. Xem thêm Cao Xuân Dục, *Quốc triều chính biên toát yếu* (Sài Gòn: Sử Địa, 1971), tr.12-13; *Annales annamites [Sử Ký Đại Nam Việt]* (Sài-gòn: Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, 1974); H. Cosserat, “Notes biographiques sur les francais au service de Gia Long;” *Bulletin des Amis de Vieux Hué [BAVH]*, IV, no. 3 (7-9/1917), tr.165-206; Léonard Cadière, “Les Francais aux service de Gia Long: XI. Nguyen Anh et La Mission, Documents inédits;” Ibid. BAVH, XIII, no. 1 (1-3/1926), tr.1-49. Cosserat sử dụng tài liệu văn khố Hội truyền giáo, và Cadière so sánh tài liệu truyền giáo với tư liệu Việt Nam. (Hà Nội: 1998),

14/8/1788: Conway chỉ thị cho de Kersaint: Đùng đưa Chung qua Pondichéry. [Gaudart, BAVH, XXIV, 4 (10-12/1937), [Doc. 1041; 375-378]

18/3/1789 [22/2 Cảnh Hưng 50/Kỷ Dậu]: Nguyễn Chung thư cho Louis XVI.Nhắc nhở việc ủy thác con cho Cảnh Chi [Pigneau]; AMAE (Paris), Memoires et documents, Asia, vol 21, tờ 67; Taboulet, p 178.

Chung trở lại Sài Gòn.

Ra lệnh cấm giết trâu. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:91)

Thực tế Đại Nam hẳn ít nhiều ảnh hưởng trên quyết định của Thống đốc de Conway và các viên chức Pháp ở Versailles. Ngày 15/3/1789, Conway trình lên Bộ Hải Quân rằng đảo Poulo Condore và Hội An vô giá trị; phí tổn viễn chinh khó thể đền bù bằng thu nhập trong một thời gian ngắn. Ngày 16/4/1789, Bộ Hải Quân thông báo cho Pigneau biết không thể có cuộc viễn chinh Đại Việt. Thư này không đến tay Pigneau vì ngày 15/6/1789, Pigneau đã [lên tàu *Méduse*] qua Gia Định. (Launay, III:199. [Ngày 18/3/1789, Pigneau viết thư cho Conway, thông báo Chung đã lấy lại được 5 tỉnh Nam Kỳ và xin gửi một lực lượng tượng trưng qua giúp Chung].

13/3/1789:

Pondichéry: De Kersaint, hạm trưởng Dryade, về tới Pondichéry. Không gặp được Nguyễn Chung. Cũng không

đón được Paul Nghị ở Poulo Condore. Paul Nghị phải nhờ một tàu Portugal chuyển báo cáo cho de Kersaint.

15/3/1789: De Conway báo cáo về Bộ Hải Quân [de la Luzerne]: Hai đảo Poulo Condore và Hoian vô giá trị. Phí tổn khó thể đền bù bằng thu nhập tại Đại Việt trong một thời gian gần.

18/3/1789: Pigneau viết thư cho de Conway. Loan tin Chúng đã lấy lại được 5 tỉnh Nam Kỳ. Xin gửi một lực lượng tượng trưng qua giúp Chúng.

Tháng Ba Kỷ Dậu [27/3-24/4/1789]

[25/3-22/4/1789, Thanh]

Nguyễn Chúng cho Mạc Công Bình làm Khâm sai cai đội lưu thủ Long Xuyên.

Bình là con Mạc Tử Hoàng. Xiêm mới đưa Bình về.

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:91)

16/4/1789: VERSAILLES: De la Luzerne viết thư cho Pigneau: Thông báo không thể có cuộc viễn chinh Đại Việt. Thư này không đến tay Pigneau vì Pigneau đã lên đường qua Đại Việt. [Xem 15/6/1789]

Tháng 5 Kỷ Dậu [25/5-22/6/1789]

[23/5-20/6/1789]

15[4?]/6/1789: PONDICHÉRY: Pigneau lên tàu *Méduse* về Đại Việt. (Launay, III:199) [Xem 24/7/1789] *Hạm trưởng là Trung tá Rosily Mesros. Có người gọi Pigneau là "Constantino" [SKĐNV, 1974:45]*

Gia Định: Cho lệnh thu mua tất cả sắt, gang, kẽm, lưu hoàng trên các tàu Thanh.

Chờ được 10 vạn cân, bớt thuế cảng; cho chở 30 vạn cân gạo về. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:95)

3/5 Kỷ Dậu nhuận [28/6/1789]

Tháng 7 Kỷ Dậu [21/8-18/9/1789]

19/8-16/9/1789 [Tháng Bảy Kỷ Dậu]:

Sài Gòn: Nguyễn Vương giết Phạm Văn Sâm.

Có tin mật báo Tham được sứ của Quang Trung vào tiếp xúc. Nguyễn Vương bày kế gọi Tham vào gặp, rồi dùng Nguyễn Huỳnh Đức giết đi. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:101)

* Nghệ An: Nguyễn Huệ xây thành Trung Đô.

* Cao Bằng: Lê Duy Kỳ chiêu tập binh mã.

Tháng 5 nhuận Kỷ Dậu [23/6-21/7/1789]

14/7/1789: Cách mạng ở Pháp. Dân chúng phá ngục Bastille.

Louis XVI bị truất phế. Thành lập chế độ Quân chủ lập hiến [cho tới ngày 10/8/1792].

15/7/1789:

Gia-Định: Victor Olivier de Puymanel (Nguyễn Văn Tín, hay Ô Li Vy) thư cho Claude Francois Letodal (1753-1813) ở Pondichéry:

Đã nhận được thư ngày 3/3/1789 của Letodal qua thuyền trưởng Antonio Vincenti. Nguyễn Ánh muốn biết tin tức về Trung Hoa. (BAVH, XIIIè, no. 4 (10-12/1926), tr. 363-365).

Letodal là người thành lập chủng viện Penang.

24[8?]/7/1789: Pigneau và Hoàng tử Cảnh về tới cửa Lấp, Gia Định. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:98; BAVH, 16; Kim, tr. 152). (ĐNTLCB, [nho] I, q. 4, tr. 14-5; [viet] I, 2:98; ĐNCBLT, q.28, (1993) II:476; Thư ngày 17/8/1789, Pigneau (Sàigòn) gửi [Claude Francois] Létondal (Macao); ASME [Paris], vol. 801, tr. 283; Cadière, BAVH, 1926. Vương mừng lắm. Sai Tôn Thất Hội mang thuyền ra cửa Cần Giờ đón về. Phong Pigneau làm Đat Mệnh Điều Chế Tầu Thủy Bộ Viện Binh, Giám mục thượng sư. (ĐNCBLT, q.28, (1993) 2:476) Sống ở Thị Nghè. (Cadière, BAVH, 1926)

Có bọn Nguyễn Văn Thắng (Va Nê E, Philippe Vannier), [Nguyễn Văn Chấn (ĐaVật, J. B. Chaigneau?), sai rồi] theo về, xin làm tôi tớ. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:98)

Philippe Vannier (Va Nê E [Nguyễn Văn Thắng], hạm trưởng tàu Phụng phi), (ĐNCBLT, q.28, (1993) 2:477)

1794, J. B. Chaigneau [Nguyễn Văn Chấn (ĐaVật), hạm trưởng tàu Long phi. (ĐNCBLT, q.28, (1993) 2:477)

Godefroy de Forcanz (Lê Văn Lãng, coi tàu Bằng Phi), làm đến chưởng cơ. (ĐNCBLT, q.28, (1993) 2:477)

Victor Oliver de Puymanel (Nguyễn Văn Tín) Vệ úy Vệ ban trực hậu quân thân sách. (ĐNCBLT, q.28, (1993) 2:477)

Jean Marie d'Ayot (Đa Dật hay Trí lược hầu Nguyễn Văn Trí, chỉ huy tàu Đồng Nai và tàu Prince de Cochindrine, đặc trách vận tải và mua tàu)

Victor Oliver de Puymanel (Nguyễn Văn Tín) đã cùng Paul Hồ Văn Nghị đến đầu quân từ sau ngày Nguyễn Vương chiếm lại Sài Gòn. Nhóm lính đánh thuê Pháp lục tục tới sau. Godefroy de Forcanz (Lê Văn Lãng, coi tàu Bằng Phi), Jean Marie d'Ayot (Đa Dật hay Trí lược hầu Nguyễn Văn Trí, chỉ huy tàu Đồng Nai và tàu Prince de Cochindrine, đặc trách vận tải và mua tàu), Julien Girard de l'Isle Sellé (hạm trưởng Prince de Cochindrine), Guillaume Gouilloux, v..v... Năm 1793 có Laurent Barizy (Nguyễn Văn Mân). Năm 1794, J. B. Chaigneau (Nguyễn Văn Thắng, chỉ huy tàu Long phi). Năm 1795, có thêm Charles Stanislas Lefèbre (cháu Pigneau), từ Pondichéry qua nhập bọn. Năm 1795, có hai y sĩ là Jean

Marie Despiau và **Desperles**. Despiau ở Huế tới năm 1824, và chết vì dịch tả (cholera).

Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện chỉ ghi bảy [7] người: Lĩnh đánh thuê Pháp lục tục tới sau. Trong bọn này có Mạn Hòe, Đa Dật, Va Nê E, Ô Ly Vi (tức Tín), Lê Văn Lãng (người Phú Lãng Sa), Gia Đố Bi, Ma Nộ En người Y Pha Nho.

Philippe Vannier (Va Nê E [Nguyễn Văn Chấn], hạm trưởng tàu Phụng),

Godefroy de Forcanz (Lê Văn Lãng, coi tàu Bằng Phi),

Jean Marie d'Ayot (Nguyễn Văn Trí, chỉ huy tàu Đồng Nai và tàu Prince de Cochindrine, đặc trách vận tải và mua tàu, 27/6/1790),

Julien Girard de l'Isle Sellé (hạm trưởng Prince de Cochindrine, 27/6/1790), Théodore Le Brun (27/6/1790),

Guillaume Gouilloux (27/6/1790), v.v...

J.B. Chaigneau [Nguyễn Văn Thắng], hạm trưởng tàu đồng Phi Long (1794).

Năm 1795, có hai y sĩ là Jean Marie Despiau và Desperles. Despiau ở Huế tới năm 1824, và chết vì dịch tả (cholera).

17/8/1789: Sài Gòn: Pigneau viết thư cho Claude Francois Létondal ở Macao. Thuật lại chuyện Hoàng tử Cảnh không chịu bái lạy tổ tiên. Pigneau cho rằng lễ thờ cúng tổ tiên là theo Ấn Độ, mê tín, dị đoan và sai lầm, không chấp nhận được. (ASME [Paris], vol. 801, tr. 283)

19/8-16/9/1789 [Tháng Bảy Kỷ Dậu]: Sài Gòn: Nguyễn Vương giết Phạm Văn Sâm. Có tin mật báo Tham được sứ của Quang Trung vào tiếp xúc. Nguyễn Vương bày kế gọi Tham vào gặp, rồi dùng Nguyễn Huỳnh Đức giết đi. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:101)

5/10/1789: Conway rời Pondichéry. Đại tá de Fresne thay. Trong hồ sơ Conway có 12 thư, 3 billets của Pigneau. Gaudart, "Les archives de Pondichéry et les entreprises de la Compagnie Francaise des Indes en Indochine, au XVIIIè siècle;" BAVH, XXV, no. 4 (10-12/1937), pp. 353-380.

10/1789: Paris: Hội Đồng Cố Vấn (Conseil d'Etat) Pháp bác bỏ việc yểm trợ Nguyễn Vương.

Kế hoạch này do David Charpentier de Cossigny đệ trình.

18/5/1788-6/1789: Pigneau ở Pondichéry. 6/1789: Về Gia Định.

Tháng Ba Canh Tuất [14/4-13/5/1790]: Nguyễn Chung xây Gia Định thành. Nằm trên gò cao thôn Tân Khai, huyện Bình Dương, bờ phải sông Sài Gòn, từ Rạch Bến

Nghé [Arrayoro Chinois] tới Rạch Thị Nghè [Arrayoro de l'Avalanche].

[Bến Nghé: nơi cá sấu qui tụ, kêu lớn như trâu rống, nên gọi là Ngưư chữ. “Nghé” là trâu nhỏ.

Theo tài liệu Pháp, "Đại tá" Victor Olivier [Nguyễn Văn Tín] giúp xây thành theo kiểu Vauban. Olivier còn xây các thành Diên Khánh, Châu Đốc, Hà Tiên, Biên Hòa, Bà Rịa, v.. v... Có Théodore Lebrun phụ tá (về nước năm 1791).

Theo sử nhà Nguyễn, thành có tên “thành Bát Quái”—qui chế như hình hoa sen, xây bằng đá ong, hình vuông, mỗi cạnh dài 131 trượng, 2 thước. Mở ra 8 cửa, xây bằng đá ong. Tường cao 1 trượng 3 thước (13 thước [ta]), chân dày 7 trượng 5 thước. Phía ngoài thành là hào, hào rộng 10 trượng 5 thước, sâu 14 thước, có cầu treo bắc ngang. Chu vi ngoài thành là 794 trượng.

Thành mở ra 8 cửa: Nam, Càn Nguyên & Ly Minh ; Bắc, Khôn hậu & Khảm hiểm ; Đông, Chân hanh & Cấn chỉ ; Tây, Tồn thuận & Đoàn duyệt.

Ở ngoài là đường phố, chợ búa, dọc ngang đều có thứ tự. Hai bên đường quan đều có trồng cây gọi là đường thiên lý.

Giữa sân thành có một kỳ đài ba [3] tầng, cao 12 trượng 5 thước. Trên làm tòa vọng đầu bát giác; ban ngày kéo cờ, ban đêm kéo đèn làm hiệu lệnh cho các quân.

Trong thành có nhà Thái Miếu, kho chứa, cục chế tạo ; chung quanh có nhà tranh cho quân túc vệ ở. Năm Ất Dậu [1811], tổng trấn Nguyễn Văn Nhân và Hiệp tổng trấn Trịnh Hoài Đức sửa chữa lại làm dinh Tổng trấn, lấy nhà Thái miếu cũ làm hành cung, lợp ngói chõ ở của binh sĩ. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:112-113 ; ĐNNTC, 1997, V :221-222) [Không nhắc gì đến Ô Li Vi].

Du khách ngoại quốc ghi nhận về thành này là John White, một Thiều tá Hải quân Mỹ, và Gibson, một người Bri-tên lai India, đại diện Burma tới Gia Định, trên đường qua Mỹ.

Xem ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:158 [Tháng 6 Nhâm Tí, 18/7-17/8/1792, Khâm sai cai đội O-li-vi làm Vệ úy ban trực tuyển phong hậu vệ thần sách], 194 [tháng 6 Giáp Dần, 1794, Vệ úy Olivi cùng bọn Phan Văn Triệu, Lê Văn Duyệt theo Đông cung đi đánh giặc ở Diên Khánh; tháng 8 mang tả quân về Gia Định], 208 [tháng 2 Ất Mão, 1795, Vệ úy ban trực tuyển phong hậu quân qua Hồng Mao mua vũ khí], 264 [Tháng 6 Đinh Tị, 1797, thuộc nội vệ úy Ô-li-vi đóng thuyền tam bản đánh hỏa công ở Quảng Nam], 294 [tháng 12 Mậu Ngọ, 1799, Khâm sai thuộc nội vệ úy đi thuyền hiệu Thanh

trước đến Hạ châu mua vũ khí] (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:282: tháng 3 Mậu Ngọ, 1798, Hồng Mao đến hiến phương vật)

14/5-12/6/1790 [Tháng Tư Canh Tuất]:

* Bình Thuận: Quân Nguyễn chiếm được Bình Thuận. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:115-16)

Tháng 5 Canh Tuất

13/6-11/7/1790 [Tháng Năm Canh Tuất]:

Lê Văn Quân muốn chiếm Diên Khánh.

Nguyễn Văn Thành không đồng ý. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:118)

Tháng 6 Canh Tuất

12/7-9/8/1790 [Tháng Sáu Canh Tuất]:

* Bình Thuận: Quân Tây Sơn vào đánh quân Nguyễn.

Lê Văn Quân bị thua. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:118-19)

Tháng 7 Canh Tuất [10/8-8/9/1790]:

* Phan Rí: Quân Tây Sơn vây thành.

Viện binh Nguyễn phá được. Giao cho Nguyễn Văn Thành trấn thủ. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:120-121)

Tháng 8 Canh Tuất [9/9-7/10/1790]:

Tháng 9 Canh Tuất [8/10-6/11/1790]:

Võ Tánh bị phạt vì hay bệnh vực thuộc hạ. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:123)

15/10/1790:

Dân biểu Pondichéry, Louis Monneron, nập mémoire cho Quốc Hội. [Doc. 1311; 379-380] Gaudart, “Les archives de Pondichéry et les entreprises de la Compagnie Francaise des Indes en Indochine, au XVIIIè siècle;” BAVH, XXV, no. 4 (10-12/1937), pp. 353-380.

Tháng 10 Canh Tuất:

7/11-5/12/1790 [Tháng Mười Canh Tuất]:

* Gia Định: Bắt đầu đặt đồn điền. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:125)

Tháng 11 Canh Tuất [6/12/1790-4/1/1791]:

6/12/1790-4/1/1891 [Tháng Một Canh Tuất]:

*** *Sai Bảo hộ Nguyễn Văn Nhân và cai cơ Nguyễn Tiến Lượng đi sứ Xiêm.*

Tặng vua Xiêm hoa vàng, hoa bạc, v. v...

Lý do là Phụ chính Chân Lạp, Chiêu Chúy Biện, tức giận việc quân Nguyễn đánh chiếm Ba Thắc [Bãi Sầu], tố cáo với Xiêm là Nguyễn vương đang tích lũy vũ khí đánh Xiêm. Vua Xiêm ngờ, định mang quân sang đánh. Nay thấy sứ Nguyễn, lại thôi. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:128)

* Bà Rịa: Cử Nguyễn Văn Lợi thay Lê Văn Quân coi doanh Tiền quân. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:128)

1791

Tháng Chạp Canh Tuất [5/1-2/2/1791]:

* Phan Rí: Quân Tây Sơn tái chiếm Phan Rí. (2: 1778-1801, 1963:129)

Sai Trần Vũ Khánh đi Giang Luru Ba (Jakarta) mua vũ khí. (2:129)

Chương Tiền quân là Lê Văn Quân bị cách chức. Sau uống thuốc độc tự tử. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:129-30, 135-36)

5/3-3/4/1791 [Tháng 2 Tân Hợi]:

* Gia Định: Phụ chính nước Chân Lạp là Chiêu Chủ Biện sai sứ qua châu. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:136)

* Tàu buôn Portugal tới Gia Định.

Nguyễn Vương gửi thư xin mua vũ khí. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:137)

4/4-2/5/1791 [Tháng Ba Tân Hợi]

3/5-1/6/1791 [Tháng Tư Tân Hợi]:

25/5/1791 [23 Tháng Tư Tân Hợi]:

* Gia Định: Trần thị sinh Hoàng tử thứ tư là Đảm ở xóm Tân Lộc. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:138)

[Sau này, Minh Mạng xây chùa Khai Tường, tức Barbet thời Pháp]

- Mở khoa thi.

Lấy trúng cách 12 người. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:139)

15/6/1791 [18/5 Tân Hợi]:

Trí Lược hầu, phụ trách bộ Lại, cho lệnh đi đón Jacques Liot về Sài Gòn. [BAVH, 48-49]

Tháng Năm Tân Hợi [2-30/6/1791]:

* Gia Định: Xứ Xiêm Sa Lạt vẫn tri Khôn sĩ thi na đến biểu sản vật: 2 con ngựa trắng và hồng, 10 cây long bào gấm, 4 chiếc chiêng đồng.

Báo tin quân Lào đánh tan quân Tây Sơn. Nạp cờ xí, chiêng trống. (2:140)

[Vua Vạn Tượng thời gian này là Nanthasen (1781-1795). Nanthasen là con lớn vua Siribunyan (1760-1779), bị chết khi Xiêm làm cỏ Vạn Tượng năm 1779. Nanthasen từng chỉ huy quân sự chống cuộc xâm lăng của Xiêm. Bị Bodinthondecha hay Ratchasuphawadi bắt về Bangkok cùng toàn gia.]

Năm 1795, Inthavong (1795-1804), anh Anu lên thay Nanthasen; với Anu, em út, làm Phó vương.

Lưu Phước Tường từng tới đây. Na Khi [Nanthasen (1781-1795) hay] qui thuận. [II:143]

Năm 1781 Nanthasen (1781-1795) được đưa về làm vua Vạn Tượng. Năm 1792 [1790 hay 1791?] đánh nhau với Tây Sơn. Chiếm được Luang Prabang và Sam Nua. [Chao Praikosa là bảo hộ]

Tháng Năm Tân Hợi [2-30/6/1791]:

* Gia Định: Xứ Xiêm qua châu.

Báo tin quân Lào đánh tan quân Tây Sơn. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:140)

Nguyễn Văn Nhân và Nguyễn Tiến Lượng đi sứ Xiêm.

Dâng hoa vàng, hoa bạc. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:140)

Cho dòng dõi họ Mạc là Mạc Công Bình về lại Hà Tiên.

Họ Mạc đã lưu vong sang đất Xiêm. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:140-41)

15/6/1791 [18 [14?]/5 Tân Hợi]:

Trí Lược hầu, phụ trách bộ Lại, cho lệnh xã trưởng Tân của Long Xuyên tới Chantabun đón Liot và tùy tùng về Sài Gòn. [BAVH, XIII (1926), 1:48-49]

***** Tháng Tám Tân Hợi [29/8-27/9/1791]:**

* Cho Nguyễn Văn Thành đi do thám Qui Nhơn. (2: 1778-1801, 1963:142)

Tháng Tư nhuận [21/5-18/6/1792]: [Sứ nhà Nguyễn chép có tháng 2 nhuận]

* Gia Định: Định rõ lệ khuyến nông.

Tháng Chạp Tân Hợi [25/12/1791-23/1/1792]:

[23/12/1791-21/1/1792]:

* Sài-Gòn: Đạo quân lê-dương của Pigneau de Béhaine lên tới 40 người.

Sai bảo hộ Nguyễn Văn Nhân và cai cơ Lưu Phước Tường đi sứ Xiêm. (2: 1778-1801, 1963:151-52)

Mục đích để thuyết phục Rama I đừng tin lời dèm xiêm của Chiêu Chùy Biện nước Chân Lạp, hầu có thể an tâm đánh Tây Sơn. (2: 1778-1801, 1963:151-52) [unwilling to arouse the suspicion and anger of Bangkok; Paths, 1998:91]

20/1/1792:

BTHQ de Bertrand gửi cho Thống đốc Pondichéry de Fresne yêu cầu giúp Le Fèvre qua gặp chủ là Pigneau ở Cochinchine. Gaudart, "Les archives de Pondichéry et les entreprises de la Compagnie Francaise des Indes en

Indochine, au XVIII^e siècle;” BAVH, XXV, no. 4 (10-12/1937), pp. 353-380.

24/1/1792: Nguyên đán Nhâm Tý

22/1/1792: Nguyên đán Nhâm Tý Thanh

Tháng Giêng Nhâm Tý [24/1-21/2/1792], thiếu:

22/1-19/2/1792:

Đóng 5 hiệu thuyền Hoàng Long, Xích Nhạn, Thanh tước, Bạch yến và Huyền hạc. (2: 1778-1801, 1963:153)

Chủ trương Bắc tiến. Cả đường thủy lẫn đường bộ. (2: 1778-1801, 1963:153-54)

Đắp thành Mỹ Tho. (2: 1778-1801, 1963:154)

Tháng Hai Nhâm Tý [22/2-22/3/1792], đủ:

[20/2-20/3/1792]:

Tháng Ba Nhâm Tý [23/3-20/4/1792, thiếu]

[21/3-18/4/1792, Thanh, thiếu]

[Tháng Hai nhuận trong Thực Lục [23/3-20/4/1792], thiếu]

Gia Định: Nguyễn Văn Nhân và cai cơ Lưu Phước Tường đi sứ Xiêm về. (2: 1778-1801, 1963:154)

* Gia Định: Nước Xiêm sai sứ, đề nghị tiếp tay Nguyễn Vương đánh Tây Sơn.

Đồng thời yêu cầu cho Mạc Công Bính đất Long Xuyên, Kiên Giang, cho Chân Lạp đất Ba Thắc.

Chung không đồng ý.(2: 1778-1801, 1963:154-55)

16/6/1792: LM L. Labousse viết thư nói khoảng 30,000 quân Tây Sơn qua Lào, có lẽ chiến thắng và làm chủ như đã làm chủ Đàng Trong và Đàng Ngoài. (L. Cadière, “Documents relatifs à l’époque de Gia Long;” BEFEO, 1912, p. 26.

LM Pierre Jacques Lemonier de Labissachère, *État actuel du Tonkin, de la Cochinchine et des royaumes du Cambodge, Laos et Lactho*, 2 vols (Paris: Edouard Champion, 1812, 1820): nói về cuộc hành quân của Trần Quang Diệu qua Lào. Quân Tây Sơn khoảng 6-10,000 người. Định tấn công bất ngờ Gia Định. Đồng thời hỏi tội vua Vạn Tượng tại sao không chống lễ Tây Sơn. Tuy nhiên, đạo quân Trần Quang Diệu bị hầu như tận diệt. [Tran Quang Dieu was defeated and “his army perished nearly entirely while it passed through Laos.”[p. 51]; Paths, 1998:93n8. Thai sources indicate that Nanthasen sent the trophies to Rama I].

Thực Lục chép:

[Tháng Ba **Nhâm Tý** [21/4-20/5/1792]: trong *Thực Lục*]

Tháng Tư Nhâm Tý [21/4-20/5/1792, **Tây Sơn**]:

[19/4-18/5/1792, **Thanh**]:

Nước Xiêm sai sứ, đề nghị tiếp tay Nguyễn Vương đánh Tây Sơn theo đường thượng đạo.

Trước đây, Tây Sơn gây oán với Vạn Tượng. Lại dẫn quân đánh Vạn Tượng, Vạn Tượng thua to. Vua Xiêm muốn báo thù cho Vạn Tượng, và muốn Gia Định giúp quân.

Đồng thời yêu cầu cho Mạc Công Bình đất Long Xuyên, Kiên Giang, cho Chân Lạp đất Ba Thắc.

Chúng không đồng ý. Viết thư cho vua Xiêm, đại ý [the gist] như sau: Nguyễn Huệ đã tuyển mộ vài ba chục vạn người Hà Bắc, mưu chia hai đường thủy bộ để đánh. Đường bộ sẽ theo thượng đạo kéo xuống Chân Lạp, rồi đánh bọc hậu Sài Gòn. Đường thủy thì vào Côn Lôn, đánh phá Hà Tiên, do Long Xuyên-Kiên Giang đánh mặt trước Sài Gòn. Nếu thắng sẽ đánh qua Xiêm.

[Tây Sơn] chẳng những là thù riêng của quả nhân mà cũng là thù của nước Xiêm nữa. Chúng đề nghị mang thủy quân đánh Qui Nhơn, còn Xiêm mang quân đường bộ đánh Nghệ An. Nếu Tây Sơn giữ Nghệ An, Xiêm đánh mặt trước, Chúng đánh mặt sau. Nếu Tây Sơn giữ Phú Xuân, Chúng đánh mặt trước, Xiêm khuấy rối mặt sau.

Long Xuyên và Kiên Giang thì đã bị tan tác, lại có chiến tranh cần người lo việc binh. Mạc Công Bình còn nhỏ, chưa biết dùng binh cách, bởi thế để quan ở đó, nào phải tiếc đâu. Còn đất Ba Xắc, không cho Chân Lạp, vì Chiêu Chùy Biện. Nếu được người khác của Xiêm đến thì nào có tiếc. Những việc nhỏ nhất ấy vương bắt tất phải quan tâm, cũng không phải đi lại nói nhiều làm gì." (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:154-55)

16/6/1792: LM L. Labousse viết thư nói khoảng 30000 quân Tây Sơn qua Lào, có lẽ chiến thắng và làm chủ như đã làm chủ Đàng Trong và Đàng Ngoài. (L. Cadière, "Documents relatifs à l'époque de Gia Long;" BEFEO, 1912, p. 26.

LM Pierre Jacques Lemonier de Labissachère, *État actuel du Tonkin, de la Cochinchine et des royaumes du Cambodge, Laos et Lactho*, 2 vols (Paris: Edouard Champion, 1812, 1820): nói về cuộc hành quân của Trần Quang Diệu qua Lào. Quân Tây Sơn khoảng 6-10,000 người. Định tấn công bất ngờ Gia Định. Đồng thời hỏi tội vua Vạn Tượng tại sao không cống lễ Tây Sơn. Tuy nhiên, đạo quân Trần Quang Diệu bị hầu như tận diệt. *Tran Quang*

Dieu was defeated and "his army perished nearly entirely while it passed through Laos."[p. 51]; *Paths*, 1998:93n8.

Thai sources indicate that Nanthasen sent the trophies to Rama I.

* *Gia Định: Bắt đầu đặt đồn điền.* (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:125)

[Tháng Ba Nhâm Tý 21/4-20/5/1792, trong Thực Lục]

Tháng Tư Nhâm Tý [21/4-20/5/1792, Tây Sơn]:

Tháng Tư Nhâm Tý [19/4-18/5/1792, Thanh]:

* *Gia Định: Định rõ lệ khuyến nông.*

Nước Xiêm sai sứ, đề nghị tiếp tay Nguyễn Vương đánh Tây Sơn theo đường thượng đạo. Trước đây, Tây Sơn gây oán với Vạn Tượng. Lại dẫn quân đánh Vạn Tượng, Vạn Tượng thua to. Tháng 10 Canh Tuất [7/11-5/12/1790], tiến đến Vạn Tượng, sát biên giới Xiêm La. Chém được Phan Dung, Phan Siêu, rồi kéo quân về Bảo Lạc. Vua Xiêm muốn báo thù cho Vạn Tượng, và muốn Gia Định giúp quân.

Đồng thời yêu cầu cho Mạc Công Bình đất Long Xuyên, Kiên Giang, cho Chân Lạp đất Ba Thắc.

Chúng không đồng ý. Viết thư cho vua Xiêm, đại ý [the gist] như sau:

Nguyễn Huệ đã tuyển mộ vài ba chục vạn người Hà Bắc, mưu chia hai đường thủy bộ để đánh. Đường bộ sẽ theo thượng đạo kéo xuống Chân Lạp, rồi đánh bọc hậu Sài Gòn. Đường thủy thì vào Côn Lôn, đánh phá Hà Tiên, do Long Xuyên-Kiên Giang đánh mặt trước Sài Gòn. Nếu thắng sẽ đánh qua Xiêm. [Tây Sơn] chẳng những là thù riêng của quá nhân mà cũng là thù của nước Xiêm nữa. Chúng đề nghị mang thủy quân đánh Qui Nhơn, còn Xiêm mang quân đường bộ đánh Nghệ An. Nếu Tây Sơn giữ Nghệ An, Xiêm đánh mặt trước, Chúng đánh mặt sau. Nếu Tây Sơn giữ Phú Xuân, Chúng đánh mặt trước, Xiêm khuấy rối mặt sau.

Long Xuyên và Kiên Giang thì đã bị tan tác, lại có chiến tranh cần người lo việc binh. Mạc Công Bình còn nhỏ, chưa biết dùng binh cách, bởi thế để quan ở đó, nào phải tiếc đâu. Còn đất Ba Xắc, không cho Chân Lạp, vì Chiêu Chùy Biện. Nếu được người khác của Xiêm đến thì nào có tiếc. Những việc nhỏ nhặt ấy vương bắt tất phải quan tâm, cũng không phải đi lại nói nhiều làm gì." (2: 1778-1801, 1963:154-55)

Tháng Tư nhuận [21/5-18/6/1792]: [Sử nhà Nguyễn chép có tháng 2 nhuận]

[Tháng Tư Nhâm Tý 21/5-18/6/1792 trong Thực Lục, thiếu]

Tháng Tư nhuận Nhâm Tý [21/5-18/6/1792, Tây Sơn thiếu]:

Tháng Tư nhuận Nhâm Tý [19/5-16/6/1792, Thanh, thiếu]:

16/6/1792: LM L. Labousse viết thư nói khoảng 30,000 quân Tây Sơn qua Lào, có lẽ chiến thắng và làm chủ như đã làm chủ Đàng Trong và Đàng Ngoài. (L. Cadière, "Documents relatifs à l'époque de Gia Long;" BEFEO, 1912, p. 26.

LM Pierre Jacques Lemonier de Labissachère, *État actuel du Tonkin, de la Cochinchine et des royaumes du Cambodge, Laos et Lactho, 2 vols (Paris: Edouard Champion, 1812, 1820)*: nói về cuộc hành quân của Trần Quang Diệu qua Lào. Quân Tây Sơn khoảng 6-10,000 người. Định tấn công bất ngờ Gia Định. Đồng thời hỏi tội vua Vạn Tượng tại sao không công lễ Tây Sơn. Tuy nhiên, đạo quân Trần Quang Diệu bị hầu như tận diệt. *Tran Quang Dieu was defeated and "his army perished nearly entirely while it passed through Laos."* [p. 51]; *Paths, 1998:93n8. Thai sources indicate that Nanthasen sent the trophies to Rama I.*

Tháng Năm Nhâm Tý [19/6-18/7/1792]:

[17/6-16/7/1792, Thanh]:

* Bình Thuận: Thủy quân Tây Sơn cùng hải tặc Tề ngời vào đánh phá vùng Khang Thuận-Bình Thuận. (2: 1778-1801, 1963:157-58)

Tháng Năm Nhâm Tý [19/6-18/7/1792]:

[17/6-16/7/1792, Thanh]:

* Bình Thuận: Thủy quân Tây Sơn cùng hải tặc Tề ngời vào đánh phá vùng Khang Thuận-Bình Thuận. (2: 1778-1801, 1963:157-58)

Tháng Sáu Nhâm Tý [19/7-17/8/1792]:

[17/7-15/8/1792]:* Gia Định: Phong cai đội Olivier làm vệ úy Ban trực tuyển phong hậu vệ Thần sách. (2: 1778-1801, 1963:158)

- Địch thân Chùng mang binh thuyền ra đánh Thị Nại, phá hủy hạm đội của Nguyễn Nhạc. . (2: 1778-1801, 1963:158-59)

Nguyễn Huệ chuẩn bị binh thuyền đánh Chùng. Tuyên bố với thuộc hạ : "Tên Chùng trốn ẩn mình nơi nọ nơi kia, và cầu những Tây dương nhân tới giúp. Dầu tên Chùng, dầu các Tây dương nhân thì cũng chẳng làm gì được. Vì chẳng có gan đảm, chẳng hay nghề võ ; chớ khá đem lòng sợ mà chi." SKĐNV, 1974 :59-60.

1792, Quang Trung còn cho soạn biểu xin cầu hôn công chúa nhà Thanh. Tuy nhiên, bị bạo bệnh đột ngột từ trần, nên dấu việc này đi. (*Liệt Truyện*, q. XXX, 1993, 2:528)

Tháng 7 Nhâm Tý [18/8-15/9/1792] [thiếu]:

[16/8-13/9/1792] [thiếu]:

* Phan Rang: Nguyễn Chung rút binh thuyền về cửa biển [vũng tàu] Phan Rang.

Theo *Đại Nam Thực Lục* của Quốc sử quán nhà Nguyễn, vua Quang Trung mất ngày 29 tháng 7 Nhâm Tý, tức ngày 16 [15?]/9/1792 tại Phú Xuân. (*ĐNTLCB*, q. VI, 7B; I, 2:159-60)

[*Bản dịch Việt ngữ chúng tôi có trong tay chỉ ghi tháng 7 Nhâm Tý [18/8-15/9/1792 lịch Việt, hay 16/8-13/9/1792 nếu là lịch Thanh] không ghi ngày. Lịch VN hiện nay ghi ngày 29/7 Nhâm Tý tương đương với ngày 15/9/1792; ngày 16/9/1792 tương đương ngày 1/8 Nhâm Tý*]

Một số tư liệu khác ghi tương tự: *Quốc triều toát yếu* của Cao Xuân Dục, *Dụ Am tập* của Phan Huy Ích, và di cáo của Lê Huy Dao, một vong thân nhà Lê. (Hãn, *Toàn Tập*, II:1075) [*Bản dịch Việt ngữ Quốc triều toát yếu chúng tôi có trong tay cũng chỉ ghi tháng 7 Nhâm Tý, không ghi ngày; 1923, 1971:25*]

[*Dã sử nhật ký và Hoàng Lê Nhất Thống Chí* ghi là vua mất vào tháng 8 Nhâm Tý [16/9-15/10/1792]. (Hãn, *Toàn Thư*, II:1077). Ngụy Nguyên và Từ Diên Húc, hai tác giả Thanh, ghi Quang Trung chết tháng 3 *Nhâm Tý (4/1792)*. [*Xem 29/9 Nhâm Tý*]

Tương tự như thế, cái chết của Nguyễn Nhạc đầy nghi vấn.

Theo *Liệt truyện* nhà Nguyễn, Nhạc chết vào tháng Tư Quý Sửu [10/5-8/6/1793] vì uất ức thái độ ngang ngược của nhóm Thái úy Phạm Công Hưng, Hộ giá Nguyễn Văn Huân, Đại Tư-lệ Lê Trung, Đại Tư Mã Ngô Văn Sở và Đặng Văn Châu khi mang quân giải cứu Qui Nhơn theo lời yêu cầu của Nhạc. Nhạc hộc máu mà chết. (*Ngụy Tây*, q. XXX:16A, 45a, tr. 66-7, 182-83)

Tháng Tám Nhâm Tý [16/9-15/10/1792]:

[14/9-13/10/1792]:

Nguyễn Vương rút về Gia Định. Cho lệnh Nguyễn Huỳnh Đức kéo về giữ Bà Rịa. (2: 1778-1801, 1963:160)

Tháng Chín Nhâm Tý [16/10-13/11/1792], thiếu:

[14/10-11/11/1792, Thanh]:

Nguyễn Chung sai cai cơ Nguyễn Văn Lượng và Nguyễn Văn Thoại đi sứ Xiêm.

Báo tin thắng trận, nạp bọn hải tặc Tề Ngôi. Tặng hai vua Xiêm mỗi người 500 cân đường cát. (2: 1778-1801, 1963:160-61) Trả lại đất Ba xác [Bassac] cho Chân Lạp. Bọn Ốc Nha Vu Bông Sa, Ốc nha Phi Miệt Bông Sa, Ốc nha Liên Song Lam đệ thư của vua Xiêm đến xin cho họ giữ đất Ba Xác. Nguyễn Chủng đồng ý. (2: 1778-1801, 1963:161)

13/11/1792 [29/9 Nhâm Tý]:

[11/11/1792, Thanh]

Phú Xuân: Nguyễn Huệ (1753-1792) từ trần.

Đại Nam Liệt Truyện của nhà Nguyễn chép vua mất ngày 29 tháng 9 Nhâm Tý [*Cửu nguyệt nhị thập cửu nhật Huệ tử, tiếm vị ngũ niên, niên tài tứ thập*; ĐNLT, q. XXX: Ngụy Tây, 42B; (Sài Gòn: 1970), tr. 172-73; 1993, II:529].

Theo tài liệu Ngô Gia Văn Phái, Hàn Các Anh Hoa, sau trận thủy chiến ở Thị Nại tháng 7-8/ 1792, Tháng Sáu Nhâm Tý [19/7-17/8/1792], (2:158-59) Quang Trung vẫn còn đánh giá thấp Nguyễn Chủng cùng sự giúp đỡ của "Tây dương nhân."

Trong khi chuẩn bị binh thuyền đánh Chủng. Nguyễn Huệ tuyên bố với thuộc hạ : "Tên Chủng trốn ẩn mình nơi nọ nơi kia, và cầu những Tây dương nhân tới giúp. Dẫn tên Chủng, dẫn các Tây dương nhân thì cũng chẳng làm gì được. Vì chẳng có gan đảm, chẳng hay nghề võ ; chó khà đem lòng sợ mà chi." SKĐNV, 1974 :59-60.

Dận con là Nguyễn Quang Toàn rằng "Ta sẽ chết đây. Thần kinh Phú Xuân không phải của mày có được. Nghệ An là đất của cha mẹ ta. Đất ấy là nơi hiểm yếu có thể trông cậy được. Ta đắp thành dày để làm Trung đô là làm kế Tấn Dương ngày khác cho mày. Sau khi ta chết mày nên về đó. Nếu có biến cố nào còn có thể giữ được." Rồi Huệ chết]. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963 :160

Con là Quang Toàn (1783-1802), tức Trát, 10 tuổi, lên nối ngôi. Niên hiệu là Cảnh Thịnh. Thái sư Bùi Đắc Tuyên nhiếp chính. (2: 1778-1801, 1963 :159-60) [Không ghi ngày]

Quang Toàn (1783-1802)

(Liệt Truyện, q. XXX:43b-44, 1970, tr. 176-79 ; 1993, II:530 [530-40]) (Quang Toàn)

Bùi Đắc Tuyên là anh cùng mẹ khác cha với Hoàng hậu Phạm Thị và Thượng thư bộ Hình Bùi Văn Nhật. Phạm Thị làm hoàng hậu năm 30 tuổi, sinh ba trai một gái. (Liệt Truyện, q. XXX:15a, 43b-44, 1970, tr. 64-5, 176-79 ; 1993, II:530 [530-40]) (Quang Toàn)

Em là Thù và Bàn. Năm 1790, Càn Long phong Quang Thù làm Thế tử ; sau đổi lại, phong cho Toàn. (Liệt Truyện,

q. XXX:44a, 1970, tr. 178-79 ; 1993, II:530 [530-40])
(Quang Toản)

Năm 1793, sai bọn Ngô Thì Nhậm [Nhiệm] đi sứ cầu phong. Chưa ra khỏi quan ải, Càn Long đã sai Thành Lâm sang Bắc thành phong làm An Nam Quốc Vương. Cho người giả nhận thụ phong. Thành Lâm biết, nhưng im lặng. (Liệt Truyện, q. XXX:44a, 1970, tr. 178-79 ; 1993, II:530 [530-40]) (Quang Toản)

Phong Quang Thùy [Hoàng Thùng ?] làm Khang công, tiết chế các doanh thủy bộ miền bắc

(Liệt Truyện, q. XXX:44b-45a, 1970, tr. 180-83; 1993, 2:530-31 [530-40]) (Quang Toản)

Tháng Năm Nhâm Tý [19/6-18/7/1792]: Thủy quân Tây Sơn cùng hải tặc Tề ngòi vào đánh phá vùng Khang Thuận-Bình Thuận. (2:157-58)

* *Gia Định: Bắt đầu đặt đồn điền.* (2:125)

Tháng 10 [14/11-13/12/1792]:

14/11-13/12/1792 [Tháng Mười Nhâm Tý]:

20/1/1792: *BTHQ de Bertrand gửi cho Thống đốc*

Pondichéry de Fresne yêu cầu giúp Le Fèvre qua gặp chủ là Pigneau ở Cochinchine.

25/11/1792:

* *Macao: Linh mục Guérard báo cáo về tình hình Phú Xuân trong hai năm 1791-1792. (Thư ngày 25/11/1792, Guérard gửi Boiret; AME, Tonkin 692, tr. 397-99)*

Tháng 11 [14/12/1792-11/1/1793]:

14/12/1792-11/1/1793 [Tháng Một Nhâm Tý]:

Sai người đi bắt voi. (2: 1778-1801, 1963 :161)

Theo *Đại Nam Thực Lục*, Nhạc chết vào **tháng 9 Quý Sửu (5/10-3/11/1893)**. Nguyên do cũng vì sự lộng quyền của nhóm Hưng, Huân. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:179)

13/6/1801 [(Ngày Mậu Dần) 3/5 Tân Dậu]: Nguyễn Chung chiếm lại Huế. (2: 1778-1801, 1963 :399)

[Một tài liệu ghi ngày 15/6/1801 Chung tiến vào Huế; thư Barisy ngày 16/7/1801]

V. Nhà NGUYỄN: 1802-1945:

Nguyễn Chung bị đánh đuổi khỏi Gia Định thành, liên kết với hải tặc Hoa, Xiêm La và “Tây dương nhơn”—tức khối Ki-tô giáo bảo bọc Giám Mục Pierre Pigneau, kẻ cả triều đình Pháp. Chung còn xin phụ thuộc vua Xiêm La Rama I (1782-1809)—gọi Rama I là cha, cống hiến hoa

vàng, hoa bạc, cùng cắt đất Hà Tiên, Cầm Bốt và một số đất Lào, để xin quân viện. Đầu năm 1785, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đánh tan lực lượng thủy bộ Xiêm La. Chúng chạy thoát, lưu lạc khắp nơi, rồi cuối cùng chạy sang Bangkok lần thứ hai. Mãi tới năm 1787—sau khi anh em Tây Sơn bắt hòa, Nguyễn Huệ đưa quân vây hãm Hoàng đế thành, rồi phù Lê diệt Trịnh, Nguyễn Huệ mới trốn khỏi Bangkok về Nam Kỳ. Tái chiếm Sài Gòn năm 1789, rồi nhờ lực lượng hải thuyền và khí giới mua của Bri-tên, Portugal [Bồ Đào Nha] bắt đầu phản công. Sau cái chết của Quang Trung Nguyễn Huệ năm 1892, và Nguyễn Nhạc năm 1793, Nguyễn Huệ bắt đầu nương gió mùa mở những cuộc tấn công Thị Nại và Đồ Bàn [Vijaya].

Năm 1801, Nguyễn Huệ tạm tránh tuyên cứng của Tây Sơn tại Thị Nại, chấp nhận thí một vài con chốt như Võ Tánh và Ngô Tòng Châu, vòng ra phía bắc tái chiếm Huế, định bắt lấy con tướng Quang Toàn, vua thứ hai của Tây Sơn được Càn Long phong tước An Nam Quốc Vương năm 1892. Quang Toàn bỏ chạy vội vã đến không kịp mang theo ấn tín nhà Thanh. Ngày 1/6/1802 (2/5 năm Nhâm Tuất), Huệ lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Gia Long—chính thức bỏ lớp mặt nạ phò Lê. (ĐNTLCB, I, 3: 1802-1808, 1963:23) Sau đó mang quân ra bắc, chấm dứt nhà Tây Sơn trong vòng một [hai] tháng. Trở lại Huế, tháng 11 làm lễ dâng tù binh lên thái miếu.

Năm 1801, Nguyễn Huệ tái chiếm Huế. Năm sau, ngày 1/6/1802 [2/5 Nhâm Tuất] lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Gia Long. (ĐNTLTB, I, 11-12, 1962, & ĐNTLCB, I, 2:1778-1801, 1963:27, & 3: 1802-1808, 1963:23)

Ban chiếu: *Kinh Xuân Thu* trọng nghĩa nhất thống là để chính danh nghĩa khi mở đầu. Từ tiên thái vương ta dựng nên ở miền Nam, thần truyền, thánh nối đã 200 năm. Gần đây Tây Sơn nổi loạn, vận nhà Lê đã hết, hơn vài mươi năm trong nước không có chính thống. Năm Canh Tý [1780] ta mới ở thành Gia Định, được các tướng sĩ suy tôn, đã lên ngôi vương để giữ lòng người. Duy đô cũ còn chưa phục, nên còn theo niên hiệu cũ [nhà Lê] (ĐNTLCB, I, 3:1802-1808, 1963:23-4)

Tháng 5 Đinh Sửu [15/7-13/6/1817], Gia Long lại tuyên bố: Lấy được cơ nghiệp từ Tây Sơn, không phải nhà Lê. [Việc Lê Duy Hoán mưu với con Nguyễn Văn Thành là] phản nghịch. (ĐNTLCB, I, 4: 1809-1820, 1963, 1963:321-22)

I. THỂ TỔ CAO HOÀNG ĐẾ GIA LONG (1/6/1802-3/2/1820):

1/6/1802 [2/5 Nhâm Tuất]- **28/6/1806** [12/5 Bính Dần],
Hoàng đế-**3/2/1820** ([Đinh Mùi] 19/12 Kỷ Mão) (ĐNTLCB,
I, 4:1809-1820, 1963:398)

Nguyễn Ánh [bên trái chữ **Nhật**, bên phải chữ **Anh**], tự
Chung (**8/2/1762-3/2/1820**) [[Chung: bên trái chữ **Nhật**
[Thái], bên phải chữ **Trọng** [ThC 706]; có nghĩa là **mặt trời**
khi giữa trưa], **Chuông**, hay **Noãn** [Noãn : bên trái chữ **Nhật**,
bên phải chữ **viên**]. Cao Xuân Dục, *Quốc Triều Chính Biên*
Toát Yếu [QTCBTY] (Sài Gòn: NCLS, 1971), tr. 7 [tóm lược
từ Gia Long tới Đồng Khánh, 14/9/1885-28/1/1889. Dục là
tể tử Quốc tử Giám, Thương thư bộ Học, tổng tài biên soạn
ĐNTLCB, Kỷ V: Kiến Phước]. Chữ viết ký húy **bỏ bộ Nhật**
[Thái] trong các truyền bản ĐVSKTT in lại thời Tự Đức.

Sinh ngày **8/2/1762** (15/1 năm Nhâm Ngọ). Con thứ ba
Nguyễn Phước Luân (1733-1765), tức Nguyễn Phước Kỳ.
Mẹ họ Nguyễn, con Nguyễn Phúc Trung, người làng Minh
Linh, phủ Thừa Thiên (không rõ có liên hệ gia tộc với nhà
chúa hay chăng), sau được truy phong Hưng tổ Hiếu Khang
Hoàng hậu (1738-1811). Thường gọi là Từ Cung.
(ĐNCBLT, q. I, V (1993), 2:17-23, 82; ĐNTLCB, I, 4:
1809-1820,, 1963:127 [chết ngày 30/10/1811 (Kỷ Sửu [14],
tháng 9 Tân Mùi), thọ 74 tuổi).

Ngày 1/6/1802 (2/5 Nhâm Tuất), lên ngôi vua. Đặt niên
hiệu Gia Long. (ĐNTLCB, I, 3: 1802-1808, 1963:23) Ngày
28/6/1806 [12/5 Bính Dần], tự xưng Hoàng đế. (ĐNTLCB, I,
3: 1802-1808, 1963: 262, 283)

Ở ngôi 17 năm, mất ngày **3/2/1820 ([Đinh Mùi] 19/12**
Kỷ Mão), thọ 57 tuổi. (ĐNTLCB, I, 4: 1809-1820,,
1963:398) [Chaigneau ghi là ngày 2/2/1820] Giữ chức chúa
22 năm (1780-1802); cai trị lâu nhất, 39 năm.

Có 13 con trai. Cảnh (1780-1801), Hy (1782-1801),
Tuấn, Đài (1794-1849), Tấn (1799-1848), Phó (1799-1860),
Chấn (1803-1824), Quân (1809-1829), Cự, Quang.
(ĐNCBLT, 1993, II:44-63) 18 con gái. (ĐNCBLT, 1993,
2:67-70)

ĐNTLCB, I, 1:27 [Tự điển Thiệu Chử ghi Chung bộ
Hòa, ThC 449; chữ viết ký húy trong ĐVSKTT, những bản
Quốc Tử Giám Huế từ Minh Mạng tới Tự Đức; chữ **“Miên”**
[ThC 491, bộ Mịch] và **“Tông.”** [ThC 141, bút nét] húy
Thiệu Trị ; chữ **“hạo”** [ThC 421, bộ Bạch, trắng, sáng]
thay cho chữ **Hiệu** [ThC 203, bộ Tâm], húy Minh Mạng.
Thời hay **thì** bỏ bộ nhật, đời Tự Đức; Phan Huy Lê, 2009, tr.
71, 72.

Mang quân ra Bắc, diệt nhà Tây Sơn trong vòng một
tháng. Sai **Trịnh Hoài Đức**, Thượng thư Bộ Hộ, đi Quảng

Đông trao trả ấn tín nhà Thanh đã phong cho Tây Sơn. Phái đoàn có Ngô Nhân Tĩnh (Tham tri bộ Binh), và Hoàng Ngọc Uẩn (Tham tri bộ Hình) (ĐNTLCB, I, 3: 1802-1808, 1963:29-30; Khâm Định Đại Nam Hội Điển sự lệ).

Sai **Trịnh Hoài Đức**, Thượng thư Bộ Hộ, đi Quảng Đông trao trả ấn tín nhà Thanh đã phong cho Tây Sơn. Phái đoàn có Ngô Nhân Tĩnh (Tham tri bộ Binh), và Hoàng Ngọc Uẩn (Tham tri bộ Hình). (ĐNTLCB, I, 3: 1802-1808, 1963:29-30; Khâm Định Đại Nam Hội Điển sự lệ). [Tháng 11 Nhâm Tuất [25/11-24/12/1802], lại sai **Lê Quang Định** đi sứ, xin lấy quốc hiệu là **Nam Việt**].

Cải tổ triều chính:

Bãi bỏ “nhà công đồng” áp dụng tại Gia Định từ tháng 9/1788. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:77)

Triều đình chia làm 6 bộ:

- Lại: Phụ trách quan văn, nội chính
- Hộ: Phụ trách tài sản, thuế má
- Lễ: Phụ trách lễ nghi, giáo dục
- Binh: Quân đội, quốc phòng
- Hình: Pháp luật
- Công: Xây dựng, tu bổ đường xá

Đứng đầu mỗi bộ là một thượng thư. Phụ tá có:

- Tham tri: 1 (phụ tá có Tham bồi và triều ban).
- Thiêm sự: 4
- Câu kê và Cai hợ: 2
- Thủ hợ:
- Lệnh sử ty

Các bộ đặt tại phường Liêm Năng và Thận Cần. Năm 1827 mới dời đi.

Ngoài ra, còn các cơ quan sau:

- **Văn Thư Phòng**: Do Thượng bảo khanh và Thượng bảo thiếu khanh phụ trách (Năm 1831, Minh Mạng đổi thành Nội các).

- **Thái Y viện**

- **Nội đồ gia** (Minh Mạng đổi thành Nội vụ phủ)

Đô ngự sử: Đề can gián vua (Năm 1832 đổi làm Đô sát viện).

Ty Bưu chính: Đệ tâu các biểu chương (1834: đổi làm Ty Thông chính sứ).

Tào chính: Phụ trách tàu bè, thuế má, do Tào chính sứ cầm đầu.

[**Tháng 6 Quý Hợi [19/7-16/8/1803]**: Lấy **Nguyễn Đức Xuyên** cai quản tàu vụ. (ĐNTLCB, I, 3: 1802-1808, 1963:131)]

Tháng 2 Nhâm Tý [12/3-10/4/1792: **Phạm Văn Nhân**, cai tàu vụ (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:164); **Tháng 8 Bính**

Thìn (1786), Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Thận làm Phó (ĐNTLCS, I, 2: 1778-1801, 1963:242); Tháng 11 Kỷ Mùi [27/11-25/12/1799]: Lê Văn Duyệt (ĐNTLCS, I, 2: 1778-1801, 1963:337)]

- Quốc tử giám
- Khâm thiên giám: thiên văn, soạn lịch.
- Hàn Lâm Viện: phụ trách từ hàn của triều đình.
- Thái thường tự: Lo việc tế lễ.

Chia miền Trung làm 7 trấn và 4 doanh:

7 Trấn: Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Bình Hòa, Bình Thuận.

Đứng đầu mỗi trấn là Trấn thủ (Lưu trấn), giúp việc có Cai bạ và Ký lục. Dưới trấn chia làm phủ, huyện, châu.

Từ Nghệ An, Thanh Hoá ra 5 nội trấn Bắc thành, mời các quan nhà Lê ra cầm quyền. Các trấn khác bổ nhiệm người bản xứ.

4 Doanh: trực thuộc kinh kỳ. Gồm Quảng Đức (Thừa Thiên), Quảng Trị, Quảng Bình và Quảng Nam.

Tại các địa phương:

1. Bắc thành: Cho Nguyễn Văn Thành làm Tổng trấn.

Phụ tá có 3 tào; sau đổi làm 6 tào tương ứng với 6 bộ ở kinh thành. Đứng đầu mỗi tào là một Tham tri.

Toàn bộ Bắc thành chia làm 11 trấn. Gồm 5 nội trấn (Sơn Nam thượng, Sơn Nam hạ, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương), và 6 ngoại trấn (Tuyên Quang, Hưng Hoá, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Yên).

2. Gia Định thành: Đặt chức lưu trấn. Năm 1808 mới cử Nguyễn Văn Nhân làm Tổng trấn.

Cấp "lộc điền" cho các tướng sĩ có công trận.

23/2/1804 [Ngày Quý Mão, 13/1 Giáp Tý]: Sứ nhà Thanh là Tề Bô Sâm, án sát Quảng Tây, đến Hà Nội làm lễ tuyên phong Gia Long làm Việt Nam Quốc Vương.

Dụ của *Ái Tân Giác La Ngung Diễm* (niên hiệu Gia Khánh [*Jiaqing*]), tức Thanh Nhân Tông, 1796-1820 (1822?): "Đặt chữ Việt lên trên, tỏ ý vẫn theo cương thổ đời trước, đặt chữ Nam ở dưới để biểu dương phiên quốc mới được sắc phong." [mà đối với với tên gọi cũ của Lương Việt lại phân biệt hẳn]; (ĐNTLCS, I, 3:1802-1808, 1963:157-58; Bửu Cầm, tr. 108)

Sai bọn Lê Bá Phẩm, Trần Minh Nghĩa, Nguyễn Đăng Đệ đi sứ tạ ơn và cống lễ. 2 năm cống một lần. Bốn năm gom lại đi sứ một lần. (ĐNTLCS, I, 3:1802-1808, 1963:157-58;

28/3/1804 [Đinh Sửu 17/2 Giáp Tý]: Huế: Gia Long làm lễ Thái Miếu, tuyên bố quốc hiệu là Việt Nam. (ĐNTLCS, I,

3:1802-1808, 1963:169-70) **Ra Chiếu về quốc hiệu Việt Nam (Việt Thường), không được xưng An Nam nữa.**

Báo tin cho các nước lân bang Xiêm La, Lữ Tống cùng các thuộc quốc Chân Lạp, Vạn Tượng]; (ĐNTLCB, I, 3:1802-1808, 1963:169-170; Bửu Cầm, tr. 108; QTCBTY 1971:58-9).

Xem thêm **II**, 22:1840, 1969:362 [Tháng Chạp Canh Tí, 24/12/1840-22/1/1841]: Bàn luận việc nhà Thanh xếp sứ Việt dưới các nước Cao Ly, Nam Chương, Xiêm La, Lưu Cầu. (**II**, 22:1840, 22, 1969:362; Woodside, 1971:)

Thứ Bảy, 28/6/1806 [Ngày Kỷ Mùi [12]/5 Bính Dần]: Gia Long lên ngôi Hoàng đế. Từ ngày 23/6/1806 [7/5] đã làm lễ cáo trời đất. Ngày 25/6/1806 [9/5] kính cáo các đền miếu. (ĐNTLCB, I, 3: 1802-1808, 1963:283-85)

Mỗi tháng 2 kỳ đại triều: Ngày 1 và 15 ở điện Thái Hòa. Thường triều ngày 5, 10, 20, 25 tại điện Cần Chánh. **Tứ phẩm trở lên.** (ĐNTLCB, I, 3: 1802-1808, 1963:283-86)

Tháng Một Ất Sửu [21/12/1805-19/1/1806]: Vua vời **Phạm Đăng Hưng** vào châu. Bàn về đạo cai trị "vô vi nhi trị" của Nghiêu Thuấn. Tiến cử sách *Đại học điển nghĩa*. (ĐNTLCB, I, 3: 1802-1808, 1963:254)

Cho lệnh đốc học Quốc tử Giám Hồ Công Diệu bồi dưỡng nhân tài, châm chước lấy người đậu, miễn binh dịch, dao dịch cho học trò (ĐNTLCB, I, 3: 1802-1808, 1963:255)

Ngày 26/1/1820 [Kỷ Hợi, 11/12 Kỷ Mão] Gia Long truyền ngôi cho **Thái tử Đảm**, tức **Hiệu**, với sự chứng kiến của **Lê Văn Duyệt** và **Phạm Đăng Hưng**. Tả quân Duyệt được giao cai quản cả ngũ quân. (ĐNTLCB, I, 4: 1809-1820, 1963:398)

Ngày 3/2/1820 [Đinh Mùi, **19/12 Kỷ Mão**], Gia Long mất. Thọ 58 tuổi. (ĐNTLCB, I, 4: 1809-1820, 1963, 1963:398)

14/2/1820: Nguyên đán Canh Thìn [Mậu Ngọ]. Hoàng tử Đảm làm lễ đăng quang, tức Minh Mạng (1820-1841). (ĐNTLCB, I, 4: 1809-1820, 1963, 1963:399)

II. Thánh Tổ, MINH MẠNG (14/2/1820 -20/1/1841)
14/2/1820 [Mậu Ngọ (1/1) Tết Canh Thìn]-**20/1/1841** [28/12 Canh Tí]

Nguyễn Phước Đảm [trái chữ **Nhật**; phải chữ **Thiệm**], tự **Hiệu** [trái chữ **Nhật**; phải chữ **Giao** [ThC 203, bộ Tâm)]; (**25/5/1791** [Đinh Mão [23]/4 Tân Hợi]- **20/1/1841** [28/12 Canh Tí], (QTCBTY, 1971:107)

Sinh ngày **25/5/1791** [Đinh Mão [23], tháng 4 năm Tân Hợi (3/5-1/6/1791)] tại thôn Tân Lộc, Sài Gòn. Sau này lập chùa Khải Tường ở đó.

[Mẹ là con gái Trần Hưng Đạt, thượng thư bộ Lễ, gốc làng Văn Xá, Thừa Thiên. Vợ thứ hai của Gia Long, sau được sắc phong Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (1768-1846, nguyên là người hầu của Hiếu Khang Hoàng hậu (mẹ Gia Long). Nạp phi năm 1781, khi mới 14 [13] tuổi. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:138) Sinh được 4 trai: **Đám** (1791-1841), **Đài** (chết 1849), **Hiệu** (chết sớm), **Chân** (chết 1824). 1821: Tấn tôn làm Hoàng Thái hậu. 1841: Thái hoàng thái hậu.

2-30/9/1845 [Tháng Tám Ất Tị]: Thiệu Trị có **cháu đích tôn**. Sau khi con trưởng vợ thứ là Hường Bảo sinh con, Thiệu Trị đặt tên là **Ứng Phúc**, cho ẩm vào cung Từ Thọ của Thái Hoàng Thái hậu nuôi nấng, thương cho rất nhiều. Thiệu Trị đặc cách cho lương hoàng trưởng tôn, vì ngũ đại đồng đường. Xưa nay, hoàng tôn chỉ được lương sau 3 tuổi. (*ĐNTLCB*, III, 25:1844-1845, 1971:312-13)

Vua sai bộ Lễ làm **lễ tiên tôn**. 30/11/1845 [ngày Ki Mùi (2) tháng 11 Ất Tị [29/11-28/12/1845]: Lễ ngũ đại đồng đường. (*ĐNCBLT*, I, q 5; (Huế, 1993), 2:84-6 (Đạt)) Tháng Một Ất Tị [29/11-28/12/1845]: lễ “tiên tôn” [giới thiệu cháu nội lên tổ tiên]. Dâng sách vàng. Ban chiếu 25 điều. (*ĐNTLCB*, III, 25:1844-1845, 1971:357-62)

25/5-23/6/1846 [Tháng Năm Bính Ngọ]: Thiệu Trị đặt **yến “ngũ đại đồng đường.”** (*ĐNTLCB*, III, 26:1846-1847, 1972:63)

Vua cày tịch điền. Hường Bảo được theo đi cày. (*ĐNTLCB*, III, 26:1846-1847, 1972:80-1)

Ngày 20/10/1846 [1/9 Bính Ngọ], Thiệu Trị và Hường Bảo làm lễ tạ ơn Thái Hoàng thái hậu khỏi bệnh; nhưng thái hậu đột ngột qua đời ngày **6/11/1846** [18/9 Bính Ngọ], thọ 78 tuổi. Đám tang do Tôn Thất Bật và Đào Trí Phú phụ trách. *ĐNTLCB*, III, 26: 1846-1847, 1972:157-59. Bật là cựu Tổng đốc Hà Nội, về làm Thống lĩnh, thự Tổng đốc Quảng Nam sau cuộc bắn phá của chiến hạm Pháp năm 1847. Đào Trí Phú thì bị dân kiện, bị hạ ngục, rồi lãng trí trong vụ án “làm loạn” của Hường Bảo (1825-1854) năm 1854.

Được lập làm thái tử ngày **5/7/1816** ([ngày Kỷ Mùi, tháng 6 Bính Tí]; *ĐNTLCB*, I, 4: 1809-1820, 1963:255).

Ngày 26/1/1820 [11/12 Kỷ Mão] *Gia Long truyền ngôi cho Đám*, với sự chứng kiến của **Lê Văn Duyệt** và **Phạm Đăng Hưng**. Tả quân Duyệt được giao cai quản cả ngũ quân.

Ngày 3/2/1820 [19/12 Kỷ Mão], Gia Long mất. Thọ 58 tuổi. (ĐNTLCSB, I, 4: 1809-1820, 1963:398)

Ngày 14/2/1820 [Tết (1/1) Canh Thìn], Đảm lên ngôi, tức Minh Mạng (1820-1841). (ĐNTLCSB, I, 4: 1809-1820, 1963:399) Ở ngôi gần 20 năm, mất ngày 20/1/1841 (28/12 Canh Tí), thọ 50 tuổi. (ĐNTLCSB, II, 22:1840, 1969:388; III, 23, 1970:30)

Có 142 con, 78 trai, 64 gái. (ĐNTLCSB, II, 22:1840, 1969:388; ĐNCBLT, II, q 6, 7, 8 & 9 (1993), 3:82-152, 171-191)

Thọ Xuân vương Miên Định, thứ ba; mẹ là gia phi họ Phạm, Tuy Viễn, Bình Định, ĐNCBLT, II, q 5 (1993), 3:82-95.

Phú Bình Công Miên Áo, con thứ 6 (cha Hường Tập); ĐNCBLT, II, q 5 (1993), 3:99-100.

Tùng Thiện vương Miên Thâm, con thứ 10 (giỏi thơ văn, cha vợ Đoàn Trung; ĐNCBLT, II, q 5 (1993), 3:101-6.

Tuy Lý vương Miên Trinh, con thứ 11; ĐNCBLT, II, q 6 (1993), 3:108-13; con là Hường Tu, Hường Sâm, 3:113-16.

Hoài Đức Quận Công Miên Lâm, con thứ 57; phụ chính thân thần của Hàm Nghi; 3:145-16.

[Léon Pagès ghi vua té ngựa chết ngày 21/1/1841, sau lễ thượng thọ 50 tuổi (đã cử hành vào tháng 5/1840). Petrus Key cũng ghi là chết vì té ngựa ngày 21/1/1841].

Lên ngôi khi đã ba chục tuổi, vua Minh Mạng thừa hưởng một vương quốc khá hùng mạnh. Ngầm so sánh mình với những vua khai nghiệp cổ thời Trung Hoa, hay Lê Thánh Tôn, và nuôi tham vọng xây dựng cơ nghiệp nhà Nguyễn ít nữa cũng vài chục đời, Minh Mạng thực hiện nhiều cải cách đáng kể.

Tết Quý Mùi [11/2/1823], Minh Mạng dựa theo kinh nghiệm của vua Hường Võ, tức Thanh Thái Tổ, người sáng lập nhà Thanh (1368-1644), viết ra một loạt những bài kệ để đặt tên cho các thế hệ con cháu mình. Vua chọn 20 chữ có bộ Nhật, dùng làm tên "thánh" (húy) cho những người kế vị. Thí dụ như tên thánh của Miên Tông (Thiệu Trị) là "Dung" []; Hường Nhiệm (Tự Đức) là "Thì" []; Hường Dật [Hiệp Hòa] là "Thăng" []; Ứng Đăng [Kiến Phước], "Hạo" hay "Hiệu" []; Ứng Lịch [Hàm Nghi], "Minh" []; Ứng Đường [Đông Khánh], "Biện" []; Bửu Lân (Thành Thái), "Chiêu" []; Vĩnh San (Duy Tân) là "Hoăng" [briller]; Bửu Đảo (Khải Định) là "Tuấn" []; và Vĩnh Thụy (Bảo Đại), "Điện/Điện." []. Những tên húy này chép trong tập Ngự chế để hệ kim sách hoàn tất vào tháng 3 [11/4-

10/5/1823]; ĐNTLCB, II, 6: 1822-1823, 1963:169-73; QTCBTY, 1971:122.

Con cháu trực tiếp của dòng Minh Mạng mỗi đời được ban cho một tên đệm riêng (thường được dùng làm họ), theo thứ tự như sau: **Miên** [bộ Miên], **Hùng** [Hùng, bộ nhân đứng], **Ứng** [bộ Kỳ], **Bửu** [bộ Miên], **Vĩnh** [bộ Ngọc], **Bảo** [bộ Phụ], **Quý** [bộ nhân đứng], **Định** [bộ Ngôn], **Long** [bộ Tài], **Trường** [bộ Hòa], **Hiền** [bộ Hối], **Năng** [bộ Lực], v.. v.. Dòng dõi của Hoàng tử Cảnh thì có tên đệm *Mỹ, Duệ, Tăng, Cường, Tráng, Liên, Huy, Phát, Bội, Hương*, v.. v.. (40)

40. ĐNTLCB, II, 6: 1822-1823, 1963:169-73; QTCBTY, 1971:122. Xem thêm “Monographie sur l'Etymologie et la composition des noms des membres de la famille royale (1915);” CAOM (Aix), GGI, 9605.

Chữ viết ký húy Minh Mạng : chữ “hạo” [ThC 421, bộ Bạch, trắng, sáng] thay cho chữ Hiệu [ThC 203, bộ Tâm].

Từ thập niên 1830, vua tổ chức lại guồng máy hành chính theo kiểu nhà Thanh: lập “*nội các*” giúp việc thư phòng, và theo dõi hoạt động của “*lục bộ*,” đặt các chức Tổng đốc, Tuần vũ (tuần phủ), Bố chính, Án sát ở cấp tỉnh, hay Tri phủ (tùng ngũ phẩm), Tri huyện (tùng lục phẩm tới thất phẩm), Tri [Thỏ] châu v..v... ở cấp thấp hơn. (ĐNTLCB, II, 8: 1826-1827, 1964:318; 9: 1828-1829, 1964:349, 354, 11: 1832, 1964:151-156; 15: 1834b, 1966:334-337).

Ngày 27/3/1838 [Giáp Tuất, mùng 2/3 Mậu Tuất]: Minh Mạng xuống Dụ định quốc hiệu là Đại Nam. Hay, Đại Việt Nam cũng được. Quyết không được dùng Đại Việt. Vì lịch đã in, bắt đầu từ năm Minh Mạng 20 (14/2/1839: Nguyên đán Kỷ Hợi) sẽ chính thức phát lịch. Trong khi chờ đợi, in 3,000 cuốn tạm phát cho các quan viên. (ĐNTLCB, II, 20: 1838, 1968:65-6)

24/2/1838 [Tháng Hai Mậu Tuất]: Cấm lưu trữ Lê sử tục biên vì như vậy là đề cao họ Trịnh. (ĐNTLCB, II, 20: 1838, 1968:61)

20/8-18/9/1838 [Tháng 7 Mậu Tuất]: Minh Mạng cho lệnh phân tán [sai tháp] con cháu nhà Lê. Hồ Hựu đề nghị xuyên lỗ tai, đeo vòng làm dấu. Vua không thuận. (ĐNTLCB, II, 20: 1838, 1968:192-93) Minh Mạng luận về võ nghệ và súng đạn. (20: 1838, 1968:195)

* Nam-Định/Hung-Yên: Tổng đốc Lê Văn Đức xin lập chức **Tổng giáo** tại các huyện có người theo đạo Gia-tô để dạy bảo.

Vua thuận. Tổng giáo sẽ dạy 10 điều huấn dụ; sau đến đạo lý Nho gia. Trong 4 phủ, 18 huyện, chỉ có Tiền Hải

mới đặt không theo Gia-tô tả đạo, còn 17 huyện, 257 xã thôn, đặt 39 tổng giáo. (ĐNTLCB, II, 20: 1838, 1968:192)

26/3-23/4/1838 [Tháng 3 Mậu Tuất]: Bàn việc viết sử. Chê sử nhà Lê chép theo sử Tàu về hình dạng Lê Tương Dực. (ĐNTLCB, II, 20: 1838, 1968:76)

[Pagès ghi vua té ngựa chết ngày 21/1/1841, nhân dịp lễ thượng thọ 50 tuổi. Lễ thượng thọ đã cử hành vào tháng 5/1840. Petrus Key ghi là chết vì té ngựa ngày 21/1/1841].

ĐNTLCB, I, 1:27 [Tự điển Thiệu Chử ghi Chung bộ Hòa, ThC 449; chữ viết ký hủ trong ĐVSKTT, những bản Quốc Tử Giám Huế từ Minh Mạng tới Tự Đức; chữ “**Miên**” [ThC 491, bộ Mịch] và “**Tông**,” [ThC 141, bút nét] hủ Thiệu Trị ; chữ “**hạo**” [ThC 421, bộ Bạch, trắng, sáng] thay cho chữ **Hiệu** [ThC 203, bộ Tâm], hủ Minh Mạng ; **Thòi** hay **thì** bỏ bộ nhật, đời Tự Đức; Vũ Ngự Chiêu, *Các vua cuối nhà Nguyễn, 1883-1945*, 3 tập (Houston : Văn Hóa, 1999-2000), tập I ; Phan Huy Lê, 2009, tr. 71, 72.

III. HIẾN TỔ, THIỆU TRỊ (11/2/1841-4/11/1847)

11/2/1841 [20/1 Tân Sửu]- 4/11/1847 [27/ 9 Đinh Mùi], Tên thánh là **Miên Dung** hay **Dong** [trên chữ **Nhật**, dưới chữ **Dung**], do ông nội đặt năm 1807. (QTCBTY, 1971:237), tự **Tông** [trên chữ **Miên**; dưới chữ **Ký**] (**16/6/1807** [11/5 Đinh Mão]- **4/11/1847** [27/ 9 Đinh Mùi]); tự **Tuyền** [trái chữ **Nhật**; phải, chữ **Tuyền**].

Chữ viết ký hủ Thiệu Trị, chữ “**Miên**” [ThC 491, bộ Mịch] và “**Tông**,” [ThC 141, bút nét]

Sinh ngày **16/6/1807** [11/5 Đinh Mão], tại ấp Tân Lộc, phía đông kinh thành; sau là nơi dựng chùa Diệu Đế; (ĐNTLCB, III, 23:1841, 1970:29; QTCBTY, 1971:237; BAVH, 21:3 (7-9/ 1934), tr. 212n1; cited R. Orband, *Les tombeaux des Nguyen*, BEFEO, 1914)

Con trưởng Minh Mạng. Mẹ là Hồ Thị Hoa (1791-28/6/1807), gốc Bình An, trấn Biên Hòa, chết sớm, sau khi sinh được 12 ngày (23/5 Đinh Mão, tức 28/6/1807). (ĐNTLCB, III, 23: 1841, 1970:29) *Sau được truy phong Tá Thiên Nhân hoàng hậu. Hoa là con Hồ Văn Bôi, tức trực đội trưởng của Gia Long. Hai lần theo Chung qua Xiêm. Sau lên tới chức Khâm sai thuộc nội chương cơ.* (ĐNCBLT, Nhị tập, q. I, (1993), 3:15);

Lên ngôi ngày **11/2/1841** [20 [Bính Ngọ] tháng Giêng Tân Sửu]. (ĐNTLCB, II, 22: 1840, 1969:387-88; & III, 23: 1841, 1970:30-1) Lấy niên hiệu là Thiệu Trị

(1841-1847) từ ngày này. Ban chiếu 23 điều. Tha thuế, tha tù, v.. v... (ĐNTLCB, III, 23: 1841, 1970:52-6) Mất ngày 4/11/1847 [27/ 9 Đinh Mùi], thọ 40 tuổi. (ĐNTLCB, III, 26: 1846-1847, 1972:390-92) **Miếu hiệu là Hiến Tổ.**

Vợ là **Phạm Thị Hằng** (Từ Dụ, 10 [20]/6/1810 [9? [19]/5 Gia Long IX]-22/5/1901 [5/4 Tân Sửu, Thành Thái XIII]); con Phạm Đăng Hưng, quê ở Gò Công, Gia Định. (ĐNLTCB, Nhị tập, q 2 & 3 (1993), 3:25-64). Sinh hai công chúa và Hường [Hồng, bộ nhân đứng] Nhiệm, tức Tự Đức.

Vợ nhỏ [cô của Phạm Thị Hằng (?], sinh ra Hường Bảo (29/4/1825-1854).

[Mẹ là con gái Trần Hưng Đạt, thượng thư bộ Lễ, gốc làng Văn Xá, Thừa Thiên. Vợ thứ hai của Gia Long, sau được truy phong Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (1768-1846, nguyên là người hầu của Hiếu Khang Hoàng hậu (mẹ Gia Long). Nạp phi năm 1781, khi mới 14 [13] tuổi. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:138)

Sinh được 4 trai: **Đảm** [1791], **Đài** (chết 1849) **Hiệu** (chết sớm), **Chấn** (chết 1824). 1821: Tấn tôn làm Hoàng Thái hậu. 1841: Thái hoàng thái hậu.

2-30/9/1845 [Tháng Tám Ất Tị]: Thiệu Trị có **cháu đích tôn**. Sau khi con trưởng vợ thứ là Hường Bảo sinh con, Thiệu Trị đặt tên là **Ứng Phúc**, cho ẵm vào cung Từ Thọ của Thái Hoàng Thái hậu nuôi nấng, thương cho rất nhiều. Thiệu Trị đặc cách cho lương hoàng trưởng tôn, vì ngũ đại đồng đường. Xưa nay, hoàng tôn chỉ được lương sau 3 tuổi. (ĐNTLCB, III, 25:1844-1845, 1971:312-13)

Vua sai bộ Lễ làm **lễ tiến tôn**. 30/11/1845 [ngày Ki Mùi (2) tháng 11 Ất Tị [29/11-28/12/1845]: Lễ ngũ đại đồng đường. (ĐNCBLT, I, q 5; (Huế, 1993), 2:84-6 (Đạt)) Tháng Một Ất Tị [29/11-28/12/1845]: Vua làm lễ “tiến tôn” [giới thiệu cháu nội lên tổ tiên]. Dâng sách vàng. Ban chiếu 25 điều. (ĐNTLCB, III, 25:1844-1845, 1971:357-62)

27/1-25/2/1846 [Tháng Giêng Bính Ngọ]: Thiệu Trị phong **Thành phi Phạm thị Hằng [mẹ Hường Nhiệm] thành Quý phi**. (ĐNTLCB, III, 26:1846-1847, 1972:15-6)

25/5-23/6/1846 [Tháng Năm Bính Ngọ]: Thiệu Trị đặt **yến “ngũ đại đồng đường.”** (ĐNTLCB, III, 26:1846-1847, 1972:63)

Vua cày tịch điền. Hường Bảo được theo đi cày. (26:1846-1847, 1972:80-1)

Ngày 20/10/1846 [1/9 Bính Ngọ], Thiệu Trị và Hường Bảo làm lễ tạ ơn Thái Hoàng thái hậu), mẹ sinh

Minh Mạng, *bà nội Thiệu Trị*, khỏi bệnh; nhưng thái hậu đột ngột qua đời ngày **6/11/1846** [18/9 Bính Ngo], thọ 78 tuổi. Đám tang do Hậu quân Đô thống Tôn Thất Bật và Đào Trí Phú phụ trách. (ĐNTLCB, III, 26: 1846-1847, 1972:157-59. Bật là cựu Tổng đốc Hà Nội, làm thự Tổng đốc Quảng Nam sau cuộc bắn phá của chiến hạm Pháp năm 1847. Đào Trí Phú thì bị dân kiện, bị hạ ngục, rồi lảng trí trong vụ án “làm loạn” của Hường Bảo (1825-1854), con trưởng Thiệu Trị.

9/9-8/10/1847 [Tháng Tám Đinh Mùi]: Hường Nhiệm (1829-1883) bị bệnh đậu mùa. Khỏi bệnh, Thiệu Trị cho một bộ Ngự chế Chỉ thiện đường hội tập. (ĐNTLCB, III, 26:1846-1847, 1972:374-75) Nhiệm là con Phạm Thị Hằng (Từ Dụ), cháu ngoại của Phạm Đăng Hưng, quê ở Gò Công (Gia Định).

Tháng Tám Đinh Mùi [9/9-8/10/1847]: Viện Cơ Mật xin in tập thơ Vũ công của Thiệu Trị (11/2/1841-4/11/1847), vì nhà vua “**đức cao hơn những đời chuông văn, đạo thịnh hơn những đời chuông võ.**” Từ khi lên ngôi, “**phong hóa lan khắp, đạo trị quang minh, trong thì nhân dân nhảy múa mừng Xuân, ngoài thì phương xa lặn lội đến cống, đùn đùn như mây Đường Nghiêu bay, sang sáng như đàn Ngu Thuấn gảy.**” (ĐNTLCB, III, 26: 1846-1847, 1972:368-374)

Ca ngợi công lao gìn giữ Cao Miên. (ĐNTLCB, III, 26: 1846-1847, 1972:369-74) Vua phê: Được [Khả].

13/10/1847: Thiệu Trị ngã bệnh. Hôm sau khá hơn. Ngày 14/10, thiết triều. Sau đó lại bệnh nặng hơn. [Xem 25/10/1847]

25/10/1847 [ngày Quý tị, 17/9 Đinh Mùi]: Thiệu Trị bí mật lập "di chiếu" đưa Phước Tuy Công Hường Nhiệm lên ngôi. Gọi bốn [4] đại thần là Trương Đăng Quế (1794-1865), Võ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương (1800-1873) và Lâm Duy Thiệp [Hiệp] đến bên giường bệnh, cho biết muốn lập con thứ hai là Nhiệm thay vì con trưởng là An Phong Công Hường Bảo. “Hường Bảo tuy lớn, nhưng là con vợ thứ, mà lại ngu độn, ít học, chỉ ham vui chơi, không thể để cho kế thừa nghiệp lớn được.” Ngoài triều đình không ai hay biết. (ĐNTLCB, III, 26:1846-1847, 1972:389, 392; IV, 27:1848-1853, 1973:32-33)

Ngày **1/3/1842**, dù muốn cho Hoàng tử thứ hai là Hường Nhiệm làm lưu kinh khi ra Bắc nhận lễ thụ phong của nhà Thanh, Thiệu Trị theo ý Thái hoàng Thái hậu cho An Phong đình hầu Hường Bảo, 18 tuổi, làm Lưu kinh. Theo vua, **"Hường Bảo tuy tuổi đã lớn, nhưng**

không có học, kiến văn hẹp hòi, e khó làm xong công việc." Bởi thế, mang Từ Dũ và Hường Nhiệm theo. Hộ giá có Trương Đăng Quế. (ĐNTLCB, III, 24: 1842-1843, 1971:25; ĐNCBLT, II, q 2 (1993), 3:20-2)

Có 54 con, gồm 29 hoàng tử, 25 hoàng nữ.

(ĐNTLCB, III, 26: 1846-1847, 1972:390) Đa số có truyện trong Chính Biên Liệt Truyện, nhị tập, quyển 8, 9 và 10; ĐNCBLT, II, (1993), 2:153-203. Công chúa út là vợ Nguyễn Lâm, con trai Nguyễn Tri Phương, bị tử trận ngày Pháp chiếm thành Hà Nội lần thứ nhất, 20/11/1873. Một tháng sau, ngày 20/12/1873, Võ Hiến Đại học sĩ Phương tử trận vì không chịu chữa vết thương ở đùi. ĐNCBLT, II, (1993), 2:202-3; ĐNTLCB, IV, [q 49] 32: 1870-1873, 1972:336, 349)

Hai hoàng tử của Hiến Tổ lên ngôi vua là Hường Nhiệm (Tự Đức, 10/11/1847-19/7/1883), và Hường Dật (Hiệp Hòa, 30/7-29/11/1883). Tất cả những vua cuối triều Nguyễn đều là dòng dõi Thiệu Trị và Thái hậu Từ Dũ.

IV. Dục Tông, TỰ ĐỨC (10/11/1847-19/7/1883)

10/11/1847 (3/10 Đinh Mùi)- **19/7/1883** (16/6 Quý Mùi)

Húy: **Hường [Hông] Thì** (22/9/1829 (25/8 Kỷ Sửu)-**19/7/1883** (16/6 Quý Mùi). [trái chữ **Nhật** ; phải chữ **Tự**], **Nhậm** hay **Nhiệm** [trái **Nhật**; phải, **Nhâm**] (*Thiệu Trị: [Nhiệm] gánh củi nặng?*)

Sinh ngày 22/9/1829 (25/8 Kỷ Sửu). Thân mẫu là Phạm Thị Hằng, gốc Gò Công (Thái hậu Từ Dụ). Năm 1843, được phong Phuốc Tuy Công. 6/11/1847 [Át Tị] 29/9 Đinh Mùi]: Tên thánh [húy] là Thì [bên trái có chữ nhật, bên phải có chữ tự hay thì]. Lấy tên Nhiệm làm tên chữ.

*Lên ngôi ngày 10/11/1847 (Kỷ Dậu [3]/10 Đinh Mùi); lấy ngày 5/2/1848, tức 1/1 Mậu Thân, làm Tự Đức năm thứ nhất]. (ĐNTLCB, III, 26:1846-1847, 1972:392; IV, 27: 1848-1853, 1973:33, 35) Trị vì 35 năm, mất ngày 19/7/1883 (16/6 năm Quý Mùi), thọ 54 tuổi. Miếu hiệu là **Dục Tông (1848-1883)**. (ĐNTLCB, IV, 35, 1976:202; QTCBTY, 1971:281)*

25/10/1847: Thiệu Trị gọi Cố mệnh lương thần Trương Đăng Quế (1794-1865), Lâm Duy Thiệp (-1863), Võ Văn Giải (?-1853) và Nguyễn Tri Phương (1800-1873) [?] đến bên giường bệnh, nói muốn lập Hường Nhiệm, phé con trưởng là An Phong Công Hường Bảo. (ĐNTLCB, III, 26:1846-1847, 1972:390-92;

1/3/1842: Thiệu Trị rời kinh đô ra Bắc nhận lễ thụ phong. Cho An Phong đình hầu Hường Bảo, 18 tuổi,

làm Lưu kinh. Có Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên, Lê Văn Phú, Tôn Thất Bạch phụ tá. (24: 1842-1843, 1971:20-2) Đây là theo ý Thái hoàng Thái hậu. Thiệu Trị muốn cho Hoàng tử thứ hai là Hoàng Nhiệm làm lưu kinh, vì

"Hùng Bảo tuy tuổi đã lớn, nhưng không có học, kiến văn hẹp hòi, e khó làm xong công việc." Bởi thế, mang Hoàng Nhiệm theo. Hộ giá có Trương Đăng Quế. (24: 1842-1843, 1971:25) Từ Dũ cũng đi theo. (ĐNCBLT, II)

Trương Đăng Quế (1794-1865), huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi, 4 đời làm quan, hương tiến năm Gia Long 18, Cổ mệnh lương thân, phụ chính đại thần; ĐNLTQB, q. 21 & 22, (1993), 3:392-426.

Lâm Duy Thiệp (?-1863); còn có tên Nghĩa, người Việt gốc Hoa, Tuy Viễn, Bình Định; hương tiến năm 1828; 1847, phụ chính đại thần; ĐNLTQB, q. 27, 1993, 3:48-50;

Võ Văn Giải (?-1853); huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi, đội trưởng đội phụng trà của Gia Long; 1824: vệ úy; 1841, thống chế doanh Hồ Uy; phụ chính đại thần; ĐNLTQB, q. 19, 1993, 3:346-350; và

Nguyễn Tri Phương (1800-1873) [?] phụ chính đại thần; theo ĐNLTQB, IV, q 1, 27: 1848-1853, 1973: 32-33; ĐNCBLT [q. 23 & 24, 1993, 3:427-462].

10/11/1847 (Kỷ Dậu [3]/10 Đinh Mùi): Ban chiếu 25 điều: Giảm hoặc miễn thuế; phóng thích phạm nhân; thưởng tiền và gia tăng cấp bậc; cho tổ chức ân khoa Hương năm 1848; ân khoa Hội, 1849. Vẫn giữ lệ thi Hương ba năm một lần [tí, mão, ngọ, dần], thi Hội, [sửu, thìn, mùi, tuất]. (ĐNLTQB, IV, 27: 1848-1853, 1973:37-41)

Phong tặng "cổ mệnh đại thần, phụ chính đại thần":

Trương Đăng Quế: Cần chính điện Đại học sĩ; thượng thư bộ Binh, Tuy thịnh quận công;

Võ Văn Giải, Trung vũ tướng, An viễn hầu; coi Tiền quân và Tả quân, **chưởng thị vệ đại thần.**

Nguyễn Tri Phương (1800-1873), Hiệp biện đại học sĩ, thượng thư bộ Công, Trí dũng tướng, lên Tráng liệt bá.

Lâm Duy Hiệp [Thiếp], thượng thư bộ Lễ, lên Hiệp biện đại học sĩ. (ĐNLTQB, IV, 27: 1848-1853, 1973:41)

Huế: Cho giữ nguyên chữ "mỹ tự" Thi [nhật + tự] ở cung Bảo Định. (ĐNLTQB, IV, 27: 1848-1853, 1973:43)
Quảng Nam bị lụt. (ĐNLTQB, IV, 27: 1848-1853, 1973:43)

Nghệ An, Hà Tĩnh, đói. (ĐNTLCB, IV, 27: 1848-1853, 1973:43)

Governors of Ha-Ninh: Ton That Bat; Son-Hung-Tuyen, Nguyen Dang Giai; An-Ha, Doan Uan; Dinh-An, Dang Van Thiem; [xin về kinh chúc mừng, nhưng Tự Đức không đồng ý. ĐNTLCB, IV, 27: 1848-1853, 1973:44.

Cử Nguyễn Lương Nhân, đô thống Hữu quân, làm thự Tổng đốc Nam-Ngãi (thay Mai Công Ngôn, ốm, xin nghỉ). ĐNTLCB, IV, 27: 1848-1853, 1973:44.

Sai các quan địa phương báo cáo về tình trạng nghèo khổ của dân. ĐNTLCB, IV, 27: 1848-1853, 1973:45.

23/11/1847: * Đường Ngoài Tây: **Charles Jeantet**, phụ tá của Retord, gửi cho Libois các tài liệu về Thiệu Trị cấm đạo. (SME 706:14)

13/10/1847: Thiệu Trị ngã bệnh. Hôm sau khá hơn. Ngày 14/10, thiết triều. Sau đó lại bệnh nặng hơn. [Xem 25/10/1847]

25/10/1847 [ngày Quý tị, 17/9 Đinh Mùi]: Thiệu Trị bí mật lập "di chiếu" đưa Phước Tuy Công Hoàng Nhiễm lên ngôi. Gọi bốn [4] đại thân là Trương Đăng Quế (1794-1865), Võ Văn Giải (chết 1853), Nguyễn Tri Phương (1800-1873) và Lâm Duy Thiệp [Hiệp] đến bên giường bệnh, cho biết muốn lập con thứ hai là Nhiễm thay vì con trưởng, An Phong Công Hoàng Bảo. "Hoàng Bảo tuy lớn, nhưng là con vợ thứ, mà lại ngu độn, ít học, chỉ ham vui chơi, không thể để cho kế thừa nghiệp lớn được." Ngoài triều đình không ai hay biết. (ĐNTLCB, III, 26:1846-1847, 1972:389, 392; Ibid., IV, 27:1848-1853, 1973:32-33)

Nhiễm là con *Quý phi* Phạm Thị Hằng (Từ Dụ), tức cháu ngoại của Phạm Đăng Hưng, quê ở Gò Công (Gia Định). Tháng Giêng Bính Ngọ [27/1-25/2/1846], phong *Thành phi Hằng [mẹ Hoàng Nhiễm] lên Quý phi*. (ĐNTLCB, III, 26:1846-1847, 1972:15-6)

Ngày **1/3/1842**, khi ra Bắc nhận lễ thụ phong của nhà Thanh, Thiệu Trị theo ý Thái hoàng Thái hậu cho An Phong đình hầu Hoàng Bảo, 18 tuổi, làm Lưu kinh, dù muốn cho Hoàng tử thứ hai là Hoàng Nhiễm làm lưu kinh. Theo vua, "Hoàng Bảo tuy tuổi đã lớn, nhưng không có học, kiến văn hẹp hòi, e khó làm xong công việc." Bởi thế, mang Hoàng Nhiễm theo. Hộ giá có Trương Đăng Quế. (24: 1842-1843, 1971:25) Từ Dũ cũng đi theo. (ĐNCBLT, III, 24: 1842-1843, 1971:20-2)

26/11 [12?]/1848: Giám mục Đàng Trong Tây Pellerin báo cáo về việc Hoàng Bảo nhiều lần móc nối giáo dân Ki-tô để lấy lại ngai vàng. Bảo hứa sẽ không

những chỉ cho tự do giảng đạo mà còn khuyến khích toàn dân cải đạo. Những người thân tín [néophytes] tham khảo ý kiến Pellerin nhiều lần, nhưng Pellerin khuyến cáo con chiên đừng dính líu vào chính trị. (*Annales de la Propagation de la Foi*, vol XXII, 1850, tr. 369,370; CAOM [Aix], APF, 1850, tr. 370). Vulliez, “Un voyage à Hue en 1880;” BAVH, XXI:3 (July-Sept 1934), tr. 212-213n1 [199-219]).

- Tự Đức tăng bổng lộc hàng năm cho Hoàng Bảo. Mỗi năm Hoàng Bảo được thêm 500 quan tiền [4,000 francs] và 500 phượng gạo. (*ĐNTLCB*, IV, 27:1848-1853, 1973:144).

25/5/1851: GM Retord báo cáo mới nhận được thư ngày 23/2/1851 của Pellerin nói Hoàng Bảo mưu định trốn đi nước ngoài để tìm cách lấy lại ngôi vua; đã thành công, và vua nghi giáo dân Ki-tô tiếp tay. Trong một lệnh cấm đạo, nêu rõ: “**Nhưng điều ác lớn nhất là chúng [giáo dân Ki-tô] vừa mới mưu toan quyền rũ một hoàng tử.**” (*Annales de la Propagation de la Foi*, tome XXIV, 1852, pp. 8-10; Vulliez, “Un voyage à Hue en 1880;” BAVH, XXI:3 (July-Sept 1934), tr. 214n1 [199-219]).

Hoàng Bảo có chín [9] con trai, một [1] con trai nuôi, và tám [8] gái. Bị đố kỵ qua họ Đinh, theo họ mẹ. Hai [2] trai và hai [2] gái bị đẩy đi Lao Bảo. Hai công chúa được hưởng lương như những con gái khác; Vulliez, “Un voyage à Hue en 1880;” annoté par Cadière; BAVH, vol 21, no 3 (7-9/1934), p 212n1 [179-219]. Năm 1866, Tự Đức giết hết con trai và con gái Hoàng Bảo nhân vụ Đoàn Trung làm phản, hay “Giặc Chày Vôi.”

Khi Tạm ước Thiên Tân giữa Bourée và Lý Hồng Chương ký năm 1882, Duclerc đã lên làm Thủ tướng (thay Freycinet). Jauréguiberry cương quyết phản kháng Tạm ước này. Theo Jauréguiberry, mật ước Thiên Tân đi ngược lại chính sách đã được cả hai Bộ Ngoại giao và Thuộc địa đồng ý. Ngoài ra, nhiều thế lực khác như cô đồng viên của Công ty Mỏ Đông Dương, Ngân Hàng Đông Dương và các hội nghiên cứu địa dư cũng chống đối mãnh liệt. Khi Le Myre de Vilers ngỏ ý tán thành giải pháp duy trì một vùng trái độn với Trung Hoa, tháng 11/1882, Duclerc cử Charles Thomson thay Vilers. Chiến dịch chống đối này, kèm theo cơn khủng hoảng chính phủ và cơn bệnh nặng của Duclerc khiến việc phê chuẩn Tạm ước Thiên Tân phải tạm gác. (70. *ĐNTLCB*, IV, 35:1881-1883, 1976:161-2; AMAE (Paris), *DD II*, tr. 70-71)

V. Cung tôn DỤC ĐỨC (20-23/7/1883)

Ứng Chơn, hay Ái (23/2/1852-24/10/1884) Thường được biết như Hoàng tử Dục Đức (gọi theo tên nhà học Dục Đức Đường). Sinh ngày **23/2/1852**. Con nuôi lớn của Tự Đức (1847-1883). Con ruột Kiến Thoại Vương Hường Y (1833-1877) [em thứ tư Tự Đức]. (Aix, GGI:9577; ĐNCBLT, II, q 8 (Huế: 1993), 3:154-62)

19/7/1883 [16/6 Quý Mùi]: Tự Đức chết. Đặt Trần Tiễn Thành, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường làm Phụ Chính Đại thân; Thọ xuân vương Miên Định, Tuy lý quận vương Miên Trinh làm Phụ chính thân thần. (ĐNTLCB, IV, 35: 1881-1883, 1976:200)

23/7/1883 [ngày Mậu Thìn, 20/6 Quý Mùi]: Tường và Thuyết chuyên quyền, phế Ứng Chơn, đưa con thứ 29 của Thiệu Trị là Hường Dật lên ngôi, tức Hiệp Hoà (1883) (ĐNTLCB, V, 35: 1881-1883, 1976:205) Ngày 24/10/1884, bị bỏ chết đói. Năm [5] năm sau, được truy phong là **Cung tôn Duệ Hoàng đế**.

VI. Phế Đế HIỆP HOÀ (30/7-29/11/1883)

30/7/1883 [27 [Át Hợi]/6 Quý Mùi]- **29/11/1883** [30 [Nhâm Ngọ]/10 Quý Mùi]

Tên thánh là **Thăng, tự là Hường Dật (1/11/1847-**

29/11/1883) Con út, thứ 29, Thiệu Trị và Thụy tân họ Trương. (ĐNTLCB, IV, 35: 1881-1883, 1976:205: chỉ ghi tháng 9 Thiệu Trị 7 [9/10-7/11/1847]). (ĐNTLCB, III, 26: 1846-1847, 1972:377-394 im lặng]:

Ngày **30/7/1883** [27 [Át Hợi]/6 Quý Mùi] nhận tôn hiệu, làm lễ đăng quang, tức Hiệp Hoà. (ĐNTLCB, IV, 35: 1881-1883, 1976:209).

Ngày 29/11/1883 [Nhâm Ngọ [30]/10 Giáp Thân] bị đầu độc và bóp cổ chết. ĐNTLCB, I, 2:1778-1801, 1963:27; QTCBTY, 1971:412.

6. “Phế đế” Hiệp Hoà (30/7-29/11/1883)

Tên thánh là **Thăng, tự là Hường Dật (1/11/1847-**

29/11/1883) Con út, thứ 29, Thiệu Trị và Thụy tân họ Trương. Ngày **30/7/1883** [27 [Át Hợi]/6 Quý Mùi] nhận tôn hiệu, làm lễ đăng quang, tức Hiệp Hoà. (ĐNTLCB, IV, 35: 1881-1883, 1976:209).

- 30/7/1883, được Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đưa lên ngôi thay Dục Đức.

- Ở ngôi được 4 tháng (từ 30/7 đến 29/11/1883), niên hiệu là Hiệp Hoà.

[29] /11/1883: Bị bọn Ông Ích Khiêm, Trần Xuân Soạn giết. 1887: Đổng Khánh giáng xuống hàng Phế Đế,

VII. Giản Tông **KIẾN PHƯỚC (2/12/1883-31/7/1884)**

2/12/1883 [Canh Thìn] 3 /11 Quý Mùi]- **31/7/1884**

[Nhâm Ngọ] 10/6 Giáp Thân]:

Húy: **Hạo** [tên thánh, trên chữ **Nhật**; dưới chữ **Thiên**];
Ứng Hồ [trái chữ **Kỳ**; phải chữ **Cổ**]; **Đăng** [trên chữ **Bát**;
dưới chữ **Đậu**] (**12/2/1869-31/7/1884**); (*ĐNTLCB*, V, 36:
1883-1885, 1976:21; *QTCBTY*, 1971:407 [407-12].

Sinh ngày **12/2/1869** [2/1 Kỷ Tị]. Con thứ ba Kiến Thái Vương Hoàng Cai [Hội] (1845-1876). Mẹ là Bùi Thị Thanh. (*ĐNTLCB*, V, 36: 1883-1885, 1976:18; *QTCBTY*, 1971:407 [407-12].) Mất ngày **31/7/1884** [Nhâm Ngọ [10]/6 Giáp Thân]: (*ĐNTLCB*, V, 36: 1883-1885, 1976:151; *QTCBTY*, 1971:412 [407-12].

Gia Hưng quận vương **Hùng Huru** làm Phụ chính thân thần. Kỳ vĩ hầu, Thượng thư Bộ Hộ Nguyễn Văn Tường, và Điện tiền tướng quân, Vệ chính bá, Lại bộ Thượng thư Tôn Thất Thuyết làm Phụ chính Đại thần. (*ĐNTLCB*, V, 36: 1883-1885, 1976:28-29)

Có tác giả ghi Kiến Phước lên ngôi ngày 30/11/1883, tức ngày 1/11 Quý Mùi. (Delvaux, 1941:245) Vẫn theo Delvaux, hai phụ chính Tường và Thuyết không thông báo cho Palasne de Champeaux biết tin này, mà còn bao vây chỗ cư trú của Caspar để ngăn chặn tin tức lọt qua tòa Trú sứ. **De Champeaux không nhìn nhận Kiến Phước.** (Delvaux, 1916:49)

Tuy nhiên: "Kho tàng thời quan quân Đại Pháp canh giữ mỗi tháng chiếu số lương bổng hết bao nhiêu thời giao cho các người giữ kho nhận phát" (*QTCBTY*, tr. 418).

7. Giản Tông Kiến Phước (2/12/1883-31/7/1884)

Tên **Ứng Đăng (12/2/1869 -31/7/1884)**, con thứ ba Kiến Thái Vương Hoàng Cai; mẹ là Bùi thị Thanh (vợ nhỏ).

Năm 1871 được Tự Đức chọn làm con nuôi. Tự Đức đặc biệt yêu quý con nuôi út này, giao cho **Học phi Nguyễn Thị Chuyên** trông nom. tức Hoàng tử Dưỡng Thiện hay Mệ Mến. Học phi Chuyên, vợ thứ ba Tự Đức, gốc Vĩnh Long, và được sự yểm trợ của Nguyễn Văn Tường. Bởi thế, nhiều người vẫn nghĩ vua sẽ bỏ trưởng, tức Ứng Chơn, để lập Ứng Đăng. Năm 1882, cho ra ở Dưỡng Thiện đường.

Sinh ngày 12/2/1869 (mùng 2 tháng Giêng Kỷ Tị).

Lên nối ngôi ngày 2/12/1883. Ở ngôi đến ngày 31/7/1884 (9/6 Giáp Thân) thì mất vì bệnh, khi mới 15 tuổi. Niên hiệu là Kiến Phước.

VII. “Xuất Đé” HÀM NGHI (2[16]/8/1884)-[5/7/1885]-1/11/1888)

2/8/1884-5/7/1885 [Ngày Bính Thìn 23/5 Ất Dậu]

[kháng chiến, 5 [13]/7/1885-1/11/1888].

Tên thánh là **Minh**. Tự là **Ứng Lịch** (3/8/1871-1/4/1944), con Hường Cai [Hội], và **Phan Thị Nhân**, em cùng cha khác mẹ Ứng Đăng, Ứng Kỹ. (*ĐNTLCB*, V, 36: 1883-1885, 1976: 153) Sinh ngày 3/8/1871 [17/6 TĐ 24]. Chết ngày 1/4/1944; (*ĐNTLCB*, V, 36: 1883-1885, 1976: 153; CAOM (Aix), 20H xxx [13]

Cai trị từ 2/8/1884 tới 5/7/1885, kháng chiến, 13/7/1885-1/11/1888. 13/1/1889: Tới Algérie.

Cao Xuân Dục chỉ phụ chép sau đời Kiến Phước.

8. Hàm Nghi (2[16]/8/1884)-[5/7/1885]-1/11/1888)

- Húy là **Minh**. Tự **Ứng Lịch** (3/8/1871-1/4/1944). Con thứ năm Kiên Thái Vương Hường Cai [Hội] (1845-1876). Mẹ là Phạm Thị Nờn hay Nhân; em cùng cha khác mẹ của Kiến Phước và Đồng Khánh. (*ĐNTLCB*, V, 36: 1883-1885, 1976:18; QTCBTY, 1971:413 [413-15]) Sinh ngày 3/8/1871 (năm Tân Mùi), lên ngôi 2/8/1884 [10/6 Giáp Thân] đặt niên hiệu là Hàm Nghi từ năm 1885.

- Ngày 5/7/1885 [23/5 Ất Dậu], rời kinh thành kháng chiến; 13/7/1885, ra chiếu Cần vương, chống Pháp, lập căn cứ tại Tuyên Hóa (Quảng Bình). Sử Nguyễn ghi là Xuất Đé. Pháp cử Miên Định làm Giám Quốc, và cho Phụ Chính đại thần Nguyễn Văn Tường một tháng để đưa Hàm Nghi hồi cung. (Cao Xuân Dục: Tường xin được hai tháng; có lẽ tính từ 5/7 tới 5/9/1885; QTCBTY, 1971:414 [413-415, 417-429]

- Ngày 1/11/1888 (26/9 Mậu Tý), bị Trương Quang Ngọc, một tù trưởng Mường, bắt nạp cho Pháp. Pháp tạm giam ở Thuận An, rồi Sài Gòn một thời gian ngắn, sau đó, đày sang Algérie. Chết tại Algérie năm 1944, thọ 72 tuổi.

IX. Cảnh Tông, ĐỒNG KHÁNH (19/9/1885-28/1/1889).

19/9/1885 [11/8 Ất Dậu]- **28/1/1889** [27/12 Mậu Tý]

Ứng Biện [trên **Nhật**, giữa chữ **mỗ**, dưới chữ **chấp**; hoặc dưới chữ **Biện**], tự **Đường** [trái chữ **Kỹ**; phải chữ **Đường**], **Ứng Thị** hay **Kỹ** [trái chữ **Đậu**, phải chữ **chi**] ([19/2/1864, 12/1 Giáp Tý]-28/1/1889) (*ĐNTLCB*, VI, 37: 1885-1886, 1977:22, 24-5; QTCBTY, 1971:419 [không ghi rõ ngày tháng sinh nhật]. Còn biết như Mẹ Trúu. Con Hường Cai tức Hội (1845-1876).

14/9/1885 [Nhâm Thân, mồng 6/8 Ất Dậu]: * HUẾ:
Ứng Đường sang dinh Khâm sứ để được phong vương. Sau

đó Courcy và de Champeaux đưa trở lại Hoàng Cung. (Báo cáo ngày 26/11/1906; CAOM [Aix], 9577).

- Đồng Khánh phong **Nguyễn Hữu Độ** làm Cần Chính điện đại học sĩ, Vĩnh Lại Bá; **Phan Đình Bình** làm thụ Văn Minh điện đại học sĩ, Phù Nghĩa tử. Con gái [thứ ba] Độ và Bình đều được tiến cung; hàm nhị giai. (*ĐNTLCB*, VI, q.1, 37: 1885-1886, 1977:34-35).

17/9/1885 [mùng 9/8 Ất Dậu]: HÀ-NỘI: Tuyên cáo của Kinh lược Bắc Kỳ.

* PARIS: Bộ Thuộc Địa yêu cầu de Courcy sử dụng Jean Dupuis. (10H xxx [43]) (Ngày 23/11/1885, de Courcy cho biết không muốn dùng Dupuis).

Lên ngôi ngày **19/9/1885** [Đinh Sửu, 11/8 **Ất Dậu, giờ Tỵ**]. * HUẾ: **Chiếu đăng quang của Đồng Khánh. Gọi Thuyết và Tường là “quyền gian gây vạ, đất nước gần nghiêng.”** (*ĐNTLCB*, VI, q.1, 37: 1885-1886, 1977:29 [28-30], 32-4; Vũ Ngự Chiêu, *Các vua cuối*, II:503-5) [Delvaux ghi là **“những tên tội tử phản loạn đã cướp đoạt quyền hành.”** (Delvaux, 1941: 284)]

Trong thư gửi Tổng thống Pháp đề “kính tạ, kính tạ” nhắc đến “quyền thần Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết giả mạo lộng quyền của nước, tự ý làm bậy [ngày 23/5 Ất Dậu].” **Phong de Courcy làm Bảo hộ quận vương, de Champeaux làm Bảo hộ công.** (*ĐNTLCB*, VI, q.1, 37: 1885-1886, 1977:33 [32-34])

- **Pháp trao trả cho triều đình Huế 20,000 lạng bạc và 20,000 tiền đồng. Còn lại vẫn do Pháp canh giữ, mỗi tháng cấp phát số tiền gạo, lương bổng cần thiết** (*ĐNTLCB*, VI, q.1, 37: 1885-1886, 1977:34).

Lấy 1/10 Ất Dậu [7/11/1885] làm 1/10 Đồng Khánh. (*ĐNTLCB*, VI, q.1, 37: 1885-1886, 1977:56). Theo ý chỉ Từ Dụ, nếu Hàm Nghi về, cho tước công. (*ĐNTLCB*, VI, q.1, 37: 1885-1886, 1977:57).

Gạch tên Tôn Thất Thuyết khỏi sổ Tôn Thất, đổi thành **Lê Thuyết**. (*ĐNTLCB*, VI, q.1, 37: 1885-1886, 1977:57).

Chết ngày 28/1/1889 [27/12 Mậu Tý]. Thọ 25 tuổi ta. QTCBTY, 1971:429; *ĐNTLCB*, VI, q.11, 38: 1886-1889, 1978:157). Ngày Mậu Thân [2], tháng Giêng Kỷ Sửu [1/2/1889] Rheinart lập Bửu Lân, **con thứ bảy** Dục Đức [Cung tông Huệ Hoàng đế] lên ngôi, tức Thành Thái. QTCBTY, 1971:429; *ĐNTLCB*, VI, q.11, 38: 1886-1889, 1978:157).

9. Cảnh Tông (Đồng Khánh, 19/9/1885-28/1/1889)

Húy: Biện [trên chữ Nhật, dưới chữ **biện**]; tự **Ứng Đường** [bên tả chữ **kỳ**, bên hữu chữ **đường**] hay **Kỳ**, [bên tả chữ

đậu, bên hữu chữ **chi**] hay Xuy (18/2/1864 -28/1/1889).

QTCBTY, 1971:417 [417-29].

Sinh ngày 18/2/1864 (12/1 Giáp Tý). Con trưởng Kiên Thái Vương (Hùng Cai), mẹ là Bùi thị Thanh, anh cùng cha khác mẹ Kiên Phước (Giản Tông) và Hàm Nghi (Xuất Đế).

Nuôi trong cung từ năm 1865, giao cho vợ thứ hai là Thiện Phi **Nguyễn Thị Cẩm**, con Nguyễn Đình Tân, trông coi. Còn được biết như Hoàng tử Chánh Mông hay Mộ Trứ. Tự Đức có vẻ không hài lòng với người con nuôi “mồ côi” này. Theo Tự Đức,

Ứng Kỹ là người yếu, hay ốm, có tâm tật, học chưa thông mà kiêu ngạo, hay bới việc riêng của người cho lạm thẳng, đều không phải là tư chất thuần lương theo lời phải, sợ bọn người [phụ chính đại thần] khó lấy lời nói can ngăn được. (10)

10. *ĐNTLCB*, IV, 35: 1881-1883: 199-202. Xem thêm *Ibid.*, IV, 31: 1866-1889, 1974:363-65; 32: 1870-1873, 1975:132-33, 161-62.

Bị giáng xuống hàng thứ hai, em Ứng Chơn.

- Lên ngôi ngày 19/9/1885 [giờ Tị ngày 11/8 Ất Dậu].

ĐNTLCB, VI, 37: 1885-1886, 1977:28-30 (Cao Xuân Dục:

Tường xin được hai tháng; có lễ tính từ 5/7 tới 5/9/1885;

QTCBTY, 1971:414, 417 [413-415, 417-429]

Niên hiệu Đồng Khánh [cùng vui]. Mất vì bệnh “lao tủy” ngày 28/1/1889 (27/12 Mậu Tý). Thọ 25 ta. QTCBTY, 1971:429; *ĐNTLCB*, VI, q.11, 38: 1886-1889, 1978:157).

Ngày Mậu Thân [2], tháng Giêng Kỷ Sửu [1/2/1889]

Rheinart lập Bửu Lân, **con thứ bảy** Dục Đức [Cung tông Huệ Hoàng đế] lên ngôi, tức Thành Thái. QTCBTY, 1971:429; *ĐNTLCB*, VI, q.11, 38: 1886-1889, 1978:157).

X. THÀNH THÁI (1/2/1889-3/9/1907)

Bửu Chiêu tự Lân (14/3/1879-3/9/1907, [an trí ở Bà Rịa, **1907-1916**; Reunion, **1916-1948**, Sài Gòn, **1948-1954**)

Sinh ngày 14/3/1879 [22/2 Kỷ Mão]. [Ghi là con trưởng Dục Đức và nguyên phi Phan Thị Điều [con gái Phan Đình Bình]. Đầy tháng, đặt tên Bửu Lân. *ĐNTLCB*, IV, q 51, 34: 1877-1880, 1976:203; QTCBTY, 1971, tr 391.

Được Khâm sứ Rheinart des Essarts coi như "con nuôi của nước Pháp." Sau khi Đồng Khánh chết, ngày 1/2/1889 [2/1 Kỷ Sửu], Rheinart lập Bửu Lân, con thứ bảy [trưởng?] Dục Đức lên làm vua, tức Thành Thái. .

(Tài liệu Việt ghi triều đình muốn lập con Đồng Khánh là Bửu Đảo, nhưng Từ Dụ Hoàng thái hậu [mẹ Tự Đức] không đồng ý. Levecque, năm 1906, cho rằng thoạt tiên Rheinart muốn lập Bửu Đảo, nhưng Diệp Văn

Cương can thiệp, nên đã chọn "Bửu Lâm" tức Thành Thái; Phần Đồng Khánh bị coi như "bệnh não;" Aix, GGI:9577).

9/2/1889: Rheinart than phiền là các quan Việt bị hạ phẩm giá trước mắt người Việt (Thuần 1990:314,321).

28/2/1889: Richaud công khai chỉ trích chính sách "d'effacement" [tránh mặt] của Constans trước Quốc hội. Tuyên bố:

"Chúng ta can thiệp vào những vấn đề thứ yếu liên quan đến kho tàng của Hoàng gia.... Cuối cùng, hôm nay, chúng ta thông tri Hội đồng thượng thư, và bất cứ lệnh nào cho các quan Việt đều phải thông báo cho chúng ta Đó là bảo hộ" (*J.O, Débats parlementaires*, 29/2/1889; Thuần 1990:331).

14/3/1889: **Eugène Etienne** thay Jean de la Porte làm Thứ trưởng Thuộc Địa [tới 8/3/1892]. 18/4/1889: Etienne không đồng ý cho Richaud đặt viên chức Pháp xuống cấp huyện.

9/5/1889: Hủy bỏ chức Tổng Trú sứ. Các Khâm sứ và Thống sứ trực thuộc Phủ Toàn quyền.

10/5/1889: **Georges Piquet** làm Toàn quyền (ngày 31/5/1889 nhậm chức-13/4/1891).

* Huê: **Séraphin Hector** làm Khâm sứ An-Nam; Ernest Brière, Thống sứ Bắc Kỳ.

5/8/1889: Tướng Bichot tuyên bố với Toàn quyền Piquet:

"Tôi vô cùng nghi ngờ [*méfie*] dân An-nam và nhất là triều đình Huê, luôn luôn và đang là kẻ thù của chúng ta. (INF, c.20, d.A-30 [92]).

25/8/1889: Piquet nhận định: "Giới nhà binh thấy đâu cũng có giặc" (Thuần 1990:348).

2/9/1889: Piquet than phiền việc Tướng Bichot quyết định sát nhập ba tỉnh bắc Trung Việt (Thanh-Nghệ-Tĩnh) vào lãnh thổ Sơn Tây (INF, c.20; Thuần 1990:348).

14/9/1889: Lào bị sát nhập vào Liên bang Đông Dương.

18/8/1890: Piquet ra chỉ thị cho Thống sứ Bắc kỳ: Biến Bắc kỳ thành một trường chiến tranh cho sĩ quan Pháp.

26/12/1890: Piquet, trong một báo cáo mật gửi Etienne, tiết lộ Richaud để một số quan chức Pháp không có phụ tá người Việt, khiến các sĩ quan tiếm quyền dần. (INF, c.20, d.A-30 [93]).

7/2/1891: **Francois Bideau** XLTV Toàn quyền từ (13/4-26/6/1891).

21/4/1891: Dân biểu **Jean de Lanessan** (26/6/1891-15/3/1895) được cử làm Toàn quyền. 26/6/1891: de Lanessan nhiệm chức. a radical, freemason [anticlerical] :

criticized the missionary critics of Paul Bert. French freemason was well-represented by the editors of Le courrier d'Haiphong [Cuers de Cogolin], L'independance tonkinoise [Alfred Levasseur], and Le Mekong [Ulysse Leriche], and contributors to antagonism to the missions, like Camille Pâris.

27/10/1891: Brière (27/10/1891-2/1/1898) làm Khâm sứ Huế (cho tới đầu năm 1898, khi Léon Bouulloche thay ngày 4/2/1898; Nghị định ngày 2/1/1898).

1892: Phong trào Cần Vương ở Bắc Hà tàn lụn dần. Chỉ còn Hoàng Hoa Thám ở vùng Yên Thế (Thái Nguyên) và Phan Đình Phùng ở Nghệ-Tĩnh/Quảng Bình. Nguyễn Trọng Hiệp tìm cách hạ bệ Thành Thái.

9/3/1892 [13 tháng 3 Nhâm Thìn, tức năm Thành Thái thứ tư]: Viện Cơ Mật đề nghị trục xuất thông ngôn Lê Duy Hinh, đã bị de Lanessan thuyết chuyển khỏi Huế. Yêu cầu đừng để bọn thông ngôn như Nguyễn Tạo, Diệp Văn Cương, Thông phán Tần làm việc ở Bắc và Trung Kỳ. Cũng chẳng muốn thấy mặt của Petrus Ký (GGI:9619).

Hình tưng viết báo tố cáo Cương thông dâm với mẹ Bửu Lân (Thành Thái) nên đưa Lân lên ngôi. Phần Cương, gốc Hải Nam, xuất thân chẵn trâu ở miền Nam, rồi lấy con gái chủ. Ra Huế, lấy công chúa Thiệp Nguyễn làm vợ nhỏ.

15/9/1893: Thành Thái phải vào Hồ Tịnh Tâm sám hối (Aix, Indo, GGI:9618). Việc triều chính do Từ Dụ Hoàng Thái hậu tạm thời quản lý. Việc học vẫn bình thường.

18/12/1893: Thành Thái được trở lại cung (GGI:9618).

4/1/1894: Thành Thái xuống Dụ về việc ra khỏi chỗ Tịnh Tâm.

12/4/1894: Bouulloche làm XLTV Khâm sứ Huế.

Thứ Hai, 26/5/1894: Thành Thái sai một thái giám đi mua đạn; không được, phạt roi trọng thương.

29/5/1894: Thành Thái đánh đòn một cung nữ già uống rượu mà lại say. Đánh cả người hầu bị dở hơi. Tỏ vẻ khoái trá khi nghe nạn nhân la hét vì đau đớn (Báo cáo của Millot; GGI:9619).

7/6/1894: Một bé gái bị chết vì trò chơi của Thành Thái (GGI:9619).

19/6/1894: Millot báo cáo về hành vi của Thành Thái trong thời gian Bouulloche đi vắng: Từ đầu tháng 5/1894, Thành Thái lại trở về tính tình cũ năm trước. Không đến thăm các Hoàng Thái hậu.

Các đại thần chẳng cần dấu diêm nữa việc họ không hài lòng về cách đối xử này. Người ta thấy rằng các đại thần ngày một chán ghét chúa thượng của họ mà theo họ

rất thông minh, nhưng lại có thêm cả tính tàn bạo và “hai mặt” của Minh Mạng, độc tài của Tự Đức, và bại hoại của Đồng Khánh.

[Aussi les mandarins ne se cachent plus pour dire combien ils sont peu satisfaits de cette manière d'agir. On voit qu'ils détestent de plus en plus leur souverain qui d'après eux est très intelligent, mais joint à la cruauté et à la duplicité de Minh Mang, l'autoritarisme [độc tài] de Tu Duc et la dépravation [sự bại hoại] de Dong Khanh" (GGI:9619)].

23/6/1894: Boulloche cho rằng báo cáo của Millot có lẽ đã phóng đại. Điều đáng chú ý là việc mẹ Thành Thái chuyển tiên ra ngoại thành, với sự giúp đỡ của em gái là vợ bé của thông ngôn Diệp Văn Cương (GGI:96818).

7/7/1894: Kinh lược Hoàng Cao Khải báo cáo về Phan Đình Phùng (GGI:9619, pièce 23)

28/11/1894: **Louis Baille** XLTV Khâm sứ Huế (28/11/1894 28/5/1895) [cho tới ngày Brière trở lại vào 28/5/1895].

29/12/1894: **Paul Rousseau** (15/3/1895-10/12/1896), được cử làm Toàn quyền; nhiệm chức ngày 15/3/1895.

25/2/1895: Bỏ chức Thống sứ Bắc Kỳ, lập chức Tổng thư ký chính phủ Đông Dương [mãi tới 8/6/1897 mới lập lại chức Thống sứ].

30/4/1895: Thành Thái gửi thư chúc mừng tân Tổng thống Pháp Félix Faure (GGI:9619)

1/1896: Nguyễn Thân đánh tan nghĩa quân Phan Đình Phùng. Tìm xác Phan Đình Phùng, đốt thành than, rồi trộn với thuốc súng bắn đi.

23/10/1896: Dụ cho phép đặt các Trú sứ (Résidents, sau gọi là Công sứ) ở các tỉnh; các Dinh thự Công sứ được coi y như lãnh sự ngoại quốc.

10/12/1896: Toàn Quyền **Rousseau** về nước; Paul Julien Fourès XLTV.

27/12/1896: Dân biểu **Paul Doumer** (12/2/1897- được cử làm Toàn quyền Đông Dương; nhiệm chức ngày 12/2/1897.

1897: Thành Thái thăm Sài Gòn. *[Xem 24/9/1900]*

25/1/1897: Khâm sứ Brière báo cáo về vấn đề nổi ngòi ở Huế:

Chẳng có gì để ngạc nhiên nếu một sáng thức dậy thấy Thành Thái đã chết vì một âm mưu trong hậu cung. Thành Thái bị ảnh hưởng của một "atavisme morbide" [chứng bệnh di truyền] và chắc hẳn "neurasthénique" [suy nhược thần kinh]. Các quan Việt ai cũng muốn đưa Hàm Nghi lên ngòi [báo cáo của Brière]. (GGI:9619).

12/2/1897: Doumer đến Hà Nội.

* Đề Thám đồng ý hàng người Pháp, được làm chủ 22 làng trong vùng Yên-thế (Thái-Nguyên) [đồn điền Phồn Xương].

- "Đại" cải cách (Aix, Gougal, 9576).

8/6/1897: Nghị định tái thiết lập chức Thống sứ Bắc Kỳ. Fourès làm Thống sứ.

26/7/1897: Bãi bỏ chức Kinh lược Bắc kỳ. Mọi quyền hành giao cho Thống sứ Bắc kỳ. [13/8/1897, Doumer phê chuẩn]

27/9/1897: Bãi bỏ Hội đồng Phụ chính, Hội đồng Thượng thư, tái tổ chức Viện Cơ Mật, qui định chức năng Khâm sứ, qui định việc tái tổ chức các bộ.

- Bãi bỏ chức Phụ chính đại thần của Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải; cả hai trở thành Cố vấn.

- Bãi bỏ Hội đồng Thượng thư: Triều đình vẫn có 6 bộ; mỗi bộ do một thượng thư cầm đầu. Phụ tá Thượng thư có Tham tri. Dưới Tham tri có hai Thị lang: Tả Thị lang lo 6 tỉnh từ Huế vào Bình thuận; Hữu Thị lang lo các tỉnh phía Bắc Huế, và những công việc tại Bộ. Mỗi bộ có đại diện (délégué) của Pháp.

- Tái tổ chức Viện Cơ Mật; gồm Thượng thư 6 bộ.

- Khâm sứ có quyền chủ tọa Viện Cơ Mật và Hội đồng Tôn Nhon Phủ. [28/9/1897, Doumer phê chuẩn]

1898: Đề Đốc Dewey đả bại quân Espania ở Philippines.

2/1/1898: **Bouloche** (4/2/1898-29/3/1900) làm Khâm sứ Huế; đến nhiệm sở ngày 4/2/1898.

15/8/1898 [25/6 Thành Thái thứ X]: Cải tổ chế độ tài chính ở Trung kỳ, bao gồm thuế thân, thuế ruộng đất, mức thuế, cách thu thuế v.. v... [Doumer phê chuẩn ngày 21/8/1898; hiệu lực từ ngày 1/1/1899].

20/10/1898: Dự thành lập các thị xã Thanh Hoá, Vinh (Nghệ An), Huế (Thừa Thiên), Faifo (Quảng Nam), Qui Nhon (Bình Định), Phan Thiết (Bình Thuận). [Doumer phê chuẩn ngày 30/8/1899].

1899: Hàm Nghi được qua thăm Paris.

29/3/1900: **Jean Auvergne** làm XLTV Khâm sứ (29/3/1900).

Thứ Năm, 24/9/1900: Nhật báo *Le Mékong et le Courrier Saigon de Réunis* đăng bài "Gamineries d'un jeune empereur" của Fidès nói về Thành Thái. "*Than-Tai est un jeune homme mal élevé, poussant le vice jusqu'à la cuauté et aimant la femme jusqu'au point que lui ouvrir le ventre pour savoir ce qu'il de dans.*" Kêu gọi truất phế Thành Thái.

1901: Mẹ Tự Đức, tức Từ Dụ thái hậu, chết.

9/1/1902: Auvergne đề nghị cho Nguyễn Thân theo Toàn quyền Doumer qua Pháp vào ngày 14/3/1902 (GGI:9620).

2/3/1902: Thành Thái kinh lý Hà Nội về tới kinh đô.

20/4/1902: Thành Thái tới Đà Nẵng. Thăm Ngũ Hành Sơn.

21/4/1902: Thành Thái du ngoạn phố phường Đà Nẵng bằng xe hơi, có khoảng 30 phụ nữ cưỡi ngựa hộ tống. Gây những chuyện đáng tiếc với hai phụ nữ Pháp; một lính Pháp (Paul Le Bachelier) “tấn công vào ngực” vợ thứ năm của vua là Thị Tiệp Như (Báo cáo của Hauser, Cảnh sát trưởng Tourane; GGI:9620). 22/4/1902: Khâm sứ cho lệnh Thành Thái về Huế gấp.

3/6/1902: Trang Ý thái hậu, vợ Tự Đức, chết vì dịch tả (chôn ngày 19/7/1902).

27/6/1902: Thành Thái phạt một số người hầu ở Phú Văn Lâu.

7-8/1902: Dịch tả hoành hành nặng ở Huế.

1/7/1902: **Paul Beau** (15/10/1902-1908) làm Toàn quyền. [*Xem 15/10/1902*]

19/7/1902: 36 cung nữ được xuất cung.

30/7/1902: XLTV Khâm sứ Luce báo cáo lên Toàn quyền về hành vi của Thành Thái trong lục cá nguyệt thứ nhất năm 1902 (GGI:9620). 13/8/1902: Beau cho lệnh Khâm sứ cấm túc Thành Thái (CD số 1706; GGI:9620).

29/8/1902: Luce báo cáo về phiên họp Cơ Mật liên quan đến hành vi của Thành Thái. Có người đề nghị cấm Thành Thái rời cung. Người đòi truất phế (GGI:9620).

6/9/1902: XLTV Toàn quyền báo cho Bộ trưởng Thuộc Địa về anh em, họ hàng Ứng Lịch (GGI:9620).

29/9/1902: Doumergue đòi Hà Nội báo cáo về tính hạnh Thành Thái.

15/10/1902: Paul Beau chính thức nhậm chức Toàn quyền.

1/10/1903: Thành lập ngân sách hàng tỉnh; hiệu lực từ ngày 1/1/1904. [*Beau phê chuẩn ngày 10/12/1903*].

29/8/1904: Bernard Mouillé XLTV Khâm sứ.

21/12/1904: Ba binh sĩ Pháp định hành hung Thành Thái. Sau đó, bị cận vệ vua đánh bị thương (GGI:9620).

1905: Phan Bội Châu qua Nhật.

9/2/1905: Hồ Lệ, Thượng thư Bộ Công, chết. Thọ 56 tuổi.

8/2/1905, 15G00: Thành Thái cùng các đại thần qua toà Khâm chúc Tết (GGI:9620).

11/2/1905 [Mồng 3 Tết Bính Ngọ]: Cường Để rời Huế, vào Quảng Nam. 19/2/1905: Cường Để xuống tàu ở Đà Nẵng ngày 11 Tết cùng Đặng Tử Kính và Đặng Thái Thân,

ra Hải Phòng. Vào Nam Định ít ngày, rồi trở lại Hải Phòng, xuống tàu của Lý Tuệ chạy đường Hong Kong. Người hộ vệ là Đặng Tử Kính (CĐCMCD 1957:20-2).

1906: Nhiều thân sĩ, quan lại thành lập Hội Hiệp thương.

21/2/1906: 6 phi tần của Tự Đức xin được trợ cấp 15,000 đồng vì lương hàng tháng, từ 30 đồng tới 40 đồng, không đủ chi tiêu (GGI:9620).

20/4/1906: **Fernand Levecque** XLTV Khâm sứ; chính thức từ tháng 1/1907 (?).

19/5/1906: Cơ Mật họp lần đầu tiên dưới quyền Levecque. Cử Đàm Khiên, đốc học Khánh Hòa, làm Đốc học Thanh Hoá; Nguyễn Viêt Huyền, Tri huyện Lê Thủy, thay. Nguyễn Quý Song, Tri huyện Phù Cát, làm Đốc học Quảng Trị; Đặng Nguyên Cẩn, Giáo thọ Phủ Hưng Nguyên, làm Đốc học Hà Tĩnh (*bon lettré, excellente réputation*) (GGI:9620).

22/5/1906: Hội đồng Cơ Mật họp. Levecque than phiền Thành Thái "quên" cho gặp mặt để giới thiệu tân Tư lệnh Pháp ở Trung Kỳ.

- Đề cử Nguyễn Hữu Bài làm Thương biện Cơ Mật. Levecque nói sẽ định sau (GGI:9620).

- Thượng thư Bộ Lại bổ nhiệm Nguyễn Sanh Huy làm Thừa biện, cùng với Hoàng Đại Bình (GGI:9620).

11/8/1906: Thành Thái móc sủng lục bản Ung Huy, Tả Tôn Khanh Tôn Nhơn Phủ (2è disposition de Ung Huy, 11/8/1906; GGI:9577).

1/10/1906: Theo Levecque, Hội Hiệp thương tại Hội An, thành lập năm 1906, do một số người không kinh nghiệm đứng tên, nhưng phía sau là một số quan chức cao cấp đã về hưu. Đáng lo ngại hơn cả là hội này có mục đích gây quỹ gửi qua Nhật (INF, c.9, d. A 20/54).

26/11/1906: Levecque báo cáo về tình trạng những người có thể kế vị Thành Thái: 1. Phải loại bỏ Cường Để; 2. Phải loại bỏ Hàm Nghi; 3. Phải loại bỏ việc đưa con Thành Thái lên kế vị—đúng hơn, loại bỏ cả hệ Dục Đức; 4. Đưa con cháu Hiệp Hoà lên ngôi—Ung Ngụy, con thứ 8, 36 tuổi, từng được Phan Bội Châu mời làm Minh chủ nhưng từ chối; nhưng nghiêng thuốc phiện (Aix, Indo, GGI:9577).

1907: Phó bảng Phan Chu Trinh vào Khánh Hoà (Báo cáo số 21, 6/4/1908).

3/9/1907: Thành Thái thoái vị; điền tên Vĩnh San (1900-1945) vào bản chiếu đã soạn sẵn.

Vĩnh San (1900-1945) là con thứ Thành Thái (1889-1907) và Nguyễn Thị Định.

17/10/1907: Rời Huế, mang theo 4 vợ, 10 con, 20 người hầu (Aix, Gougal, 9578). Vua có 16 vợ và phi; 24 con. Trong

số vợ, 7 người chưa con. Một vợ là con Nguyễn Hữu Độ, có 2 con; nhưng người này không muốn theo vua vào Cap St Jacques (Aix, Gougal, 9578/5). 23/10/1907: Tới Bà Rịa.

1916: Bị đày qua Réunion.

Có những dư luận sai lầm cho rằng Thành Thái chống Pháp hay muốn làm cách mạng. Thực ra, cuộc đời Thành Thái là một chuỗi những hành động mà có viên chức Pháp gọi là "tổng hợp những tội của phương Đông và phương Tây."

10. Nguyễn Thành Thái (1/2/1889-[5/9/1907)

- Húy **Bửu Chiêu**, tự: **Lân** (16/3/1879 - 28/4/1954 (24/3 Giáp Ngọ), Con Dục Đức, mẹ là Phan Thị Điều (sau được tôn phong là Từ Minh Huệ thái hậu).

- Sinh ngày 16/3/1879 (22/2 Kỷ Mão), ghi là con trưởng Dục Đức. Ngày Mậu Thân [2], tháng Giêng Kỷ Sửu [1/2/1889] Rheinart lập Bửu Lân, niên hiệu là Thành Thái. Nhưng ghi là **con thứ bảy** Dục Đức [Cung tông Huệ Hoàng đế].

QTCBTY, 1971:429; ĐNTLCB, VI, q.11, 38: 1886-1889, 1978:157). Mất ngày 28/4/1954 (24/3 Giáp Ngọ), thi hài được đem ra Huế, thọ 65 tuổi.

- Năm 1907, bị Pháp đưa đi an trí ở Vũng Tàu, sau bị đày sang đảo Réunion.

- Năm 1947 về nước, sống tại Sài Gòn nhưng bị quản thúc. Năm 1951 được về thăm Huế một lần. Mất ngày 28/4/1954 (24/3 Giáp Ngọ), thọ 65 tuổi.

XI. DUY TÂN (5/9/1907-10/5/1916)

- Húy là **Hoảng**, tự: **Vĩnh San** (19/9/1900 [19/8/1899]-26/12/1945). Sinh ngày 19/9/1900 [19/8/1899]. Con thứ 8 của Bửu Lân (Thành Thái) và Nguyễn Thị Định.

3/9/1907: Thành Thái đồng ý thoái vị; điền tên Vĩnh San (1900-1945) vào bản chiếu đã soạn sẵn. 4/9/1907: Vĩnh San lên ngôi. 5/9/1907: Chính thức đăng quang với đế hiệu Duy Tân.

XLTV Toàn quyền: Louis Bonhoure (1908)

Toàn Quyền Anthony Klobukowski (26/6/1908-1911)

Khâm sứ Fernand Levecque (-15/5/1908)

Khâm sứ Jean Groleau (20/5/1908-)

Toàn Quyền Albert Sarraut (1911-1914, 1917-1921)

Khâm sứ Georges Mahé (1/1912-4/1913)

Jean Charles (6/1913-5/1919)

Jost Van Vollenhoven (1914-1915)

Ernest Roume (1915-1916)

3-4/5/1916: Duy Tân rời kinh thành "làm loạn" cùng nhóm Thái Phiên, Trần Cao Vân, Nguyễn Siêu và Tôn Thất

Đề. 6/5/1916: Duy Tân ra trình diện và bị hạ ngục.
10/5/1916: Phủ Phụ Chính, Hội đồng Hoàng tộc và văn võ quan đề nghị truất phế xuống hàng Hoàng tử. Tôn Thất Hân đề nghị đẩy cả hai cha con khỏi An Nam (Aix, Indo, GGI:9588).

17/5/1916: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Nguyễn Siêu và Tôn Thất Đề bị chém. 18/5/1916: Bửu Đảo (8/10/1885-6/11/1925) được đưa lên ngôi, tức Khải Định (1916-1925). Hoàng tử Vĩnh San và cha bị đày qua Réunion. Mùa Hè 1945, De Gaulle muốn sử dụng Hoàng tử như một lá bài bí mật trong kế hoạch tái chiếm Việt Nam.

Tử nạn phi cơ ngày 26/12/1945. Linh mục/Cao Ủy Georges Thierry d'Argenlieu ngậm ngùi cảm khái: tan biến như một giấc mơ đẹp.

De Gaulle cũng thờ dài cảm thán: “Nước Pháp thiếu may mắn!”

11. Duy Tân (10/9/1907-10/5/1916)

- Húy là **Hoãng**, tự: **Vĩnh San (19/9/1900 [19/8/1899]-26/12/1945)**. Sinh ngày 19/9/1900 [19/8/1899]. Con thứ 8 của Bửu Lân (Thành Thái) và Nguyễn Thị Định.

- Lên ngôi ngày 10/9/1907, ở ngôi 9 năm, lấy niên hiệu là Duy Tân. Tới 3-4/5/1916, rời kinh thành đi lãnh đạo khởi nghĩa chống Pháp (cùng với Thái Phiên, Trần Cao Vân...), tự động trở lại ngày 5/5/1916. 10/5/1916, bị truất phế, giáng làm Hoàng tử, đưa vào Vũng Tàu, sau bị đày sang đảo Réunion. Mất trong một tai nạn máy bay ngày 26/12/1945 tại Bắc Phi, trên đường từ Paris về Reunion. Ngày 2/4/1987, thi hài được đem về táng tại Huế (cạnh mộ của Thành Thái). Thọ 45 tuổi.

TÔN THẮT HÂN (1854-1944)

Sinh tại Lạc Thê, Thừa Thiên. Thuộc "hệ" thứ 5. 1879: Theo học Quốc Tử Giám; 1880: Làm quan tại tỉnh Quảng Ngãi; 1886: Tri huyện; 1889, Tri phủ; 1891: Lang Trung; 1894: Án sát Hà Tĩnh; 1895: Bố chính Hà Tĩnh, năm sau lên Tuần Phủ; 1901: Tổng đốc Nam-Ngãi, rồi An-Tĩnh.

1906: Thượng thư Bộ Hình; 1907: Có chân trong Phủ Phụ Chính.

1916: Đề nghị đẩy cả hai cha con Thành Thái và Duy Tân.

1916-1922: Cơ mật viện trưởng của Khải Định (1916-1925). 1917: Được phong Đông các Đại học sĩ. 1925: Đã về hưu, nhưng được cử làm Phụ chính Đại thần của Bảo Đại.

1933: Về hưu lần thứ hai. Cố vấn nguyên lão. Phó Quảng Quận Công.

3/9/1944: Chết (*LTTV*, 6/9/1944).

XII: KHẢI ĐỊNH (18/5/1916-6/11/1925)

Bửu Tuấn, tự Đảo (8/10/1885-6/11/1925). Sinh ngày 8/10/1885 [1/9 Ất Tị] tại Huế. ĐNTLCB, VI, q 1, 37: 1885-1886, 1977:43. Con trưởng Đồng Khánh.

Lên ngôi ngày 18/5/1916, chết ngày 6/11/1925 ở Huế vì lao tủy sống.

Toàn Quyền Albert Sarraut II ([1911-1914], 1917-1921)

Toàn Quyền Long

Toàn Quyền Martial Merlin

12. Nguyễn Hoàng Tông (17/5/1916-6/11/1925)

Họ, tên: Bửu Tuấn, tự Đảo. Con Nguyễn Cảnh Tông (Đồng Khánh).

Sinh 8/10/1885 [năm Nhâm Ngọ (1882).

- Lên ngôi năm 1916, ở ngôi 9 năm, niên hiệu là Khải Định. Từng sang Pháp (năm 1922), chết bệnh ngày 6/11/1925, thọ 43 tuổi.

TÔN THẮT QUẢNG (1882-)

Sinh tại Lương Quan, Thừa Thiên. 1909: Cử nhân. 1909-1913: Tri huyện Phú Lộc; 1913-1915, Tri phủ Hoài Nhơn. 1915-1916: Lang trung Bộ Hộ; 1916-1917, Tá lý Bộ Học. 1918-1923: Bộ chính Quảng Nam; 1925-1929, Tuần vũ Bình Định. 1929: Phủ Doãn Thừa Thiên. 1929-1933: Tổng Đốc Thanh Hoá kiêm Kinh lược các tỉnh Bắc Trung Kỳ.

1930-1931: Con trai lớn là Tôn Thất Phùng được học bổng theo học Y Khoa tại Pháp (Aix, Amiraux, 51454).

7/1933: Thượng Thư bộ Công, Nghệ thuật và Nghi lễ thay Toàn. Việc thay đổi này chỉ được công bố chính thức trong *BAA* số 11, ngày 2/9/1933 (*Souverains*, 1943:70-1).

12/5/1942: Về hưu.

XIII. BẢO ĐẠI (8/1/1926-25/8/1945, 8/3/1949-26/10/1955)

Nguyễn Phước Điện, tự Vĩnh Thụy (13/10/1913-1/8/1997)

“Mệ Vung,” Con Khải Định (1916-1925), ít nhất trên danh nghĩa, và Hoàng thị Cúc.

21/2/1922: Toàn quyền Long chấp thuận cho Vĩnh Thụy làm Thái tử. 28/4/1922: Đông cung Thái tử. Qua Pháp cùng Jean Charles và Phụ đạo Lê Như Lâm. (Tiểu sử Bảo Đại: CAOM (Aix), HCFI, CP 255).

6/11/1925: Khải Định (1885-1925) chết. 6/1/1926: Kế vị với tên Bảo Đại. 8/1/1926: Đăng quang. 1926-1932: Tiếp tục du học Pháp.

29/9/1924-2/1925: Trở lại Huế nhân dịp tứ tuần Khải Định.

6/11/1925: Khải Định (1885-1925) chết. Thọ 41 tuổi.
3/1/1926: Bảo Đại về tới Huế. 6/1/1926: Kế vị với tên Bảo Đại. 8/1/1926: Đăng quang.

Toàn Quyền Alexandre Varenne (28/11/1925-1926-1932: Tiếp tục du học.

Toàn Quyền Pasquier (1928-1934)

11/8/1932: Về nước. 7/9/1932: Tới Sài Gòn. 8/9/1932: Tới Tourane, rồi Huế. 10/9/1932: Ban Dụ cầm quyền.
4/11/1932: Ra Thanh Hóa làm lễ tế tổ tiên.

24/3/1934: Lấy Nam Phương [Jeanette Nguyễn Hữu Thị Lan]. 4/1/1936: Sinh Bảo Long. 17/9/1938: Phong Bảo Long làm Đông cung thái tử; 7/3/1939: Lễ lập Đông cung Thái tử].

Toàn Quyền René Robin (1934-

Toàn Quyền Jules Brévié (1/1937-7/1939)

Toàn Quyền Gerges Catroux (1/9/1939-20/7/1940)

Toàn Quyền Jean Decoux (20/7/1940-9/3/1945)

11/3/1945: Được Nhật giữ làm vua, tuyên bố độc lập với Pháp, gia nhập Khối Đại Đông Á của Nhật. Ngày 17/4/1945: Chính phủ Trần Trọng Kim. 1/8/1945: Việt Nam Đệ Quốc được thống nhất. 14/8/1945: Cử Nguyễn Văn Sâm làm Khâm Sai Nam Bộ.

25/8/1945: Thoái vị. Ra Bắc làm Cố vấn cho HCM từ ngày 11/9/1945.

27/2/1946: Biểu tình ủng hộ Bảo Đại ở Hà Nội. CAOM (Aix), HCFI, CP 255. 16/3/1946: Rời Việt Nam qua TH. Ngày 8/3/1949, trao đổi quốc thư với Tổng thống Pháp Vincent Auriol (1947-1953).

1/7/1949: Quốc trưởng Quốc Gia Việt Nam. 20-21/7/1954: Trung Cộng, Nga, và Bri-tên giúp Pháp và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ký hiệp định đình chiến, chia Việt Nam làm hai vùng tập trung quân đội, với vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) làm giới tuyến. Quốc Gia Việt Nam của Bảo Đại rút về phía nam vĩ tuyến 17, do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng toàn quyền quân và dân sự. Ngày 23/10/1955, Diệm truất phế Vĩnh Thụy, tự xưng làm Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa. Bảo Đại sống ở Pháp tới khi chết già ngày 1/8/1997.

13. Nguyễn Bảo Đại (8/1/1926-25/8/1945, 1/7/1949-23/10/1955)

- Húy là Nguyễn Phước Điện; tự Vĩnh Thụy (13/10/1913-1/8/1997) . Con duy nhất của Nguyễn Cảnh Tông (Đồng

Khánh), và Từ Cung. Vợ là Jeannette Nguyễn Hữu Thị Lan, công dân Pháp, giáo dân Ki-tô, cháu ngoại Huyện Sĩ Lê Phát Đạt, một trong bốn đại công thần của Bảo hộ Pháp.

- Lên nối ngôi ngày 8/1/1926, niên hiệu là Bảo Đại (8/1/1926-25/8/1945).

- 11/3/1945: Tuyên bố độc lập. 17/4/1945, Trần Trọng Kim lập chính phủ. 25 [30]/8/1945, thoái vị ở Huế. 11/9/1945: Cố vấn tối cao và công dân số 1 của HCM.

- 7/12/1945: Tạm ước Hạ Long I; 5/8/1947: Tạm ước Hạ Long II; 8/3/1949: Hiệp ước Elysées; 1/7/1949: “Quốc trưởng Quốc Gia Việt Nam [QGVN]. Ngày 23/10/1955, Ngô Đình Diệm bày trò trung cầu dân ý loại Bảo Đại. 1997: Chết tại Pháp. Thái tử Bảo Long (1936-2007) phục vụ quân đội Pháp với cấp Tướng.

Triều Nguyễn đến đó là chấm dứt.

Trở lên là 13 vua của triều Nguyễn, nối nhau trị vì 143 năm (1802-1945). Trong số 13 vua của nhà Nguyễn, chúng ta thấy:

- Vua ở ngôi lâu nhất là Dục Tông (Tự Đức): 35 năm, ngắn nhất là Dục Đức: 3 ngày.

- Vua thọ nhất là Hàm Nghi (71 tuổi), vua mất sớm nhất là Kiến Phúc (15 tuổi).

- Có ba vua bị Pháp đem đày đi là: Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân. Hai vua bị triều thần giết là Hiệp Hòa [29/11/1883] và Dục Đức [24/10/1884].